

MỤC LỤC

Chương 1: Kinh doanh tại thị trường Brazil	5
Tổng quan thị trường Brazil	5
Thách thức thị trường	15
Cơ hội thị trường Brazil.....	23
Các ưu đãi của Chính phủ.....	24
Những điều cần biết khi tiếp cận thị trường Brazil	24
Chương 2: Môi trường kinh tế và chính trị.....	26
Lịch sử	26
Chính trị.....	26
Kinh tế	34
Chương 3: Bán sản phẩm và dịch vụ	51
Đại lý và Dịch vụ.....	51
Thành lập văn phòng	51
Quan hệ đối tác, liên doanh và cấp phép.....	52
Bán cho Chính phủ Brazil	52
Các yếu tố và kỹ thuật bán hàng.....	53
Thương mại điện tử	54

Chương 4: Quan hệ song phương giữa Việt Nam và Brazil58

Quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Brazil..... 58

Quan hệ thương mại song phương giữa Việt Nam và Pháp 62

Xuất khẩu của Việt Nam sang Brazil năm 2018 66

Nhập khẩu của Việt Nam từ Brazil 91

Tiềm năng thị trường 96

Đầu tư 98

Chương 5: Các tiêu chuẩn quy định và hải quan99

Rào cản thương mại..... 99

Thuế nhập khẩu 99

Chứng từ và các quy định nhập khẩu 102

Các quy định về nhãn mác/ ký hiệu..... 104

Chuẩn bị xuất khẩu 105

Tạm nhập 106

Cấm và hạn chế nhập khẩu 106

Hải quan, quy định và tiêu chuẩn 107

Tiêu chuẩn thương mại 108

Hiệp định thương mại 111

Yêu cầu cấp phép cho các dịch vụ chuyên nghiệp 111

Chương 6: Môi trường đầu tư	113
Tóm tắt.....	113
Khu ngoại thương / Cảng tự do	115
Thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài và danh mục đầu tư nước ngoài	115
Số liệu đầu tư trực tiếp từ nước ngoài	117
Những gì cần xem xét nếu bạn đầu tư vào Brazil	120
Bảo vệ đầu tư nước ngoài	122
Chương 7: Trade & Project Financing.....	123
Các phương thức thanh toán.....	123
Kiểm soát ngoại hối.....	123
Ngân hàng đại lý địa phương.....	123
Chương 8: Đi lại	125
Văn hóa kinh doanh tại Brazil	125
Cảnh báo cần lưu ý khi đến Brazil	130
Các quy định về thị thực.....	132
Tiền tệ	143
Viễn thông/ Điện tử	144
Giao thông vận tải.....	144

Phương tiện truyền thông	147
Sức khỏe	147
Giờ địa phương, giờ làm việc và ngày lễ	147
Chương 9: Thông tin liên hệ	151
Cơ quan Chính phủ.....	151
Cơ quan về Kinh tế.....	151
Thông tin về lĩnh vực Văn hoá	153
Bộ phận Lãnh sự.....	154

Chương 1: Kinh doanh tại thị trường Brazil

Tổng quan thị trường Brazil

1. Thông tin cơ bản

Tên đầy đủ: Cộng hòa Liên bang Brazil

Quốc khánh: 07/9/1822

Thủ đô: Brasilia

Múi giờ: UTC-3

Đơn vị tiền tệ: đồng Reals (BRL)

Diện tích: 8.515.770 km². Brazil là quốc gia có diện tích lớn thứ 6 trên thế giới.

- Đất liền: 8.358.140 km²
- Nước: 157.630 km²

Biên giới đất liền: 16.145 km.



Biên giới đất liền của Brazil giáp với 10 quốc gia: Argentina (1263 km), Bolivia (3403 km), Colombia (1790 km), French Guiana (649 km), Guyana (1308 km), Paraguay (1371 km), Peru (2659 km), Suriname (515 km), Uruguay (1050 km), Venezuela (2137 km)

Vị trí địa lý: Nằm ở phía Đông Nam Mỹ, giáp với Đại Tây Dương. Brazil có thể được phân chia thành Brazil cao nguyên ở phía Nam và Brazil sông Amazon ở phía Bắc.

Địa hình: Địa hình của Brazil phân bố rất đa dạng và phức tạp. Phần lớn lãnh thổ ở phía Bắc của Brazil là những vùng đất thấp được che phủ bởi rừng Amazon. Phía Nam của nước này có địa hình chủ yếu là đồi và những vùng núi thấp. Vùng bờ biển giáp Đại Tây

Dương có nhiều dãy núi cao.

Brazil là một trong những nước có nhiều hệ thống sông lớn nhất trên thế giới. Nước này có tổng cộng 8 bồn địa lớn, nước của các con sông đi qua các bồn địa này để thoát ra Đại Tây Dương. Sông Amazon là con sông lớn nhất thế giới (tính theo dung lượng nước) và đồng thời là con sông dài thứ hai trên thế giới.

Lưu vực sông Amazon rộng lớn và màu mỡ đã tạo điều kiện cho những cánh rừng nhiệt đới hùng vĩ phát triển cùng với hệ thống sinh vật phong phú. Ngoài ra còn phải kể đến hệ thống sông Parana và phụ lưu; sông Iguacu.

Bên cạnh đó, còn có các sông Negro, Xingu, Madeira, Tapajos, một số đảo và đảo san hô trên Đại Tây Dương.

Phân chia hành chính:

➤ Các bang

Brazil được tổ chức theo hình thức liên bang. Các bang của Brazil (estado) có quyền tự tổ chức chính phủ, pháp luật, duy trì an ninh công cộng và thu thuế. Chính phủ bang do một thống đốc bang (governador) đứng đầu, được bầu theo hình thức phổ thông đầu phiếu. Ngoài ra còn có một cơ quan lập pháp riêng của bang (assembléia legislativa).

Brazil gồm 26 bang và 1 quận liên bang (distrito federal), tổng cộng là 27 đơn vị liên bang. Quận liên bang của Brazil bao gồm thủ đô của nước này, Brasilia.

Mỗi bang lại được chia thành nhiều hạt (municípios) với hội đồng lập pháp (câmara de vereadores) và một thị trưởng (prefeito) riêng. Các hạt này có quyền tự trị và về mặt hệ thống là độc lập với cả liên bang và chính phủ bang. Một hạt có thể gồm các thị trấn (distritos) khác bên cạnh khu vực, tuy nhiên các khu đô thị tự trị này không có chính phủ riêng biệt.

➤ Các vùng

Lãnh thổ Brasil được chia thành năm vùng riêng biệt: Bắc, Đông Bắc, Trung Tây, Đông Nam và Nam.

• Vùng Bắc

Vùng Bắc chiếm 45,27% lãnh thổ Brasil nhưng lại là vùng có số lượng dân cư thấp nhất. Vùng Bắc của Brazil là nơi sinh sống của nhiều người dân bản địa, do đó dễ hiểu vì sao văn hóa dân gian là một trong những khía cạnh quan trọng của văn hóa vùng này. Vùng Bắc cũng nổi tiếng với khung cảnh thiên nhiên hoang sơ của núi rừng Amazon và có ưu thế trong lĩnh vực du lịch sinh thái. Vùng Bắc có mức độ công nghiệp hóa và phát triển thấp (ngoại trừ Manaus, là nơi có một khu công nghiệp miễn thuế). Đây là nơi có nhiều rừng mưa nhiệt đới xanh tốt và nơi cư trú của một số lượng lớn người da đỏ.

• Vùng Đông Bắc

Vùng Đông Bắc chiếm một phần ba dân số Brasil, dân số phần lớn là người gốc Phi. Vùng này có nền văn hóa đa dạng, bao gồm những ảnh hưởng văn hóa thời thuộc địa Bồ Đào Nha, văn hóa châu Phi và văn hóa thổ dân da đỏ. Vùng này có khí hậu ẩm áp quanh năm và những vùng đất trù phú, tạo điều kiện cho nông nghiệp phát triển. Đây cũng là vùng nghèo nhất Brasil. Vùng Đông Bắc có mùa khô kéo dài và nhiều bãi biển đẹp nổi tiếng.

• Vùng Trung Tây

Vùng Trung Tây là vùng có diện tích lớn thứ hai tại Brasil, nhưng mật độ dân số lại thấp. Trung Tây được biết đến với khí hậu khô nóng và là vùng có thủ đô Brasília. Đây cũng là nơi sinh sống của nhiều người dân bản địa Braxin. Thủ đô của Brasil - thành phố Brasília, thuộc vùng này. Đây là nơi có đầm lầy Pantanal lớn nhất thế giới và một phần của rừng mưa Amazon nằm ở phía tây bắc. Vùng Trung Tây cũng là vùng nông nghiệp quan trọng

nhất của Brazil.

Về khí hậu, vùng này có hai mùa riêng biệt: mùa mưa (từ tháng 10 tới tháng 4) và mùa khô (từ tháng 5 tới tháng 9). Đây cũng là vùng nông nghiệp quan trọng nhất đất nước. Các thành phố lớn nhất là: Brasilia, Goiania, Campo Grande và Cuiaba.

- **Vùng Đông Nam**

Vùng Đông Nam là vùng giàu có tài nguyên và đông dân nhất nước. Một trong những khu vực hút du khách nhất ở Brazil chính là Đông Nam. Riêng dân số vùng này đã lớn hơn dân số của bất kỳ một nước Nam Mỹ nào khác. Đây là nơi có hai thành phố lớn nhất của Brasil: Rio de Janeiro và Sao Paulo. Cảnh quan vùng này khá đa dạng, với trung tâm thương mại chủ yếu của đất nước là São Paulo, thành phố lịch sử Minas Gerais và bãi biển Rio de Janeiro nổi tiếng.

- **Vùng Nam**

Vùng Nam là vùng giàu có nhất ở Brazil, với tiêu chuẩn sống tốt nhất và chất lượng dịch vụ được đánh giá cao. Đây cũng là vùng lạnh nhất Brazil, thỉnh thoảng có thể xuất hiện băng giá và tuyết ở một số vùng cao

Vùng này có nhiều người nhập cư Châu Âu sinh sống, chủ yếu là con cháu người Đức, người Ý và người Slav đã đến Brazil từ lâu, mang theo những ảnh hưởng rõ rệt về văn hóa quê hương cũ của họ. Các thành phố lớn nhất là Curitiba và Porto Alegre.

Đường biển: 7.491 km

Khí hậu: Phần lớn đất nước Brazil nằm trong vùng nhiệt đới và có các loại hình khí hậu nhiệt đới nóng ẩm và xích đạo.

Phần lớn diện tích Brazil nằm trong khoảng từ xích đạo cho đến đường chí tuyến nam. Mặc dù 90% lãnh thổ Brazil nằm trong vùng nhiệt đới nhưng giữa vùng này với vùng

khác trên đất nước vẫn có những sự khác biệt khá lớn về khí hậu.

Từ bắc xuống nam, khí hậu Brazil chuyển dần từ khí hậu nhiệt đới (giữa chí tuyến nam và xích đạo) cho đến khí hậu cận nhiệt tương đối ôn hòa (nằm dưới chí tuyến nam). Brazil có tổng cộng 05 dạng khí hậu khác nhau: xích đạo, nhiệt đới, nhiệt đới khô, núi cao và cận nhiệt đới.

Nhiệt độ trung bình năm quanh đường xích đạo khá cao, trung bình đạt khoảng 25 °C. Tuy nhiên trong những ngày nóng bức nhất của mùa hạ, nhiệt độ tại một số vùng của Brasil có thể lên tới 40 °C.

Miền nam Brazil có khí hậu tương đối cận nhiệt đới và có thể có sương giá về mùa đông. Tuyết rơi có thể xảy ra ở những vùng núi cao như Rio Grande do Sul hay Santa Catarina. Lượng mưa tại Brazil nhìn chung tương đối cao, khoảng 1000 đến 1500 mm mỗi năm.

Mưa tập trung nhiều hơn tại vùng lòng chảo Amazon nóng ẩm ở phía bắc, nơi lượng mưa có thể lên đến 2000 mm mỗi năm hoặc thậm chí cao hơn. Tuy có một lượng mưa hàng năm lớn như vậy song khu vực này cũng có mùa khô, kéo dài từ 3 tháng đến 5 tháng tùy theo vĩ độ.

Do nằm tại Nam bán cầu nên thời gian các mùa trong năm tại Brazil ngược lại so với các nước Bắc bán cầu. Mùa hạ ở đây kéo dài từ tháng 12 đến tháng 4, còn mùa đông lại nằm trong khoảng từ tháng 5 đến tháng 11.

Trên thực tế, ở những vùng nằm gần xích đạo, sự chênh lệch về mùa gần như không đáng kể với khí hậu nóng ẩm quanh năm, trong khi những vùng có khí hậu nhiệt đới thường chỉ có mùa mưa và mùa khô. Tại vùng có khí hậu cận nhiệt ở phía nam, thời tiết chia ra đủ 4 mùa xuân, hạ, thu, đông. Brazil cũng thường phải hứng chịu những trận bão lớn từ Đại Tây Dương đổ vào.

Tài nguyên thiên nhiên: Alumina, bauxit, berili, vàng, quặng sắt, mangan, niken,

niobium, photphat, bạch kim, tantalum, thiếc, các nguyên tố đất hiếm, urani, dầu mỏ, thủy điện, gỗ

Đất sử dụng (ước tính năm 2011):

- Đất nông nghiệp: 32,9% (Đất trồng trọt: 8,6%; Đất trồng thường xuyên: 0,8%; đồng cỏ cố định: 23,5%)
- Đất rừng: 61,9%
- Đất khác: 5,2%

Các vấn đề hiện tại về môi trường: Nạn phá rừng ở lưu vực sông Amazon phá hủy môi trường sống và gây nguy hiểm cho vô số các loài thực vật và động vật bản địa trong khu vực; buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp; săn trộm trái phép; ô nhiễm không khí và nước ở Rio de Janeiro, Sao Paulo và một số thành phố lớn khác; sự thoái hóa của đất và ô nhiễm nước do hoạt động khai thác không đúng cách; sự xói mòn đầm lầy; các sự cố tràn dầu nghiêm trọng

Dân số: 208.846.892 (ước tính tháng 7/2018). Brazil là quốc gia xếp vị trí thứ 5 về dân số trên thế giới.

Phân bố dân số: Phần lớn người dân sống tương đối gần dọc hoặc sống dọc theo phía đông bờ biển Đại Tây Dương; dân số tập trung nằm ở phía đông nam, sống tại các thành phố Sao Paulo, Brasíl và Rio de Janeiro

Các nhóm sắc tộc (ước tính năm 2010):

- Người da trắng: 47,7%
- Người da trắng lai da đen (mulatto): 43,1%
- Người da đen: 7,6%

- Người châu Á: 1,1%
- Người bản xứ: 0,4%

Ngôn ngữ:

- Tiếng Bồ Đào Nha (ngôn ngữ chính thức và được sử dụng rộng rãi)
- Một số ngôn ngữ ít phổ biến khác gồm: tiếng Tây Ban Nha (dùng ở khu vực biên giới và các trường học), tiếng Đức, Ý, Nhật Bản, tiếng Anh và một số ngôn ngữ của người da đỏ.

Tôn giáo (ước tính năm 2010):

- Công giáo La Mã: 64,6%
- Công giáo khác: 0,4%
- Tin lành: 22,2% (bao gồm Cơ đốc Phục lâm 6,5%, Hội chứng của Đức Chúa Trời 2,0%, Hội đoàn Kitô giáo của Brazil (Christian Congregation of Brazil) 1,2%, Hội thánh vương quốc Chúa toàn cầu (Universal Kingdom of God) 1,0%, đạo Tin lành khác 11,5%)
- Đạo Cơ đốc giáo khác 0,7%
- Thông linh giáo (Spiritist): 2,2%
- Đạo khác: 1,4%
- Không có đạo: 8%
- Không xác định cụ thể: 0,4%

Cấu trúc tuổi (theo ước tính năm 2018):

- 0 – 14 tuổi: 21,89% (23.310.437 nam/ 22.414.551 nữ)
- 15 – 24 tuổi: 16,29% (17.254.084 nam/ 16.758.140 nữ)
- 25 – 54 tuổi: 43,86% (45.449.158 nam/ 46.151.759 nữ)
- 55 – 64 tuổi: 9,35% (9.229.665 nam/ 10.296.824 nữ)
- ≥ 65 tuổi: 8,61% (7.666.845 nam/ 10.315.429 nữ)

Tỉ lệ phụ thuộc (theo ước tính năm 2015):

- Tỷ lệ phụ thuộc hoàn toàn: 43,8%
- Tỷ lệ phụ thuộc trẻ: 32,4%
- Tỷ lệ phụ thuộc già: 11,4%
- Tỷ số hỗ trợ tiềm năng: 8,7%

Độ tuổi trung bình (theo ước tính năm 2018): 32,4 tuổi

- Nam: 31,5 tuổi
- Nữ: 33,3 tuổi

Tỷ lệ tăng dân số: 0,71% (ước tính năm 2018)

Chi tiêu cho sức khỏe: 8,9% (ước tính năm 2015)

Chi tiêu cho giáo dục: 6,2% GDP (ước tính năm 2015)

Số người dùng internet: 122.841.218 người, chiếm 59,7% dân số (theo ước tính tháng 7/2016), xếp vị trí thứ 4 trên thế giới.

Cảng hàng không: 4.093 (năm 2013)

Cảng và các khu bến cảng:

- Các cảng biển chính: Belem, Paranagua, Rio Grande, Rio de Janeiro, Santos, Sao Sebastiao, Tubarao
- Bến tàu dầu (Oil terminal): DTSE/Gegua, Ilha Grande (Gebig), Guaiba Island, Guamare
- Các cảng container (TEUs): Santos (3,853,719) (2017)
- Các trạm đầu mối khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG terminal) (nhập khẩu): Pecem, Rio de Janeiro
- Cảng sông: Manaus (Amazon)
- Cảng hàng khô rời (dry bulk cargo port): Sepetiba ore terminal, Tubarao

Các vấn đề xã hội tồn tại: Vùng Đông Bắc gặp phải nhiều vấn đề kinh niên vì khí hậu nửa khô cằn ở những vùng nội địa, những đợt hạn hán thường kỳ ảnh hưởng tới cuộc sống của hàng triệu người.

Dù là một nước lớn với những nguồn tài nguyên phong phú và một nền kinh tế khá mạnh, Brazil vẫn còn tồn tại sự chênh lệch giàu nghèo, hiện vẫn có hơn 22 triệu người sống dưới mức nghèo khổ. Gộp cả những người sống trong tình trạng khá nghèo (có thu nhập không đủ cho những nhu cầu cơ bản), con số này có thể lên tới hơn 53 triệu người (khoảng 30% dân số). Đây là vấn đề đáng báo động, và điều này góp phần vào sự bất bình đẳng kinh tế của Brazil, một quốc gia được coi là đứng hàng đầu thế giới theo hệ số Gini. Sự nghèo khổ tại Brazil được thể hiện qua số lượng lớn các khu ổ chuột (favela), đa số các khu ổ chuột đều tồn tại ở những khu vực thành thị và ở những vùng xa xôi nơi ít có những phát triển kinh tế và xã hội.

Khoảng 16 triệu người dân Brasil chính thức được coi là mù chữ.

Trong vòng 12 năm qua, thuế suất của Brazil đã tăng đều hàng năm từ 28% GDP quốc gia lên tới 37%. Tuy nhiên, những cải thiện trong các lĩnh vực công cộng do chính phủ liên bang và các bang hay các chính phủ địa phương vẫn chưa đủ. 02 nguyên nhân chính của tình trạng này là:

- Lãi suất cao của những khoản nợ của chính phủ.
- Tham nhũng tràn lan: Từ cuối thời kỳ nắm quyền của quân đội và tái lập tự do báo chí trong nước, những vụ scandal liên tục với sự dính líu của cả nhánh hành pháp, lập pháp và tư pháp. Nạn hối lộ, tham ô, rửa tiền và ngân hàng nặc danh đã trở thành hệ thống.

2. Tổng quan thị trường Brazil

Brazil là quốc gia lớn nhất ở Nam Mỹ và là nền kinh tế lớn thứ hai ở phía Tây bán cầu sau Hoa Kỳ, và là nền kinh tế lớn thứ chín trên thế giới.

Theo Hội đồng Thương mại và Phát triển Liên Hợp Quốc (UNCTAD), mặc dù sụt giảm về giá trị nhưng Brazil đã vượt lên xếp hạng 7 về điểm đến dành cho vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài trên toàn cầu trong năm 2016 (số liệu mới nhất hiện có), với dòng vốn vào Brazil là 58,7 tỷ USD. Năm 2017, tỷ lệ nợ trên GDP của Brazil ở mức 74%, thấp hơn so với mức dự kiến (77%) trong năm 2016. Theo Viện Địa lý và Thống kê Brazil (IBGE), cơ quan quốc gia chịu trách nhiệm thống kê chính thức, năm 2017 là năm có mức lạm phát thấp nhất từ năm 1998. Tháng 4/2018, tỷ lệ lạm phát của Brazil tăng lần đầu tiên kể từ đầu năm, và tiếp tục tăng vào tháng 5 và tháng 6 do cuộc đình công của các tài xế xe tải kéo dài 11 ngày khiến Brazil rơi vào bế tắc và gây thất thoát hàng triệu đô la. Tuy nhiên, dự kiến lạm phát sẽ tăng tốc chậm do thất nghiệp ở mức hai chữ số và sự hồi phục kinh tế không đồng đều, nhưng lạm phát vẫn ở dưới mức trung bình lịch sử.

Brazil vẫn đang hồi phục sau cuộc suy thoái kinh tế tồi tệ nhất trong lịch sử. Các dự báo

ban đầu ước tính GDP tăng trưởng 3% trong năm 2018, nhưng theo Ngân hàng Trung ương Brazil con số này đã giảm xuống còn 1,6%, sau cuộc đình công của các tài xế xe tải trên toàn quốc đối với giá nhiên liệu, tỷ lệ thất nghiệp khoảng 13% và đầu tư giảm vào thời điểm trước cuộc bầu cử không thể đoán trước. Một thách thức đáng chú ý khác đối với các nhà xuất khẩu tiềm năng là mức độ quan liêu và thuế cao (được biết đến với tên gọi là Custo Brasil Lớn).

Tháng 10 năm 2018, Brazil sẽ tổ chức các cuộc bầu cử chung có khả năng ảnh hưởng đến quỹ đạo kinh tế của đất nước. Không dưới 16 ứng cử viên đang cạnh tranh và đây là cuộc bầu cử rộng mở nhất kể từ khi Brazil trở lại chế độ dân chủ trong những năm 1980.

Thách thức thị trường

1. Bằng sáng chế, Hợp đồng chuyển giao công nghệ, Bảo vệ giống cây trồng và Tài nguyên di truyền

Bằng sáng chế được quy định bởi Luật Liên bang số 9279, ngày 14/5/1996 (Luật IP). Các quyền về bằng sáng chế ở Brazil thông qua việc đăng ký với Viện sở hữu công nghiệp quốc gia (“Instituto Nacional de Propriedade Industrial” - INPI). Các đơn xin cấp bằng sáng chế được giải quyết trên cơ sở nguyên tắc nộp đơn đầu tiên, bất kể ngày tạo ra hoặc sáng chế. Một ngoại lệ nhỏ được áp dụng theo điều 45 của Luật. Có thể được yêu cầu ưu tiên theo Công ước Paris và có thể được sử dụng hệ thống Hiệp ước Hợp tác Sáng chế. INPI có nhiều chương trình khác nhau để tiến hành truy tố các bằng sáng chế, bao gồm Chương trình Thí điểm thẩm định nhanh đơn sáng chế có giới hạn với Văn phòng nhãn hiệu và bằng sáng chế của Hoa Kỳ.

Đăng ký tại INPI sẽ thuận tiện chuyển tiền bản quyền ra nước ngoài, khi áp dụng và khấu trừ thuế cho các khoản tiền được trả như tiền bản quyền bởi một công ty địa phương. Để biết thêm thông tin, doanh nghiệp có thể tìm hiểu thêm các Điều 61, 62, 68, 121, 139, 140 và 211 của Luật IP, Thông tư Ngân hàng Trung ương số 2819/98, Nghị định số 3.000 /

99., Hướng dẫn quy định số 70/2017, và Nghị quyết số 199/2017.

Giống cây trồng được quy định bởi Luật liên bang số 9456 ngày 25/4/2007 (Luật bảo vệ giống cây trồng https://www.planalto.gov.br/ccivil_03/Leis/L9456.htm). Bảo vệ giống cây trồng được bảo vệ bằng phương thức đăng ký Dịch vụ bảo vệ giống cây trồng quốc gia (“Serviço Nacional de Proteção de Cultivares” - SNPC).

Brazil cung cấp một khung bảo vệ riêng cho nguồn gen theo Đạo luật số 13.123 / 15. Theo Đạo luật, Hội đồng quản lý di sản di truyền (CGen) chịu trách nhiệm giám sát việc tiếp cận di sản và kiến thức truyền thống liên quan. Các cá nhân nước ngoài không được phép tiếp cận cơ sở dữ liệu Kiến thức di truyền cổ truyền và di sản của Brazil. Tuy nhiên, các doanh nghiệp nước ngoài có trụ sở bên ngoài Brazil có thể tiếp cận di sản này nếu hoạt động được thực hiện với Viện nghiên cứu hoặc Viện khoa học Brazil, bất kể tổ chức này là công hay tư nhân. Một số đơn xin cấp bằng sáng chế được gửi trước khi INPI có thể yêu cầu chứng nhận từ CGen nếu được xác định là có nguồn gốc từ nguồn gen Brazil.

2. Bản quyền và phần mềm máy tính

Bản quyền tác giả, bao gồm quyền tác giả và các quyền lân cận, được quy định bởi Luật Liên bang số 9610 ngày 19/2/1998 (Luật Bản quyền). Đăng ký bản quyền không bắt buộc phải có sự bảo vệ, nhưng việc đăng ký vẫn hữu ích trong trường hợp xảy ra tranh chấp, do giấy chứng nhận đăng ký sẽ cho phép giả định quyền tác giả nếu không có bằng chứng ngược lại. Phần mềm máy tính hoặc chương trình máy tính được quy định bởi Luật Liên bang số 9609 ngày 19/2/1998 (Luật Phần mềm Máy tính), Luật Liên bang số 9610 ngày 19/2/1998 (Luật Bản quyền) và Luật IP, khi áp dụng.

Theo luật, phần mềm có thể được đăng ký tại INPI. Việc đăng ký là không bắt buộc, nhưng việc đăng ký sẽ cung cấp cho người tạo phần mềm các chứng từ liên quan và bằng chứng về quyền sở hữu trong các tranh chấp. Việc thừa nhận quyền tác giả cũng có căn cứ đối với các phần mềm đã đăng ký nếu không có bằng chứng ngược lại.

Các phần của chương trình và các dữ liệu khác mô tả phần mềm là một sáng tạo độc lập và được hiển thị trong đơn xin cấp phép được bảo vệ bí mật. INPI được yêu cầu duy trì thông tin đó trừ khi được yêu cầu tiết lộ theo lệnh của tòa án hoặc theo yêu cầu của tác giả.

3. Nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý

Thương hiệu được quy định tại Brazil theo Luật IP (Luật liên bang số 9279 ngày 14/5/1996). Quyền thương hiệu chỉ có thể có được ở Brazil thông qua đăng ký với INPI. Các đơn xin cấp quyền thương hiệu được xử lý dựa trên nguyên tắc đơn nào nộp đầu tiên, xem xét mọi ưu tiên được yêu cầu, bao gồm ưu tiên theo Công ước Paris (Điều số 125).

4. Cường chế

Năm 2004, chính phủ liên bang Brazil đã thành lập Hội đồng quốc gia chống vi phạm bản quyền và tội phạm chống lại sở hữu trí tuệ (“Conselho Nacional de Combate à Pirataria e Delitos contra a Propriedade Intelectual” hoặc CNCP), thuộc Bộ Tư pháp. Hội đồng phối hợp hành động quốc gia trong cuộc chiến chống tội phạm IPR và hợp tác với các đại diện trong các khu vực công và tư nhân. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang web của CNCP tại:

Trong phạm vi Liên bang, ba cơ quan khác nhau có liên quan trực tiếp đến công việc thực thi quyền SHTT:

- Receita Federal do Brasil: <http://idg.receita.fazenda.gov.br/contato/unidades-de-atendimento>;
- Polícia Federal <http://www.pf.gov.br/institucional/pf-pelo-brasil>; và
- Polícia Rodoviária Federal: <https://www.prf.gov.br/portal/unidades-prf>.

Ngoài ra, nhiều tiểu bang ở Brazil có các Đơn vị Cảnh sát Dân sự được dành riêng để

thực thi quyền SHTT:

➤ **Brasília – DF**

Phối hợp trấn áp tội phạm chống lại người tiêu dùng, thuế và gian lận - Phân chia quyền lợi của người tiêu dùng (“Coordenação de Repressão aos Crimes contra o Consumidor, Ordem Tributária e Fraudes (CORF) - Divisão de Crimes contra o Consumidor”)

Địa chỉ: EQN 204/205 - Asa Norte

Brasília, DF – Brazil

Điện thoại: (55 61) 3245-7525

Trang web: <https://www.pcdf.df.gov.br/>

➤ **Bang Rio de Janeiro**

Đơn vị cảnh sát trấn áp tội phạm chống lại quyền sở hữu trí tuệ (“Delegacia de Repressão de Crimes Contra a Propriedade Imateral” – DRCPIM)

Địa chỉ: Av. Dom Helder Câmara, 2066

20910-061 - Rio de Janeiro, RJ – Brazil

Điện thoại: (55 21) 2582-7466

Trang web: <http://www.policiacivil.rj.gov.br/delegacia.asp>

➤ **Bang Pernambuco**

Đơn vị cảnh sát chống tội phạm sở hữu trí tuệ (“Delegacia de Crimes contra a Propriedade Imaterial”)

Địa chỉ: Rua Visconde de Suassuna, 164,

Boa Vista - Recife, PE – Brazil

Điện thoại: (55 81) 3184-3384 / 3385/3386

Các tổ chức chính phủ có trách nhiệm đối với việc đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ ở Brazil

INPI là tổ chức chính phủ có trách nhiệm chính đối với bằng sáng chế, nhãn hiệu, GI và đăng ký chương trình máy tính và ghi lại các thỏa thuận chuyển giao công nghệ. Việc ghi lại giấy phép thương hiệu cũng được yêu cầu trong một số trường hợp. Bảo vệ giống cây trồng được đảm bảo với Cơ quan bảo vệ giống cây trồng quốc gia. Nhiều tổ chức chịu trách nhiệm đăng ký bản quyền, tùy thuộc vào tính chất công việc.

➤ **Đối với Bằng sáng chế, Nhãn hiệu, GI, Chương trình Máy tính và Hợp đồng chuyển giao công nghệ**

Viện sở hữu công nghiệp quốc gia - Bộ Phát triển, Công nghiệp và Ngoại thương

(“Instituto Nacional da Propriedade Industrial – Ministério do Desenvolvimento, Indústria e Comércio Exterior”)

Địa chỉ: Rua São Bento 1

20090-010 - Rio de Janeiro, RJ – Brazil

Tel: (55 21) 3037-4000

Website: <http://www.inpi.gov.br>

➤ **Dịch vụ quốc gia về bảo vệ giống cây trồng (“Serviço Nacional de Proteção de Cultivares”)**

Địa chỉ: Esplanada dos Ministérios - Bloco D - Anexo A - Sala 251

Brasília, DF – Brazil

Tel: (55 61) 3218-2547 / 3218-2549

Website: <http://www.agricultura.gov.br/vegetal/registros-autorizacoes/protecao-cultivares>

➤ **Đôi với bản quyền**

• **Tác phẩm văn học**

Văn phòng bản quyền của Quỹ Thư viện Quốc gia

(“Escritório de Direitos Autorais da Fundação Biblioteca Nacional”)

Địa chỉ: Rua da Imprensa nº 16, 12º andar - sala 1205

20030-120 - Centro - Rio de Janeiro, RJ – Brazil

Tel: (55 21) 2220-0039 or (55 21) 2262-0017

Website: <https://www.bn.br/servicos/direitos-autorais>

• **Tác phẩm âm nhạc**

Trường Âm nhạc của Đại học Liên bang Rio de Janeiro

(“Escola de Música da Universidade Federal do Rio de Janeiro”)

Địa chỉ: Largo da Lapa, 51 - Prédio II – 2º andar

20021-170 - Rio de Janeiro, RJ – Brazil

Email: registro@musica.ufrj.br

Website:

http://www.musica.ufrj.br/index.php?option=com_content&view=category&layout=blog

[&id=49&Itemid=108](#)

- **Tác phẩm nghệ thuật**

Trường Mỹ thuật thuộc Đại học Liên bang Rio de Janeiro

(“Escola de Belas Artes da Universidade Federal do Rio de Janeiro”)

Địa chỉ: Av. Pedro Calmon, 550

Prédio da Reitoria - Cidade Universitária – sala 737

21941-901 - Ilha do Fundão - Rio de Janeiro, RJ – Brazil

Tel: (55 21) 3938-1649/1949

Website: <http://www.eba.ufrj.br/index.php/servicos/direitos-autorais>

- **Công trình kỹ thuật, kiến trúc và nông học**

Hội đồng Kỹ thuật, Kiến trúc và Nông học Liên bang

(“[Conselho Federal de Engenharia, Arquitetura e Agronomia](#)”)

Địa chỉ: SEPN Quadra 508, Bloco B – Ed. Adolfo Morales de Los Rios Filho

70740-542 Brasilia, DF – Brazil

Tel: (55 61) 3348-3700

Website: <http://www.confea.org.br/cgi/cgilua.exe/sys/start.htm?sid=1801>

Đơn đăng ký sẽ được chuyển đến CONFEA thông qua Hội đồng khu vực ([CREA](#)).

5. Bảo vệ IP

Một số nguyên tắc chung rất quan trọng để quản lý hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ ở Brazil. Đầu tiên, điều quan trọng là phải có một chiến lược tổng thể để bảo vệ IP của bạn. Thứ hai, IP được bảo vệ khác nhau ở Brazil, các quyền phải được bảo đảm và thực thi ở Brazil, theo luật địa phương. Đăng ký và bằng sáng chế thương hiệu ở quốc gia của bạn sẽ không thể bảo vệ bạn ở Brazil. Tương tự như vậy, không có gì gọi là bản quyền quốc tế có thể tự động bảo vệ một tác phẩm của tác giả trên toàn thế giới. Việc bảo vệ chống lại việc sử dụng trái phép phụ thuộc vào luật pháp quốc gia của quốc gia đó. Tuy nhiên, hầu hết các quốc gia cung cấp bảo vệ bản quyền cho các tác phẩm nước ngoài trong một số điều kiện nhất định và những điều kiện này đã được đơn giản hóa rất nhiều bởi các điều ước và công ước bản quyền quốc tế.

Bằng sáng chế được xem xét trên cơ sở đơn nộp trước, quyền đến trước. Tương tự, việc đăng ký nhãn hiệu được xác định trên cơ sở đơn đăng ký trước, quyền đến trước, vì vậy bạn nên xem xét việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu và bằng sáng chế ngay cả trước khi bán sản phẩm hoặc dịch vụ tại thị trường Brazil. Việc đăng ký bản quyền là không bắt buộc, nhưng sẽ là bằng chứng cần thiết trong trường hợp tranh chấp. Các chủ sở hữu có trách nhiệm đăng ký, bảo vệ và thực thi các quyền của họ khi có liên quan. Các công ty có thể cần tìm kiếm lời khuyên từ phía luật sư địa phương hoặc chuyên gia tư vấn IP - chuyên gia về luật Brazil.

Luôn luôn cần tiến hành thẩm định đối với các đối tác tiềm năng. Một đối tác tốt là một đồng minh quan trọng trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Không thể cho phép đối tác thay mặt bạn đăng ký quyền sở hữu trí tuệ. Làm như vậy có thể dẫn đến rủi ro rằng đối tác của bạn sẽ tự ghi vào danh sách là chủ sở hữu IP và không chuyển nhượng các quyền nếu mối quan hệ với đối tác chấm dứt hoặc không tốt đẹp. Các dự án và bán hàng ở Brazil đòi hỏi sự chú ý liên tục. Làm việc với luật sư pháp lý quen thuộc với luật pháp Brazil để thảo ra một hợp đồng chắc chắn bao gồm các điều khoản không cạnh tranh và các điều khoản bảo mật/ không tiết lộ.

Các công ty vừa và nhỏ nên xem xét tầm quan trọng của tư cách thành viên và tham gia sở hữu trí tuệ cũng như các hiệp hội và tổ chức thương mại đặc thù của ngành để hỗ trợ các nỗ lực bảo vệ IP và ngăn chặn vi phạm bản quyền và giả mạo. Một số các tổ chức gồm:

- Hiệp hội các nhà sản xuất quốc gia (NAM): <http://www.nam.org/>
- Liên minh sở hữu trí tuệ quốc tế (IIPA): <http://www.iipa.com/>
- Hiệp hội thương hiệu quốc tế (INTA): <http://www.inta.org/>
- Liên minh chống hàng giả quốc tế (IACC): <http://www.iacc.org/>
- Tổ chức công nghiệp công nghệ sinh học (BIO): <http://www.bio.org/>

6. Thực thi quyền sở hữu trí tuệ

Chủ sở hữu quyền ở Brazil tiếp tục đối mặt với những thách thức về quyền sở hữu trí tuệ. Luật sở hữu trí tuệ Brazil được ban hành năm 2003. Cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ đang có những cải thiện đáng kể trong việc thực thi Luật này. Tuy nhiên, Brazil vẫn nằm trong “Danh sách theo dõi” của báo cáo 301 của Mỹ từ năm 2007. Chỉ định này phản ánh những mối quan tâm đáng kể về mức độ giả mạo và vi phạm bản quyền ở Brazil, bao gồm cả vi phạm bản quyền trên Internet, cũng như về sự chậm trễ trong kiểm tra các bằng sáng chế. Thông tin về đăng ký bảo hộ tài sản sở hữu trí tuệ xem tại <http://www.inpi.gov.br/english>

Cơ hội thị trường Brazil

Brazil ưu tiên 5 lĩnh vực đối với hàng hóa (năng lượng, cơ sở hạ tầng, y tế, quốc phòng và hàng không; công nghệ thông tin) và 4 lĩnh vực dịch vụ (giáo dục, du lịch, nhượng quyền thương mại; và công nghệ tài chính).

Các ưu đãi của Chính phủ

Ưu đãi thuế ở các bang Đông Bắc và các bang Amazonas và Espírito Santo;

Chương trình công nghệ nông nghiệp và công nghiệp;

REPES và RECAP - Ưu đãi thuế dành cho xuất khẩu;

REPETRO - Ưu đãi thuế cho ngành Dầu khí;

Hệ thống DRAWBACK;

REIDI – Cơ chế đặc biệt dành cho đầu tư vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng;

REPORTO - Cơ chế đặc biệt dành cho đầu tư vào các cơ sở cảng;

PADIS và PATVD - Các chương trình phát triển ngành công nghiệp bán dẫn và truyền dẫn kỹ thuật số;

Khu thương mại tự do Manaus (MFTZ);

Những khu vực thương mại tự do đặc biệt khác.

Những điều cần biết khi tiếp cận thị trường Brazil

Điều đầu tiên cần biết đó là, Viện Đo lường, Tiêu chuẩn hóa và Chất lượng Công nghiệp Quốc gia (INMETRO) là cơ quan chứng nhận đại diện cho chính phủ Brazil. Các tiêu chuẩn quốc gia Brazil được xây dựng bởi INMETRO quy định về an toàn sản phẩm, hiệu suất năng lượng hay mức độ tiếng ồn của các sản phẩm như đồ điện, dụng cụ làm vườn, đồ gia dụng, thiết bị viễn thông và các thiết bị y tế. Để hiểu về một số quy định của Brazil, chúng ta cần xem xét những điều sau đây:

➤ Ngôn ngữ

- Bao bì và sách hướng dẫn sử dụng phải sử dụng tiếng Bồ Đào Nha.
- Quy định này có thể được miễn trừ đối với các trang thiết bị chuyên dụng

➤ **Hồ sơ chứng từ**

- Dán nhãn là bắt buộc
- Đối tượng xin giấy phép và đối tượng được cấp phép phải được thành lập và đăng ký hợp pháp
- Phê chuẩn sản phẩm vô tuyến điện là quy trình bao gồm 02 bước: chứng nhận và phê chuẩn.

➤ **Thử nghiệm**

Tùy theo từng loại sản phẩm, có thể phải thử nghiệm trong nước (Braxin). Công ty đại diện của doanh nghiệp cần phải có số chứng minh do Sở Thuế vụ Liên bang Brazil cấp. Thử nghiệm phải được thực hiện tại phòng thử nghiệm được công nhận bởi INMETRO, hoặc tại một phòng thử nghiệm là thành viên của ILAC (Tổ chức Công nhận Phòng Thí nghiệm Quốc tế). Yêu cầu đối với các sản phẩm vô tuyến bao gồm:

- Kiểm định trong nước
- 3-6 mẫu, ở chế độ sẵn sàng thử nghiệm (test mode ready) và trong thời hạn sử dụng được
- Các mẫu ở chế độ sẵn sàng thử nghiệm phải truyền tín hiệu liên tục, cho dù đó không phải là cách vận hành thông thường.

➤ **Duy trì hàng năm**

- Duy trì hàng năm theo Quyết định có liên quan đến sản phẩm

- Đánh giá nhà máy hàng năm do INMETRO tiến hành
- Kiểm tra hàng năm do Cục Bảo vệ Khách hàng (CCS) tiến hành

Chương 2: Môi trường kinh tế và chính trị

Lịch sử

Tên gọi Brazil bắt nguồn từ tên một mặt hàng xuất khẩu chủ lực của vùng đất này: cây vang (trong tiếng Bồ Đào Nha là Pau-Brasil), một loại cây cung cấp nhựa để làm phẩm nhuộm màu đỏ.

Năm 1531: Brazil là thuộc địa của Bồ Đào Nha.

Ngày 7/9/1822: Brazil tuyên bố độc lập.

Năm 1888, Brazil xóa bỏ chế độ nô lệ.

Từ 1964 - 1989, các chính quyền độc tài quân sự thay nhau cầm quyền.

Năm 1889, Brazil chuyển từ chế độ quân chủ sang chế độ cộng hoà. Tên của đất nước được đổi thành Cộng hòa Hợp chúng quốc Brazil (đến năm 1967 thì đổi lại thành Cộng hòa Liên bang Brazil như ngày nay).

Chính trị

➤ Thể chế - nhà nước

Theo thể chế Cộng hòa Tổng thống, chế độ lưỡng viện; Cộng hòa Liên bang (từ năm 1891).

Theo hiến pháp, Brazil là một quốc gia theo thể chế cộng hòa liên bang, được tạo lập dựa trên 4 thực thể chính trị là Liên bang, bang, các chính quyền thành phố tự trị và quận liên

bang. Không có sự phân cấp cụ thể nào về quyền lực giữa các thực thể chính trị này. Chính quyền Brasil được chia thành các nhánh: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Hoạt động của các nhánh này diễn ra độc lập với nhau và đồng thời được kiểm tra và điều chỉnh cân bằng sao cho thích hợp. Nhánh hành pháp và lập pháp được tổ chức ở cả 4 thực thể chính trị, trong khi nhánh tư pháp chỉ được tổ chức ở cấp Liên bang và bang.

Nhánh hành pháp được thực thi bởi chính phủ, trong khi nhánh lập pháp được thực thi bởi cả chính phủ và hai viện của quốc hội Brasil. Nhánh tư pháp hoạt động riêng rẽ với hai nhánh trên.

➤ **Hành pháp**

Về nhánh hành pháp, người đứng đầu nhà nước là tổng thống Brazil có nhiệm kỳ 4 năm và được phép nắm tối đa 2 nhiệm kỳ.

Tổng thống có quyền chỉ định thủ tướng liên bang, có vai trò hỗ trợ cho tổng thống trong việc điều hành đất nước.

➤ **Lập pháp**

Về nhánh lập pháp, Quốc hội của Brasil được chia làm 2 viện: thượng viện và hạ viện.

Thượng viện Liên bang Brasil gồm có 81 ghế, phân bố đều mỗi 3 ghế cho 26 bang và quận liên bang (thủ đô) và có nhiệm kỳ 8 năm. Hạ viện có tổng cộng 513 ghế, được bầu cử theo nhiệm kỳ 4 năm và phân bố theo tỉ lệ bang. 04 năm một lần, 1/3 số thành viên của Thượng nghị viện được miễn nhiệm. Mỗi bang của Brazil đều có cơ quan lập pháp.

Một trong những nguyên tắc chính trị của nền cộng hòa là hệ thống đa đảng, như một sự đảm bảo về tự do chính trị. Hiện nay có tổng cộng 15 đảng chính trị lớn nhỏ có ghế trong Quốc hội Brasil. 04 đảng lớn nhất hiện nay là:

- Đảng Công nhân Brasil (PT)
- Đảng Dân chủ Xã hội Brasil (PSDB)
- Đảng Vận động Dân chủ Brasil (PMDB)
- Đảng Dân chủ (tiền thân là Đảng Mặt trận Tự do - PFL).

➤ **Tư pháp**

Brazil có 26 bang là các khu vực hành chính trực thuộc Trung ương.

Tổng thống và Phó tổng thống được bầu bằng tuyển cử phổ thông đầu phiếu trên cùng một lá phiếu, nhiệm kỳ 5 năm.

Luật pháp của Brazil dựa trên luật La Mã - Germania truyền thống. Hiến pháp Liên bang, được thông qua vào ngày 05/10/1988 là bộ luật cơ bản nhất của Brazil. Lần sửa đổi gần nhất vào năm 1997. Tất cả những quyết định của nhánh lập pháp và tòa án đều phải dựa trên Hiến pháp Brazil.

Các bang của Brazil đều có hiến pháp riêng của bang mình, nhưng không được trái với Hiến pháp Liên bang. Các chính quyền thành phố và quận liên bang không có hiến pháp riêng mà có bộ luật của riêng mình, gọi là luật cơ bản (leis orgânicas).

Quyền lực pháp lý được thực thi bởi nhánh tư pháp, mặc dù trong một số trường hợp đặc biệt Hiến pháp Brazil cũng cho phép Thượng viện Liên bang thông qua những quyết định về mặt luật pháp.

Cơ quan quyền lực cao nhất trong ngành tư pháp của Brasil là Tòa án Liên bang Tối cao. Tòa án Liên bang Tối cao gồm 11 thẩm phán, do Tổng thống bổ nhiệm. Tuy nhiên hệ thống tư pháp của Brazil bị chỉ trích làm việc kém hiệu quả trong vài thập kỉ qua trong

việc thực hiện các bước cuối của việc xét xử. Các vụ kiện cáo thường mất tới vài năm để giải quyết và đi đến phán quyết cuối cùng

➤ **Thành viên chính phủ hiện nay**

- Tổng thống Brazil: ông Jair Bolsonaro
- Phó Tổng thống: ông Hamilton Mourão
- Chánh văn phòng Phủ Tổng thống: ông Onyx Lorenzoni
- Thư ký Chính phủ: ông Luiz Eduardo Ramos
- Bộ trưởng Bộ Tư pháp: ông Sergio Moro
- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: ông Fernando Azevedo
- Ngoại trưởng: ông Ernesto Araujo
- Bộ trưởng Bộ Kinh tế: ông Paulo Guedes
- Bộ trưởng Bộ Cơ sở hạ tầng: ông Tarcísio Gomes de Freitas
- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp, Chăn nuôi và Cung ứng: bà Tereza Cristina
- Bộ trưởng Bộ Giáo dục: ông Abraham Weintraub
- Bộ trưởng Bộ Công dân: ông Omar Terra
- Bộ trưởng Bộ Y tế: ông Luiz Henrique Mandetta
- Bộ trưởng Bộ Hàm mỏ và Năng lượng: ông Bento Costa Lima Leite
- Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Truyền thông: ông Tenente-coronel Marcos Pontes

- Bộ trưởng Bộ Môi trường: ông Ricardo Salles
- Bộ trưởng Bộ Du lịch: ông Marcelo Álvaro Antônio
- Bộ trưởng Bộ Phát triển Vùng: ông Gustavo Canuto
- Bộ trưởng Bộ Tổng hợp Liên minh (Controladoria-Geral da União (CGU)): ông Wagner Rosário
- Bộ trưởng Bộ Phụ nữ, Gia đình và Nhân quyền: bà Damares Alves
- Tổng Thư ký Tổng thống: ông Jorge Oliveira
- Bộ trưởng Văn Phòng an ninh Tổ chức - Cố vấn an ninh quốc gia: ông Augusto Heleno
- Tổng chương lý của Liên minh (AGU): ông André Luiz de Almeida
- Chủ tịch ngân hàng trung ương: ông Roberto Campos Neto
- Đại sứ Brazil tại Việt Nam: ông Fernando Apparicio da Silva

➤ **Tình hình chính trị Brazil hiện nay**

Ngày 01/01/2019, Tổng thống đắc cử Brazil, ông Jair Bolsonaro tuyên thệ nhậm chức. Ông Jair Bolsonaro là thành viên đảng cực hữu Brazil (Đảng xã hội tự do-PSL) đã đắc cử vị trí tổng thống nhiệm kỳ 2019-2022. Theo kết quả kiểm phiếu cuối cùng ông Bolsonaro đã giành được 55,1% phiếu bầu so với ông Fernando Haddad (Đảng Lao động-PT) được 44,9% (trên tổng số phiếu bầu). Đây là lần đầu tiên một đảng cực hữu giành chiến thắng trong một cuộc bầu cử tổng thống tại Brazil kể từ khi chế độ dân chủ được khôi phục tại quốc gia Nam Mỹ này hồi giữa những năm 1980 của thế kỷ trước.

Đây là một cuộc bầu cử đáng chú ý nhất của Brazil bởi đất nước đang đứng trước nhiều khó khăn: khủng hoảng về kinh tế, chính trị, xã hội, nạn tham nhũng làm mất lòng tin của người dân vào chính quyền; thêm vào đó những bất ổn an ninh xã hội gia tăng vì tình trạng các nhóm tội phạm ma túy, vũ khí.

Tổng thống đắc cử Bolsonaro sẽ phải đối mặt trước rất nhiều các vấn đề nan giải của đất nước. Hơn thế nữa, nền kinh tế vẫn tăng trưởng hết sức chậm chạp kể từ suy thoái từ 2014. Các ngành sản xuất chưa phục hồi. Thêm một bất lợi cho ngành thép của Brazil là khi phải tăng thêm phụ phí đối với thị trường Hoa Kỳ bởi đây cũng là một trong những ngành xuất khẩu chủ lực của Brazil. Thâm hụt ngân sách ở mức kỷ lục, hơn 48 tỷ USD với gánh nặng hưu trí, lạm phát và thất nghiệp vẫn ở mức cao, trong khi đầu tư tư nhân chưa phục hồi đều tạo sức ì cho nền kinh tế. Brazil vẫn thực hiện mô hình kinh tế tự do, ưu tiên phục hồi kinh tế, tái cân bằng các tài khoản công, thực hiện chính sách thắt lưng buộc bụng với việc cắt giảm chi tiêu và tăng thuế. Tuy nhiên, giới doanh nghiệp đã phản đối dự định tăng thuế của chính phủ lâm thời, cho rằng nó sẽ làm nhiều doanh nghiệp Brazil phá sản trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế sâu sắc hiện nay.

Ông Bolsonaro cam kết tập trung dẹp bỏ vấn nạn tham nhũng và tội phạm ở Brazil, ủng hộ mô hình kinh tế tự do và “chính phủ nhỏ”.

Giới chuyên gia nhận định vị lãnh đạo mới của Brazil có thể tạo ra một thời kỳ nhiều thay đổi cho quốc gia lớn nhất khu vực Mỹ Latinh này, và nhiều khả năng những thay đổi đó sẽ tác động lớn tới toàn bộ khu vực. Hiệu ứng “tuần trăng mật” trong những tháng đầu tiên của chính phủ mới sẽ giúp việc thông qua những cải cách mà Brazil đang cần thực hiện, diễn ra nhanh chóng.

Niềm tin của người dân Brazil với chính phủ mới hiện cũng duy trì ở mức cao. Theo kết quả thăm dò của Viện Dư luận và Thống kê Brazil, 75% ý kiến cho rằng ông Bolsonaro đang đưa ra những quyết định đúng đắn trong quá trình chuyển giao quyền lực.

Đáng chú ý trong những quyết định này là việc bổ nhiệm nhà kinh tế học được đào tạo tại Chicago Paulo Guedes đứng đầu “siêu bộ” kinh tế. Là người có xu hướng theo chủ nghĩa tự do mới, ông Guedes được cho là sẽ có nhiều tiếng nói trong việc dẫn dắt những chính sách kinh tế, cũng như thực hiện một kế hoạch tư nhân hóa rộng rãi. Ông Bolsonaro khẳng định sẽ thực hiện chính sách "tư nhân hóa" mạnh mẽ trong nhiệm kỳ của mình và ngay cả Tập đoàn dầu khí nhà nước Petrobras đầy quyền lực và các ngân hàng công cũng sẽ trải qua quá trình này. Trước mắt, chính phủ mới sẽ bắt đầu việc tư nhân hóa từ những công ty nhỏ. Chương trình kinh tế, với trọng tâm là tự do hóa, tư nhân hóa và xóa bỏ quan liêu, cần phải được chính quyền mới tập trung làm nổi bật càng sớm càng tốt thông qua việc giảm tỷ lệ thất nghiệp (đang ảnh hưởng tới 12 triệu người Brazil).

➤ **Đối ngoại**

Trong suốt giai đoạn từ sau Chiến tranh thế giới thứ II đến những năm 90, các chính phủ Brazil đều tìm cách mở rộng ảnh hưởng của nước này ra tầm quốc tế bằng cách tập trung phát triển kinh tế và có một chính sách ngoại giao độc lập. Những năm gần đây, Brazil ngày càng tăng cường quan hệ với các nước Mỹ La tinh láng giềng, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong các sứ mệnh của Liên hợp quốc.

Chính phủ Tổng thống Dilma tiến hành điều chỉnh chính sách đối ngoại, chú trọng hơn lợi ích quốc gia mà trước hết là lợi ích kinh tế; thắt chặt quan hệ với các nước láng giềng (Argentina, Peru, Paraguay, Uruguay, Venezuela), tăng cường quan hệ với các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, gia tăng ảnh hưởng với các nước trong khu vực Caribe; tăng cường vị thế và vai trò tại các tổ chức khu vực và quốc tế tập trung vào:

- Đẩy mạnh vận động cải tổ LHQ, đặc biệt là HĐBA và vận động các nước ủng hộ Brazil trở thành ủy viên thường trực HĐBA/LHQ mở rộng

- Thúc đẩy tiến trình hội nhập các nước Nam Mỹ trong khuôn khổ hợp tác Liên minh các Quốc gia Nam Mỹ (UNASUR), Khối Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR), Tổ chức các nước Châu Mỹ (OAS)...
- Phối hợp với các nước lớn nhằm tìm ra biện pháp cải tổ tài chính-kinh tế toàn cầu và các vấn đề quốc tế
- Đẩy mạnh hợp tác trong cơ chế các nhóm BRICS (Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi), IBSA (Ấn Độ, Brazil, Nam Phi).

Chính phủ của Tổng thống Luiz Silva đề cao độc lập chủ quyền và quyền tự quyết; chủ trương củng cố và phát triển mọi mặt khối Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR); thúc đẩy liên kết, hội nhập khu vực, hướng tới xây dựng Cộng đồng các quốc gia Nam Mỹ (CSN) theo mô hình EU; đẩy mạnh quan hệ với các nước khu vực khác, trong đó chú trọng châu Á - Thái Bình Dương.

Brazil đóng vai trò lãnh đạo G20 bảo vệ quyền lợi của các nước đang phát triển tại Vòng đàm phán Doha; nỗ lực vận động trở thành Ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc.

Brazil là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc, Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Khối Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR), Hiệp hội Liên kết Mỹ Latinh (ALADI), Cộng đồng Nam Mỹ (CSN), nhóm BRICS, IBSA, Tổ chức các nước Châu Mỹ (OEA), Liên minh các Quốc gia Nam Mỹ (UNASUR), Hệ thống Kinh tế Mỹ Latinh (SELA), Nghị viện Mỹ Latinh (PARLATINO), Nhóm G77, G20, Diễn đàn Hợp tác Đông Á – Mỹ Latinh (FEALAC)...

Đối với chính phủ mới của Tổng thống Bolsonaro, Brazil sẽ ưu tiên các mối quan hệ song phương thay vì những không gian đa phương như khối Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR) hay Nhóm các nền kinh tế mới nổi (BRICS). Cùng với đó, quan hệ với

Mỹ sẽ có một vị trí quan trọng trong danh sách những ưu tiên của chính phủ mới tại Brazil.

Lĩnh vực quan hệ quốc tế được đánh giá sẽ là yếu tố đầu tiên mà dư luận có thể thấy rõ sự thay đổi theo hướng cực hữu tại Brazil.

➤ **Thông tin liên hệ Lãnh sự Brazil**

• **Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Brazil**

Thời gian làm việc: Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00-17:00

Địa chỉ: SHIS QI 09 Conj. 10 Casa 1 – Lago Sul, Brasília/DF CEP:71625-100, BRASIL.

Tel: + 55 61 3364 5876 / 3364 0675

Hotline bảo hộ công dân Việt Nam tại Brazil: 00 844 62 844 844

Fax: + 55 61 3364 5836

Email: embavina@yahoo.com

• **Đại sứ quán Brazil tại Hà Nội**

Đại sứ quán Bra-xin nằm trên bờ Hồ Tây tại trung tâm thành phố Hà Nội

Địa chỉ: D6/7, số 14 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam

Tel.: 04 3843 2544

Fax: 04 3843 2542

Email: brasemb.hanoi@itamaraty.gov.br

Kinh tế

➤ **Các chỉ số kinh tế**

GDP theo sức mua:

- 3,248 nghìn tỉ USD (ước tính năm 2017)
- 3,216 nghìn tỉ USD (ước tính năm 2016)
- 3,332 nghìn tỉ USD (ước tính năm 2015)

GDP được tính theo tỉ giá hối đoái: 2,055 nghìn tỉ USD (ước tính năm 2017)

Tỉ lệ tăng trưởng thực của GDP:

- 1% (ước tính năm 2017)
- -3,5% (ước tính năm 2016)
- -3,5% (ước tính năm 2015)

GDP tính theo đầu người (PPP):

- 15.600 USD (ước tính năm 2017)
- 15.600 USD (ước tính năm 2016)
- 16.300 USD (ước tính năm 2015)

Tổng ngạch tiết kiệm quốc dân: 15% (ước tính năm 2017)

GDP theo lĩnh vực (ước tính năm 2017):

- Tiêu dùng theo hộ gia đình: 63,4%
- Tiêu dùng của chính phủ: 20%
- Đầu tư vào tài sản cố định: 15,6%

- Đầu tư vào hàng tồn kho: -0,1%
- Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ: 12,6%
- Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ: -11,6%

GDP theo ngành: (ước tính năm 2017)

- Nông nghiệp: 6,6%
- Công nghiệp: 20,7%
- Dịch vụ: 72,7%

Sản phẩm nông nghiệp: Cà phê, đậu nành, lúa mì, gạo, ngô, mía, ca cao, cam quýt; thịt bò

Các ngành công nghiệp: Dệt may, giày dép, hóa chất, xi măng, gỗ, quặng sắt, thiếc, thép, máy bay, xe cơ giới và các bộ phận, máy móc thiết bị khác

Tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp: 0% (ước tính năm 2017)

Lực lượng lao động: 104,2 triệu (ước tính năm 2017)

Lực lượng lao động theo lĩnh vực: (ước tính năm 2017)

- Nông nghiệp: 9,4%
- Công nghiệp: 32,1 %
- Dịch vụ: 58,5%

Tỉ lệ thất nghiệp: 12,8% (ước tính năm 2017)

Ngân sách nhà nước (ước tính năm 2017):

- Doanh thu: 733,7 tỉ USD
- Chi tiêu: 756,3 tỉ USD

Thuế và các khoản thu khác: 35,7 % GDP (ước tính năm 2017)

Thặng dư (+) hoặc thâm hụt (-) ngân sách: -1,1% GDP (ước tính năm 2017)

Nợ công: 84% GDP (ước tính năm 2017)

Tỉ lệ lạm phát (giá tiêu dùng):

- 3,4% (ước tính năm 2017)
- 8,7% (ước tính năm 2016)

Lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại:

- 46,92% (ước tính đến ngày 31/12/2017)
- 52,1% (ước tính đến ngày 31/12/2016)

Xuất khẩu:

- 217,2 nghìn tỉ USD (ước tính năm 2017)
- 184,5 nghìn tỉ USD (ước tính năm 2016)

Hàng hóa xuất khẩu: Thiết bị vận tải, quặng sắt, đậu nành, giày dép, cà phê, ô tô

Đối tác xuất khẩu (theo ước tính năm 2017):

- Trung Quốc: 21,8%
- Hoa Kỳ: 12,5%
- Argentina: 8,1%

- Hà Lan: 4,3%

Nhập khẩu:

- 153,2 tỉ USD (ước tính năm 2017)
- 139,4 tỉ USD (ước tính năm 2016)

Hàng hóa nhập khẩu: Máy móc, thiết bị điện và vận tải, sản phẩm hóa chất, dầu, phụ tùng ô tô, điện tử

Đối tác nhập khẩu (theo ước tính năm 2017):

- Trung Quốc: 18,1%
- Hoa Kỳ: 16,7%
- Argentina: 6,3%
- Đức: 6,1%

Tỉ giá hối đoái

- 1 BRL = 3,19 USD (ước tính năm 2017)
- 1 BRL = 3,48 USD (ước tính năm 2016)
- 1 BRL = 3,4901 USD (ước tính năm 2015)
- 1 BRL = 3,3315 USD (ước tính năm 2014)
- 1 BRL = 3,3535 USD (ước tính năm 2013)

➤ Kinh tế Brazil

Brazil là một nền kinh tế hàng đầu ở Mỹ Latinh. Với đặc tính là nông nghiệp chủ chốt và

được chăm lo phát triển tốt, công nghiệp mỏ, sản xuất và dịch vụ, nền kinh tế Brazil vượt trội hơn các nền kinh tế khác của Nam Mỹ, và đang mở rộng sự hiện diện của mình trên thị trường quốc tế.

Brazil giàu tài nguyên thiên nhiên như sắt, mangan, bô-xit, kền, nhôm, u-ra-ni-um, đá quý, gỗ, dầu khí, tài nguyên nước...; đứng đầu thế giới về sản xuất đường mía, cà phê, chiếm 1/2 sản lượng cà phê thế giới, và là một trong những quốc gia có nền chăn nuôi phát triển nhất thế giới. Khoa học kỹ thuật, công nghệ đạt trình độ cao trong nhiều lĩnh vực sản xuất, nghiên cứu ứng dụng; có nền công nghiệp hàng không, quân sự, cơ khí, chế tạo... khá phát triển.

Mặc dù đã có sự cải thiện đáng kể về thứ hạng cạnh tranh toàn cầu, (80/137), Brazil vẫn bị xem là quốc gia bảo hộ nền thị trường nội địa khắt khe khi tiếp tục xếp hạng ở vị trí rất thấp ở các chỉ số: tác động của thuế lên đầu tư 136/137, mức thuế 134/137, nhập khẩu 136/137, xuất khẩu 127/137, tác động của thuế lên động lực làm việc 137/137, tranh chấp trong lao động 136/137, dịch vụ tài chính 13/137, niềm tin vào các nhà chính trị 137/137, hiệu quả của đầu tư chính phủ 133/137, điều hành của chính phủ 136/137, môi trường kinh tế vĩ mô 124/137. Ví dụ, theo số liệu của Ngân hàng Thế giới cho thấy Brazil áp đặt mức thuế trung bình là 8,8% cho tất cả các mặt hàng nhập khẩu, so với 0,6% ở Chilê và 1,6% ở Hoa Kỳ. Brazil cũng đứng thứ 139/190 quốc gia về sự dễ dàng trong giao dịch qua biên giới, chi phí xuất khẩu từ các cảng chính là Sao Paulo và Rio de Janeiro là gấp đôi Mỹ Latinh.

Kinh tế Brazil năm 2017 vẫn tiếp tục cho thấy nhiều dấu hiệu khởi sắc, thoát ra khỏi khủng hoảng nhưng tốc độ vẫn còn khá chậm, GDP của Brazil tăng trưởng 1% trong năm 2017. Các chỉ số về kinh doanh và tiêu dùng đều tăng trưởng tích cực, tuy nhiên lạm phát vẫn ở mức thấp hơn kỳ vọng do sức mua của nền kinh tế chưa thực sự mạnh, thất nghiệp còn ở mức cao. Chỉ số lạm phát giảm còn 3,0% trong năm 2017. Nguyên nhân xuất phát từ việc giảm lạm phát thực do thu hoạch hạt cao hơn; Tác động trễ của việc tăng tỷ

giá lên giá hàng công nghiệp và sự hồi phục của sản xuất công nghiệp.

Xuất khẩu của Brazil đã tăng 20% so với cùng kỳ năm 2016, và chính phủ đã tăng dự báo thặng dư thương mại lên khoảng 65 tỷ - 70 tỷ USD vào năm 2017, tăng so với mức 60 tỷ USD trước đó. Xuất khẩu chiếm khoảng 12,5% tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Xuất khẩu từ Brazil bao gồm các nhóm sản phẩm sau: nông nghiệp (37,7% xuất khẩu) và kim loại (17,7%). Trong số các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu, phức hợp đậu nành (13,7%), dầu khí và các dẫn xuất (10,0%) và quặng sắt (8,8%) nổi bật. Việc tăng trưởng xuất khẩu các sản phẩm nêu trên chủ yếu là do tăng năng suất của ngành trong những năm gần đây và do sự tăng trưởng về sức mua của các đối tác thương mại chính (ví dụ Trung Quốc và Ấn Độ). Sự gia tăng thặng dư thương mại năm 2017 là kết quả của sự tăng trưởng xuất khẩu, phần lớn do giá hàng hóa cao hơn (giá xuất khẩu quặng sắt và dầu tăng trong những tháng cuối năm), đặc biệt là hàng kim loại trong nửa đầu năm 2017.

Danh sách 10 mặt hàng xuất, nhập khẩu lớn của Brazil năm 2017

Xuất khẩu	Giá trị	Nhập khẩu	Giá trị
Hạt có dầu (đậu tương, ngô, mè...)	26 tỷ USD (11,9%)	Nhiên liệu khoáng gồm dầu	21,6 tỷ USD (chiếm 14,3)
Quặng, xỉ, tro	22,4 tỷ USD (10,3%)	Máy móc, thiết bị điện	20,7 tỷ USD (13,7%)
Nhiên liệu khoáng gồm dầu	18,7 tỷ USD (8,6%)	Máy móc bao gồm máy tính	17,4 tỷ USD (11,5%)
Phương tiện vận tải	14,7 tỷ USD	Phương tiện vận tải	11,2 tỷ USD

	(6,8%)		(7,5%)
Thịt	14 tỷ USD (6,4%)	Hóa chất hữu cơ:	8,4 tỷ USD (5,6%)
Máy móc bao gồm máy tính	13,8 tỷ USD (6,4%)	Phân bón	7,3 tỷ USD (4,9%)
Đường, bánh kẹo đường	11,6 tỷ USD (5,3%)	Dược phẩm	6,6 tỷ USD (4,3%)
Sắt thép	10,8 tỷ USD (4,9%)	Nhựa, các sản phẩm bằng nhựa	6,5 tỷ USD (4,3%)
Bột gỗ	6,4 tỷ USD (2,9%)	Thiết bị quang học, kỹ thuật, y tế	4,9 tỷ USD (3,2%)
Phụ phẩm công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi	5,4 tỷ USD (2,5%)	Các hóa chất khác	4,1 tỷ USD (2,7%)

Nguồn: Bộ CN- TM- DV Brazil

Phục hồi sản xuất công nghiệp trong năm 2017. Sự tăng trưởng này bắt nguồn từ việc gia tăng sản xuất công nghiệp chế biến và sự ổn định trong sản xuất của ngành khai thác. Đặc biệt đã có một sự phục hồi trong sản xuất hàng tiêu dùng trong những tháng gần đây, do sự gia tăng mạnh mẽ trong sản xuất và xuất khẩu xe ô tô.

Vấn đề đặt ra chính hiện nay cho nền kinh tế Brazil đó vẫn là chỉ số niềm tin kinh doanh vẫn ở mức thấp, sức mua nội địa giảm và chỉ số giá chưa tăng cao như kỳ vọng, thất

nghiệp ở mức cao. Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu là định hướng của Chính phủ thông qua các giải pháp hỗ trợ tìm kiếm hợp đồng thương mại mới, đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ muốn mở rộng bán hàng ra nước ngoài và tập trung hoá các ủy quyền xuất khẩu thông qua một cổng điện tử.

Số liệu cơ bản về kinh tế Brazil

Chỉ số/Năm	2016	2017	2018 (dự kiến)	2019 (dự kiến)	2020 (dự kiến)
Tốc độ GDP	-3.6%	1.0%	1.9%	2.1%	2.2%
CPI	8.7%	3.0%	4.5%	4.7%	4.5%
Xuất khẩu hàng hóa (tỷ USD giá FOB)	185,2	217,7	197	206	216
Nhập khẩu hàng hóa (tỷ USD giá FOB)	137,5	151	163	178	191

Theo các chuyên gia kinh tế của hãng Moody's, những rủi ro chính trị mang yếu tố nội địa tác động lớn nhất lên triển vọng xếp hạng tín dụng của Mỹ la-tinh. Hãng này kỳ vọng các điều kiện tăng trưởng trong nước tiếp tục là yếu tố hỗ trợ cho triển vọng phát triển kinh tế của khu vực này. WB đánh giá, Brazil - nền kinh tế lớn nhất trong khu vực, chỉ đạt mức tăng trưởng 1,2% năm 2018 và 2,2% năm 2019, do chịu tác động tiêu cực từ các cuộc đình công trong lĩnh vực vận tải và chính trị bất ổn. Song, Brazil sẽ quay lại đà tăng trưởng với những cải cách hệ thống tài chính, phục hồi sức mua và gia tăng các khoản đầu tư. Năm 2019, nền kinh tế lớn nhất Mỹ la-tinh hứa hẹn bội thu nông sản nhờ thời tiết thuận lợi, ước tính tăng 3,1% so với năm 2018, đạt mức kỷ lục thứ hai về sản lượng kể từ năm 1975 đến nay.

Tháng 4/2019, theo Cơ quan thống kê Brazil, Tỷ lệ lạm phát ở Brazil đã tăng lên 4,58% trong tháng 3/2019 từ 3,89% trong tháng trước và cao hơn dự báo của thị trường là 3,85%. Đây là tỷ lệ lạm phát cao nhất kể từ tháng 2/2017, chủ yếu do chi phí thực phẩm và đồ uống không cồn, vận chuyển tăng.

So với cùng kỳ năm 2018, giá tăng hơn đối với thực phẩm và đồ uống không cồn (6,74% so với 5,37% trong tháng 2/2019); vận tải (3,7% so với 1,97%), cụ thể là nhiên liệu (2,92% so với mức giảm 0,59%); nhà ở (6,1% so với 6,04%); chi phí cá nhân (3,51% so với 3,4%); hàng gia dụng (4,31% so với 4,11%); giáo dục (4,89% so với 4,85%); quần áo và giày dép (0,6% so với 0,48%). Ngoài ra, chi phí truyền thông giảm ít hơn (giảm 0,1% so với giảm 0,29%). Mặt khác, chi phí y tế giảm (3,84% so với 3,9%).

Trên cơ sở hàng tháng, giá tiêu dùng tăng 0,75%, sau khi tăng 0,43% trong tháng trước và trên mức dự báo của thị trường là 0,39%. Áp lực tăng chính đến từ thực phẩm và đồ uống không cồn (1,37% so với 0,78% trong tháng 2/2019), cụ thể là cà chua (31,84%), khoai tây (21,11%), đậu (12,93%) và trái cây (4,26%); vận tải (1,44% so với giảm 0,34%), vé máy bay (7,29%) và vé xe buýt (0,9%); quần áo và giày dép (0,45% so với giảm 0,33%). Trong khi đó, chi phí truyền thông giảm 0,22%, sau khi không đổi vào tháng 2/2019.

Ngân hàng Trung ương Brazil (BoB) ngày 18/9 đã hạ tỷ lệ lãi suất chủ chốt xuống 5,5% từ mức thấp kỷ lục trước đó là 6%, trước những rủi ro từ sự giảm tốc của kinh tế toàn cầu. Quyết định này được công bố ngay sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) thông báo hạ lãi suất lần thứ hai trong năm nay. Điều chỉnh lãi suất là một trong số ít công cụ mà Brazil có để phục hồi tăng trưởng, hơn hai năm sau khi một cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng đã tàn phá hệ thống tài chính của nước này.

Theo IBGE trong giai đoạn từ tháng 5 - 7/2019 tỷ lệ thất nghiệp của Brazil đã giảm xuống còn 11,8%, thấp hơn so với mức 12,3% của cùng kỳ năm 2018.

Như vậy, trong ba tháng tính đến tháng 7/2019, Brazil có khoảng 12,6 triệu người lao động bị thất nghiệp, giảm 4,6% (tương đương với 609.000 người) so với 3 tháng trước đó. Sự hồi phục của thị trường lao động Brazil chủ yếu nhờ sự gia tăng của lao động phi chính thức và tỷ lệ lao động bán thất nghiệp.

Trong các cuộc khủng hoảng năm 2003 và 2008, thị trường việc làm Brazil bắt đầu hồi phục từ "mảng" việc làm phi chính thức và dần dần được thay thế bởi các việc chính thức được tạo ra sau đó.

Số lao động làm việc mà không ký hợp đồng chính thức với doanh nghiệp ở khu vực tư nhân trong giai đoạn từ tháng 5 - 7/2019 đã tăng 5,6% so với cùng kỳ năm 2018 và đạt mức cao kỷ lục 11,7 triệu người.

Trong khi đó, số lao động tự tạo ra việc làm/khởi nghiệp ở Brazil trong giai đoạn từ tháng 5 - 7/2019 tăng 5,2%, tương đương 1,2 triệu người, so với cùng kỳ năm 2018 và cũng đạt mức cao kỷ lục 24,2 triệu người.

Sự sụt giảm tỷ lệ thất nghiệp ở Brazil trong giai đoạn trên cũng phù hợp với số liệu về các việc làm chính thức được tạo ra. Theo báo cáo công bố mới đây của Bộ Kinh tế Brazil, trong tháng 7/2019, số việc làm mới được tạo ra ở Brazil là 43.280 và số việc làm mới được tạo ra kể từ đầu năm 2019 đến tháng 7/2019 là 461.411 việc làm, tăng 2,93% so với cùng kỳ năm 2018.

Tháng 10/2019, theo Cơ quan thống kê Brazil, thặng dư thương mại của Brazil đã giảm xuống còn 2,25 tỷ USD vào tháng 9/2019 từ 5,07 tỷ USD trong một năm trước đó và thấp hơn dự báo của thị trường về thặng dư 3,2 tỷ USD. Xuất khẩu giảm 11,6% so với một năm trước trong khi nhập khẩu tăng 5,7%.

Xuất khẩu giảm 11,6% so với cùng kỳ xuống còn 18,74 tỷ USD trong tháng 9/2019, chủ yếu do doanh số hàng hóa chính giảm (giảm 14,5%); và công nghiệp (giảm 6,8%), trong đó các sản phẩm bán sản xuất (giảm 32,1%), cụ thể là sắt (giảm 59,3%), gỗ (giảm

44,9%), đồng (giảm 44,4%) và đường (giảm 36,8%); trong khi sản xuất tăng 4,4%.

Trong số các đối tác thương mại lớn, xuất khẩu đã giảm xuống sang Trung Quốc (giảm 10,7%), Mỹ (giảm 31,4%), Argentina (giảm 33,7%) và các nước ASEAN (giảm 8%).

Nhập khẩu tăng 5,7% lên 16,49 tỷ USD, được thúc đẩy nhờ mua hàng hóa vốn cao hơn (95,1%). Mặt khác, nhập khẩu giảm đối với hàng trung gian (giảm 3,9%); hàng tiêu dùng (giảm 8,5%); nhiên liệu và xăng dầu (giảm 6,7%).

Trong số các đối tác thương mại lớn, nhập khẩu tăng từ Trung Quốc (5%), Canada (21,6%) và Nhật Bản (1,2%), ngược lại giảm từ Argentina (giảm 24,6%), EU giảm 6,8% và Mỹ giảm 7,6%.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2019, Brazil đạt thặng dư thương mại 33,79 tỷ USD.

Kết quả một cuộc khảo sát chỉ số quản lý mua hàng của Reuters cho thấy hoạt động của ngành dịch vụ Brazil đã mở rộng vào tháng 9/2019 với tốc độ nhanh nhất trong sáu tháng, với mức tăng trưởng việc làm trong lĩnh vực này đạt mức cao nhất trong hơn năm năm.

Số liệu PMI mới nhất của IHS Markit cho thấy Brazil đang tạo ra một xu hướng toàn cầu phù hợp với hoạt động chậm lại và thậm chí suy thoái trên khắp Mỹ, Châu Âu và Châu Á.

PMI của ngành dịch vụ Brazil đã tăng lên 51,8 điểm từ 51,4 điểm trong tháng 8/2019, lần thứ ba liên tiếp trên ngưỡng 50 điểm và cao nhất kể từ tháng 3/2019, một dấu hiệu cho thấy hoạt động kinh tế tổng thể trong quý thứ ba khá vững chắc.

Chỉ số PMI trên 50 điểm biểu thị sự mở rộng trong hoạt động và dưới 50 điểm biểu thị sự giảm sút. Ngành dịch vụ chiếm hơn 70% tất cả các hoạt động kinh tế ở Brazil.

IHS Markit cho biết, chỉ số PMI sản xuất cũng được công bố đầu tuần này, PMI tổng hợp của Brazil đã tăng lên 52,5 điểm trong tháng 9/2019, cũng là mức cao nhất kể từ tháng

3/2019, từ 51,9 điểm vào tháng 8/2019.

Chỉ số phụ việc làm của ngành dịch vụ đã tăng lên 51,8 điểm, cao nhất kể từ tháng 2/2015 và trên 50 điểm trong tháng thứ hai liên tiếp. Đây cũng là lần đầu tiên điều này xảy ra kể từ đầu năm 2015.

Tuy nhiên, triển vọng của lĩnh vực dịch vụ giảm dần trong tháng thứ hai liên tiếp, với chỉ số phụ kỳ vọng kinh doanh giảm xuống 75,2 điểm từ 78,1 điểm.

Kinh tế Brazil đã tăng 0,4% trong quý II. Các quan chức chính phủ, ngân hàng trung ương và hầu hết các nhà kinh tế dự kiến tăng trưởng trong năm 2019 sẽ vào khoảng 0,9% và tăng tốc lên khoảng 2% trở lên trong năm 2020.

Tổng thống đắc cử Jair Bolsonaro là người theo trường phái cực hữu sẽ tập trung vào phát triển kinh tế theo mô hình nước Mỹ hiện tại. Là một nước có tổng thu nhập quốc nội GDP lớn nhất Nam Mỹ và đứng thứ 7 thế giới, trước đây, kinh tế Brazil không thực sự hướng ngoại, chủ yếu vào phục vụ phát triển thị trường nội địa. Nhưng sắp tới, chính sách này có thể thay đổi với việc chính quyền mới đang ngỏ ý tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do và thành lập các khối kinh tế mới trong đó vai trò của Brazil được thể hiện rõ hơn.

Về xuất khẩu, Brazil tiếp tục áp dụng các chính sách tăng cường xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp chủ đạo như đậu tương, ngô, bông, thịt các loại bằng việc áp dụng hàng loạt các chương trình kích thích xuất khẩu như chương trình 500 nghìn tấn: nhằm đạt được trung bình hàng tháng là 500 nghìn tấn trong tổng xuất khẩu thịt gia cầm và thịt lợn cho đến cuối năm 2020.

Mặt khác, Brazil tiếp tục thực hiện các quy định quốc tế về phòng vệ thương mại. Năm 2018, cho đến đầu tháng 12/2018, đã có 33 cuộc điều tra về việc bán phá giá đã được bắt đầu, trong đó 27 cuộc điều tra đã được rà soát. Trong cùng thời gian, 17 cuộc điều tra khác áp dụng biện pháp chống bán phá giá và điều tra trợ cấp được hoàn thành với việc

áp dụng biện pháp áp thuế. Chính sách này khả năng cao sẽ có thể thay đổi khi Chính phủ mới thực hiện cải cách bắt đầu từ năm 2019.

Về đầu tư, Brazil đã được nâng hạng đáng kể trong các chỉ số về thương mại nước ngoài (đã đi từ vị trí thứ 139 đến vị trí thứ 106) và đi từ thứ 125 lên 109 trong chỉ số về môi trường kinh doanh. Sự cải thiện này phản ánh những nỗ lực của Brazil trong việc thực hiện các biện pháp thuận lợi hóa thương mại. Điều này đã góp phần củng cố niềm tin cho các nhà đầu tư tại Brazil.

➤ **Một số chính sách lớn nhằm tạo thuận lợi cho môi trường kinh doanh xuất nhập khẩu mới của Brazil**

Chính phủ Brazil đang chuyển hướng chính sách ưu đãi sang khu vực nông nghiệp, nông thôn và cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, đẩy mạnh xuất khẩu bằng nhiều biện pháp cụ thể:

- Các yếu tố như việc tăng cường ký kết các hiệp định quốc tế, áp dụng chính sách ô tô mới (Route 2030"), hiện đang ở giai đoạn cuối cùng của quá trình chuẩn bị, đã quyết định cho ngành ô tô Brazil giành được không gian xuất khẩu. Đây được đánh giá là là trụ cột cho sự phát triển công nghệ, an toàn xe cộ, hiệu suất năng lượng, khả năng cạnh tranh và tăng sản xuất". Ngoài ra, việc đưa vào sử dụng Cổng thông tin Ngoại thương đơn giản đã giảm chi phí cấp giấy chứng nhận xuất xứ 30% (giao dịch giữa Argentina và Brazil). Theo Bộ Công nghiệp, Ngoại thương và Dịch vụ (MDIC), thời gian cần thiết để ban hành văn bản đã mất từ một ngày xuống còn 30 phút.
- Mới đây Chính phủ Brazil công bố chương trình hỗ trợ tài chính cho nông nghiệp và chăn nuôi với tên gọi "Chương trình thu hoạch". Theo đó, Chính phủ sẽ dành một khoản ngân sách tương đương với gần 60 tỉ USD nhằm hỗ trợ trang trại quy mô vừa và lớn với lãi suất ưu đãi khoảng trên dưới 8% năm tập trung vào các hoạt động như: hỗ trợ chi phí sản xuất, hiện đại hóa phương tiện cơ giới trong nông nghiệp, mở rộng diện

tích canh tác và chuồng trại, tu chỉnh lại các tuyến đường quốc lộ tại một số khu vực trọng điểm nông nghiệp, hiện đại hóa một số cảng biển phục vụ xuất khẩu.

- Miễn giảm, giãn hoặc cho nợ thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm đầu vào phục vụ chế biến xuất khẩu. Các loại thuế được miễn giảm trong chương trình này như: thuế nhập khẩu, thuế đánh lên các sản phẩm công nghiệp, phí đóng góp an sinh xã hội... và kể cả thuế lưu thông hàng hóa liên bang.

Theo số liệu của Cục Ngoại thương Brazil (Thuộc Bộ Công nghiệp, Ngoại thương và Dịch vụ), năm 2016, các doanh nghiệp đăng ký tham gia chương trình miễn giảm thuế này lên tới con số 1.700 doanh nghiệp, trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt khoảng 42,0 tỉ USD, chiếm 23% tổng kim ngạch xuất khẩu. Hàng hóa tham gia chương trình rất đa dạng nổi bật như thịt gà, ô tô và hóa chất.

Trong thương mại quốc tế Brazil thường xuyên thặng dư thương mại với hầu hết các đối tác thương mại chính. Bên cạnh đó, chính sách bảo hộ thị trường nội địa vẫn tiếp tục được đề cao bằng việc tăng cường áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nhằm. Theo WTO, Brazil là một trong những nước thường xuyên áp dụng các biện pháp phòng vệ nhiều nhất.

Hợp tác trong khối Mercosur: ``Thương mại nhiều hơn, rào cản ít hơn`` là mục tiêu hướng đến của các thành viên trong khối. Nhờ sự hội tụ các quan điểm mới giữa các thành viên sáng lập, Mercosur đang tiến hành tái thiết. Một trong những khía cạnh nổi bật của nó là xoá bỏ các rào cản ngăn chặn thương mại trong khối và ngăn chặn các sản phẩm của chúng ta thâm nhập vào các thị trường khác trên hành tinh. Việc tái thiết này nhằm mục đích biến đổi Nam Mỹ thành một khu vực thương mại tự do rộng lớn. Ví dụ trong số các biện pháp chính đã vượt qua là những hạn chế đối với việc nhập khẩu trái cây cam quýt của Argentina và thông báo của nước này về việc mở cửa thị trường cho bò thịt Brazil.

Brazil đang thực hiện các bước để cải thiện cơ sở hạ tầng và giáo dục, mở rộng thương

mai và tăng sự hiện diện của các doanh nghiệp đa quốc gia trong việc phát triển trữ lượng dầu mỏ khổng lồ của Brazil. Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu là định hướng của Chính phủ thông qua các giải pháp hỗ trợ tìm kiếm hợp đồng thương mại mới, đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ muốn mở rộng bán hàng ra nước ngoài và tập trung hoá các ủy quyền xuất khẩu thông qua một cổng điện tử.

Các lĩnh vực ngành nghề ưu tiên: Công nghiệp chế tạo ô tô, dầu khí và ga, thép và sắt, chế tạo máy móc và thiết bị, nông nghiệp, dệt may.

Các đối tác thương mại ưu tiên: khối Mercosur, Trung Quốc, Mỹ, Hà Lan, Nhật Bản.

➤ Các FTAs chính hiện đang tham gia

Brazil là một thành viên của khối thương mại Mercosur (Argentina, Paraguay, Uruguay). Đây là FTAs đặt ra các tiêu chuẩn khu vực riêng của mình để hài hòa trong khối. Mỗi quốc gia thành viên phải phê chuẩn tiêu chuẩn trước khi được gia nhập vào Mercosur. Khối Mercosur đã ký FTAs với Chile, Bolivia, Peru, Israel, Ai Cập.

Chi tiết xem tại: http://www.sice.oas.org/ctyindex/BRZ/BRZagreements_e.asp

➤ Các biện pháp phòng vệ thương mại và hàng rào kỹ thuật

Theo thống kê của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và theo dõi của Thương vụ Việt Nam tại Brazil, trong thời gian qua, Brazil là một trong những nước sử dụng nhiều biện pháp phòng vệ thương mại nhất trên thế giới (đặc biệt là chống bán phá giá). Chính quyền sở tại và các Hiệp hội, doanh nghiệp xem đây là một trong những rào cản hữu hiệu nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước sự cạnh tranh của hàng nhập khẩu đặc biệt khi có sự chênh lệch đáng kể về cán cân thương mại. Trong thời gian từ 2013 đến hết năm 2016 đã có 163 biện pháp chống bán phá giá và 01 biện pháp chống trợ cấp (Ấn Độ) được Brazil áp dụng đối với nhiều mặt hàng nhập khẩu. Tới nay, Brazil chưa áp dụng biện pháp tự vệ. Riêng đối với Việt Nam, đã có 06 vụ điều tra chống bán phá giá

được khởi xướng bởi cơ quan chức năng Brazil, gần đây nhất là vụ ống thép xuất khẩu. Các nước bị điều tra là Việt Nam, Malaysia và Thái Lan.

Brazil đang giảm lại trong các vụ kiện thương mại gần đây vì số lượng các vụ điều tra trong năm 2015 giảm xuống còn 38 và vào năm sau là 24, năm 2017, chỉ có 06 trường hợp được bắt đầu, 03 điều tra mới và 03 cuộc đánh giá hoàng hôn. Tuy nhiên đây vẫn là công cụ được sử dụng thường xuyên của Brazil.

Bảng: Các vụ việc phòng vệ thương mại liên quan đến Brazil tại WTO

	Số lượng các vụ kiện bị kiện ra WTO	Số lượng các vụ kiện đi kiện ra WTO
	Bị đơn (16), nước thứ 3 (116)	Nguyên đơn (31)
Các đối tác	Philippines, Sri Lanka, Canada, Nhật Bản, Mỹ, châu Âu, Ấn Độ, Argentina	Mỹ, châu Âu, Canada, Peru, Argentina, Thổ Nhĩ Kỳ, Mexico, Nam Phi, Indonesia, Thái Lan
Mặt hàng bị kiện	Dừa sấy khô, bột sữa dừa, máy bay, phương tiện vận tải, điều khoản thanh toán khi nhập khẩu, giấy phép nhập khẩu và giá nhập khẩu tối thiểu, bảo vệ sáng chế, túi sợi đay, lốp xe đắp lại, nho khô, thuế và phí.	Xăng, thịt gia cầm, máy bay dân dụng, xe buýt, cà phê, vải sợi, ống thép, cà phê hòa tan, máy biến thế điện, kim loại silicon, nước cam đóng hộp, đường, bông, thịt bò.

Nguồn: WTO https://www.wto.org/english/thewto_e/countries_e/brazil_e.htm

Chương 3: Bán sản phẩm và dịch vụ

Đại lý và Dịch vụ

Mặc dù một số công ty Brazil nhập khẩu trực tiếp từ các nhà sản xuất nước ngoài mà không có đại diện trong nước, nhưng trong hầu hết các trường hợp, một đại lý hoặc nhà phân phối địa phương là điều cần thiết. Đối với đấu thầu công khai, các công ty kinh doanh trực tiếp với Chính phủ Brazil (GoB) về mặt pháp lý được yêu cầu sử dụng một đại diện địa phương. Giống như ở các nước khác, việc lựa chọn một đại lý đòi hỏi phải xem xét cẩn thận.

Các nhà xuất khẩu và đại diện tham khảo ý kiến với đại diện pháp lý người Brazil trước khi viết hoặc ký thỏa thuận. Điều này sẽ giúp các nhà xuất khẩu tuân thủ luật pháp Brazil, đặc biệt là liên quan đến việc hạn chế trách nhiệm pháp lý, bảo vệ thương hiệu và xác định các điều khoản thanh toán và bảo hành. Các điều khoản liên quan đến nghĩa vụ quảng cáo, nghĩa vụ dịch vụ và hỗ trợ, mục tiêu nội địa hóa và việc thực hiện... có thể được bao gồm trong thỏa thuận và cần được xem xét bởi luật sư.

Thành lập văn phòng

Các lựa chọn đầu tư ở Brazil bao gồm việc thành lập một công ty ở nước này hoặc mua lại một đơn vị kinh doanh. Thành lập một công ty mới đã trở nên ngày càng dễ dàng và nhanh hơn do cải cách của chính phủ. Dựa trên Dự án Kinh doanh của Ngân hàng Thế giới 2017, việc mở một doanh nghiệp ở Brazil mất 79 ngày, giảm so với 120 ngày trong năm 2012.

Các công ty vừa và nhỏ có thể được hưởng lợi từ chế độ thuế đặc biệt mà chính phủ Brazil (GoB) đã đưa ra cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ gọi là SIMPLES. Thông qua chương trình này, một công ty có thể được thành lập trong vòng 40 ngày. Điều quan trọng cần lưu ý là khung thời gian chính xác sẽ phụ thuộc vào thành phố và giấy phép cần

thiết; ví dụ, ở thành phố São Paulo, quá trình này thường chỉ mất 05 ngày.

Ngân hàng Trung ương Brazil (Banco Central) giám sát việc mua lại các công ty và tập đoàn hiện có và các công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tương đối dễ dàng. Luật pháp Brazil quy định vốn nước ngoài phải được đăng ký với Ngân hàng Trung ương. Việc không tuân thủ theo luật có thể gây thất thoát ngoại hối nghiêm trọng, cũng như các vấn đề về hồi hương vốn hoặc chuyển lợi nhuận. Thông tin thêm dành cho các nhà đầu tư tiềm năng có thể được tìm thấy trên trang web của Bộ Quan hệ Đối ngoại Brazil www.itamaraty.gov.br.

Quan hệ đối tác, liên doanh và cấp phép

Liên doanh là hình thức phổ biến ở Brazil, đặc biệt đây là cách để các công ty nước ngoài cạnh tranh các hợp đồng của chính phủ hoặc trong các ngành công nghiệp được kiểm soát chặt chẽ, như viễn thông và năng lượng. Việc liên doanh thường được thành lập thông qua "sociedades anônimas" (giống như các tập đoàn) hoặc "limitadas" (như quan hệ đối tác hữu hạn). Hợp đồng bản quyền cũng phổ biến ở Brazil. Tất cả các hợp đồng bản quyền và hỗ trợ kỹ thuật, bao gồm giấy phép nhãn hiệu, phải được đăng ký với Viện sở hữu công nghiệp Brazil (INPI).

Bán cho Chính phủ Brazil

Theo luật đấu thầu của Chính phủ Brazil (Luật 8666), giá cả là yếu tố quyết định trong việc lựa chọn nhà cung cấp và Chính phủ Brazil có thể phân biệt giữa các công ty trong nước và nước ngoài trong quá trình đấu thầu. Khi xem xét 2 nhà cung cấp có chất lượng tương đương nhau thì hàng hóa và dịch vụ của Brazil sẽ được ưu tiên dựa theo các điều lệ thực thi của luật.

Trong hầu hết các trường hợp, để bán hàng cho chính phủ Brazil, nhà cung cấp phải có công ty ở Brazil hoặc đối tác Brazil để được phép tham gia vào quá trình đấu thầu. Cũng

giống như ở các quốc gia khác, việc lựa chọn một đại lý đòi hỏi phải xem xét cẩn thận. Brazil cho phép các công ty pháp nhân nước ngoài được thành lập ở Brazil nhằm cạnh tranh đối với các khoản mua sắm được tài trợ bằng các khoản vay ngân hàng phát triển đa phương.

Trong một số trường hợp, các nhà cung cấp của chính phủ được đăng ký và phê duyệt là nhà cung cấp chính thức. Một số trường hợp ngoại lệ và các quy tắc khác nhau có thể được áp dụng dựa trên các đặc điểm cụ thể của một ngành nhất định.

Các yếu tố và kỹ thuật bán hàng

1. Các điều kiện gia nhập thị trường

Tất cả các kênh nhập khẩu thông thường tồn tại ở Brazil là đại lý, nhà phân phối, nhà nhập khẩu, công ty thương mại, công ty con và chi nhánh của các công ty nước ngoài. Các nhà nhập khẩu Brazil nói chung không giữ hàng tồn kho đối với thiết bị sản xuất, phụ tùng hoặc nguyên liệu thô, phần lớn là do chi phí nhập khẩu và lưu trữ cao. Ngành công nghiệp phụ thuộc nhiều vào linh kiện và các bộ phận được nhập khẩu, giờ đây với nhiều kho ngoại quan hơn nhà nhập khẩu có thể duy trì hàng tồn kho lớn hơn.

2. Giá cả

Giá cả và các điều khoản thanh toán là yếu tố bán hàng cực kỳ quan trọng vì Brazil là thị trường nhạy cảm về giá đối với hầu hết các lĩnh vực. Các công ty khi xuất khẩu hàng hóa sang Brazil không chỉ cạnh tranh về chất lượng mà còn phải điều chỉnh sản phẩm của mình theo yêu cầu và sở thích kỹ thuật địa phương. Trong một số lĩnh vực, việc cạnh tranh về số lượng nhập khẩu ngày càng tăng từ phía Trung Quốc có thể gặp khó khăn do giá thấp. Do đó, việc làm nổi bật chất lượng sản phẩm, dịch vụ khách hàng, dịch vụ sau bán hàng, các thỏa thuận tài chính và điều khoản bảo hành sẽ thể hiện những lợi thế cạnh tranh chính của các công ty. Do các công ty Brazil ngày càng quan tâm hơn đến việc

quản lý môi trường, nên các công ty xuất khẩu cũng nên thể hiện cam kết phát triển bền vững khi giới thiệu sản phẩm mới vào thị trường Brazil.

Thương mại điện tử

Theo báo cáo của E-Ebit Webshoppers cho năm 2017, thương mại điện tử ở Brazil tăng 7,5% trong năm 2017 so với năm 2016, với doanh thu 12,9 tỷ USD. Dù gần đây kinh tế suy thoái ở Brazil, nhưng dự kiến thương mại điện tử vẫn tích cực tăng trưởng ở mức 12% và dự kiến sẽ đạt 14,4 tỷ USD vào năm 2018. Tại Brazil, 55 triệu người tiêu dùng đã thực hiện ít nhất 1 lượt mua ảo trong năm 2017, tăng 15% so với năm 2016; kết quả là thương mại điện tử trở thành một kênh bán hàng khả thi đáng để khám phá.

Tại Brazil, mức mua thương mại điện tử trung bình (giá trung bình cho một giỏ hàng) trong năm 2017 là 115,95 USD, cao hơn 3% so với năm trước, và dự đoán sẽ đạt 120,54 USD trong năm 2018. Đã có 111,2 triệu lượt mua hàng trực tuyến trong năm 2017, tăng 5% so với năm trước. Ước tính số lượng mua hàng sẽ tăng 8% trong năm 2018, đạt 119,7 triệu lượt mua trực tuyến.

Theo ước tính của Hiệp hội người tiêu dùng và bán lẻ Brazil năm 2018, doanh số thương mại điện tử sẽ chiếm khoảng một nửa doanh số bán lẻ ở Brazil và gần 44% doanh số bán hàng trực tuyến này được thực hiện thông qua ứng dụng di động. Mặc dù tiếp tục tăng trưởng, nhưng thị trường thương mại điện tử ở Brazil có thể vô cùng khó khăn đối với các công ty nước ngoài do những thách thức liên quan đến hải quan, thuế, vận chuyển và thanh toán.

1. Xu hướng thị trường hiện tại

Theo báo cáo của e-Bit Webshoppers 2018, các ngành công nghiệp thu được lợi nhuận nhất qua mua sắm trực tuyến bao gồm điện thoại di động (21,2%), thiết bị điện tử (19,3%), máy tính (18,9%), nhà cửa và trang trí (8,4%), thời trang và phụ kiện (6,1%)

%), mỹ phẩm/ sức khỏe/ vitamin (4,8%), thể thao và giải trí (4%), ô tô (2,3%) và thực phẩm và đồ uống (2,2%).

2. Thương mại điện tử xuyên biên giới

Các công ty B2C đang nên tiến hành thận trọng khi tìm cách tiếp cận người tiêu dùng Brazil trực tuyến từ nước sở tại. Brazil là một thị trường nhạy cảm về giá và có thuế nhập khẩu cao. Bán hàng trực tiếp từ nước ngoài, phải tuân theo các quy định hải quan và thuế. Mặc dù Brazil đã đạt được tiến bộ đáng kể trong việc giảm các rào cản thương mại biên giới truyền thống (thuế quan, cấp phép nhập khẩu, v.v.), nhưng tỷ lệ ở nhiều khu vực vẫn ở mức cao và tiếp tục ủng hộ các sản phẩm sản xuất tại địa phương.

Các doanh nghiệp đang tìm cách tiếp thị ở Brazil cũng có thể muốn xem xét đăng ký (các) thương hiệu dưới dạng tên miền kết thúc bằng .br, tên miền cấp cao nhất của quốc gia (TLD) dành cho Brazil. Đăng ký thương hiệu bằng TLDs có thể hữu ích trong việc thiết lập sự hiện diện ở thị trường địa phương. Đăng ký bảo vệ thương hiệu dưới dạng tên miền cũng giúp đảm bảo chống lại những người chiếm dụng tên miền, tức là các tác nhân xấu đăng ký các thương hiệu khác bằng tên miền doanh nghiệp đã đăng ký với mục đích không tốt. Tên miền thường có thể được đăng ký để sử dụng trong tương lai. Tên miền cấp cao nhất của quốc gia kết thúc bằng .br, không giống như một số các tên miền cấp cao nhất của quốc gia (ccTLDs) của các quốc gia khác, có chính sách giải quyết tranh chấp hành chính để giải quyết tình trạng chiếm dụng tên miền. Tranh tụng tại tòa án vẫn là một lựa chọn đối với trường hợp chiếm dụng tên miền. Để biết thêm thông tin về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, vui lòng truy cập trang web của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới tại: http://www.wipo.int/sme/en/e_cCommerce/index.html?

3. Thanh toán trực tuyến

Người Brazil thường trả theo đợt. Trong năm 2017, khoảng một nửa (49,8%) doanh số thương mại điện tử đã được thực hiện trong một lần thanh toán, 50,2% còn lại được thực

hiện theo từng đợt, 18% giao dịch mua được thực hiện 2 - 3 lần và 31,5% được thực hiện 4 - 12 lần.

Phương thức thanh toán rất phức tạp và đa dạng. Trong năm 2017, 64% người tiêu dùng trực tuyến đã sử dụng thẻ tín dụng, 16% đã sử dụng Paypal, trong khi đó 20% sử dụng phiếu thanh toán (Boleto Bancario). Việc bảo mật vẫn là vấn đề đáng lo ngại, đặc biệt là liên quan đến lừa đảo trực tuyến. Hầu hết người Brazil không mang theo thẻ tín dụng quốc tế, vì vậy các giao dịch quốc tế có thể là thách thức đối với cả người dân và du khách. Mặc dù du khách có tương đối ít vấn đề khi sử dụng thẻ tín dụng tại các khách sạn và địa điểm du lịch, nhưng điều này không đúng đối với mua hàng trực tuyến. Những người muốn thanh toán các dịch vụ như vé máy bay hoặc vé xem phim trực tuyến thường gặp phải nhiều rào cản, vì nhiều trang web của Brazil nhận thẻ tín dụng quốc tế. Các loại thẻ được chấp nhận phổ biến nhất ở Brazil là Visa và MasterCard với công nghệ chip và PIN.

4. Thương mại điện tử di động

Việc sử dụng internet di động đã tăng vọt ở Brazil so với các kết nối trực tuyến cố định truyền thống. Trong năm 2016, có 109,7 triệu người dùng internet bằng điện thoại di động ở Brazil, chiếm 61% dân số Brazil, theo thống kê mới nhất được công bố bởi Viện Địa lý và Thống kê Brazil (IBGE).

Theo ABComm (Hiệp hội thương mại điện tử Brazil), khoảng 31% hàng tiêu dùng đã được mua trong năm 2017 qua thiết bị di động (điện thoại thông minh và máy tính bảng). Đối với sự phát triển liên tục của thương mại điện tử, các công ty nước ngoài muốn bán hàng ở Brazil nên ưu tiên trải nghiệm di động cho khách hàng.

5. Những ngày lễ mua sắm chính

Brazil có 05 ngày lễ mà doanh số bán lẻ tăng trong những ngày này:

- Giáng sinh
- Ngày của mẹ: ngày Chủ nhật thứ 2 của tháng 5
- Ngày của cha: ngày Chủ nhật thứ 2 của tháng 8
- Lễ Phục sinh

Có 04 ngày bán lẻ lớn khác: Carnival, Ngày trẻ em (12/10), Black Friday, and Cyber Monday.

6. Các Hiệp hội doanh nghiệp

- Abcomm: <https://abcomm.org/>
- Camara-e.net: <http://www.camara-e.net/>

Chương 4: Quan hệ song phương giữa Việt Nam và Brazil

Quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Brazil

1. Quan hệ ngoại giao

Việt Nam và Brazil thiết lập quan hệ ngoại giao thông qua hình thức trao đổi công hàm tại Havana ngày 08/5/1989. Việt Nam mở Tổng Lãnh sự quán tại São Paulo (01/1998) và nâng cấp thành Đại sứ quán (8/2000). Brazil mở Đại sứ quán tại Hà Nội tháng 9/1994 và là nước Nam Mỹ đầu tiên mở Đại sứ quán tại Hà Nội.

2. Quan hệ chính trị

- **Các chuyến thăm cấp cao tới Brazil của Việt Nam:**

Tháng 10/1993: Thứ trưởng Ngoại giao, Lê Mai.

Tháng 6/1994: Phó thủ tướng Phan Văn Khải.

Ngày 09/10 – 12/10/1995: Chủ tịch nước Lê Đức Anh.

Ngày 23/5 - 27/5/1998: Thứ trưởng Bộ ngoại giao Nguyễn Dỵ Niên.

Ngày 13/11 – 15/11/2003: Bộ trưởng Quốc phòng, Phạm Văn Trà.

Tháng 01/2004: Phó Chủ tịch Ủy ban đối ngoại của Quốc hội, Nguyễn Ngọc Trân.

Ngày 15/11 tới 18/11/2004: Chủ tịch nước Việt Nam, Trần Đức Lương.

Tháng 3/2005: Chủ tịch Ủy ban Các vấn đề xã hội, bà Nguyễn Thị Hoài Thu.

Ngày 11/4 – 25/4/2005: Thứ trưởng bà Huỳnh Thị Nhân.

Ngày 15/4 – 20/4/2005: Ủy viên Bộ Chính trị và Trưởng Ban kinh tế Trung ương, ông

Trương Tấn Sang.

Tháng 8/2005: Thứ trưởng Khoa học và Công nghệ, giáo sư Bùi Mạnh Hải.

Tháng 12/2005: Vụ phó Vụ Thị trường Châu Mỹ, ông Nguyễn Văn Bình.

Tháng 12/2005: Phó chủ tịch Ủy ban Kinh tế và Ngân sách, bà Dương Thu Hương.

Ngày 05/3 – 09/3/2006: Chủ tịch Quốc hội, Nguyễn Văn An.

Tháng 4/2006: Ông Phan Thế Ruệ, Thứ trưởng Thương mại.

Ngày 27/5 – 30/5/2007: Tổng Bí thư Nông Đức.

Tháng 7/2018: Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ.

• **Các chuyến thăm cấp cao tới Việt Nam của Brazil:**

Tháng 4/1994: Cục trưởng Cục xúc tiến thương mại Bộ Ngoại giao, Ngài Celso Marcos Vieira de Souza.

Ngày 20/10 – 24/10/2002: Hạ nghị sĩ Liên bang Aldo Rebelo.

Tháng 5/2005: Đặc phái viên của Tổng thống Luiz Inácio Lula da Silva, Đại sứ Luiz Augusto de Araujo Castro.

Tháng 9/2007: Thứ trưởng Bộ Phát triển và Công thương Ivan Ramalio

Ngày 02/10 – 04/10/2007: Thứ trưởng Bộ Phát triển, Công nghiệp và Ngoại thương, Ivan Ramalho.

Tháng 11/2007: Thứ trưởng Ngoại giao Gomez de Mattos

Ngày 26/02 - 27/02/2008: Bộ trưởng Ngoại giao, Celso Amorim.

Ngày 02/3 – 05/3/2008: Bộ trưởng Phát triển xã hội và Đấu tranh chống đói nghèo,

Patrus Ananias.

Tháng 3/2008: Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại và Quốc phòng của Thượng viện Liên bang, Thượng nghị sĩ Heráclito Fortes.

Tháng 5/2008: Chủ tịch Đảng Cộng sản Brazil, Renato Rabelo.

Ngày 10/7/2008: Tổng thống Luiz Inácio Lula da Silva.

• Hợp tác đa phương

Brazil đã ủng hộ Việt Nam gia nhập WTO, ứng cử làm UV không thường trực HĐBA/LHQ khoá 2008-2009.

Việt Nam ủng hộ Brazil ứng cử làm Ủy viên không thường trực HĐBA LHQ nhiệm kỳ 2010-2011 và trở thành Ủy viên Thường trực HĐBA/LHQ mở rộng.

3. Các Hiệp định đã ký giữa Việt Nam và Brazil

Kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao, Brazil và Việt Nam đã kí kết nhiều Hiệp định. Những hiệp định này đã tạo cơ sở pháp lý và cho thấy phạm vi ngày càng rộng lớn các lĩnh vực mà hai bên cùng quan tâm.

- Hiệp định thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Cộng hoà Liên bang Brazil và Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt nam, ngày 08/5/1989.
- Bản ghi nhớ giữa hai Bộ ngoại giao về Tham khảo các vấn đề cùng quan tâm, ngày 10/10/1995.
- Hiệp định hợp tác văn hoá, kí vào ngày 24/10/2003.
- Hiệp định Đối xử song phương về Tối huệ quốc, 16/11/ 2004.
- Hiệp định Miễn thị thực cho Hộ chiếu ngoại giao, 16/11/2004.

- Hiệp định Hợp tác trên lĩnh vực Y tế và Y khoa, kí kết ngày 29/5/2007.
- Hiệp định Hợp tác Khoa học và Công nghệ, kí kết ngày 10/7/2008.
- Bản ghi nhớ về Đấu tranh chống đói nghèo, kí kết ngày 10/7/ 2008.
- Bản ghi nhớ giữa Ngân hàng phát triển nông thôn Việt Nam với Ngân hàng Brazil S.A, kí ngày 10/7/2008.
- Hiệp định miễn thị thực cho các công dân mang hộ chiếu công vụ, kí kết ngày 24/11/2009.
- Thỏa thuận Kế hoạch hành động Xóa đói nghèo giữa Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Việt Nam và Bộ Phúc lợi Xã hội xóa đói nghèo Brazil (Tháng 4/2012)
- Hiệp định về Hợp tác vận tải đường biển (Tháng 9/2017)
- Hiệp định Hợp tác về hàng không dân dụng (Tháng 7/2018)

4. Thuận lợi & khó khăn trong phát triển quan hệ với Brazil

- **Thuận lợi:**

Thị trường Brazil là thị trường đông dân, nhu cầu đa dạng .

Cơ cấu xuất nhập khẩu của Brazil và Việt Nam có thể bổ sung tốt cho nhau.

Brazil là thành viên của Khối thị trường chung phía Nam Mercosur, Brazil đã ký hiệp định ưu đãi thuế quan với Chile, Peru, Bolivia, Brazil là cửa ngõ để Việt Nam xâm nhập thị trường Nam Mỹ

- **Khó khăn:**

Xa cách về mặt địa lý, thiếu thông tin

Quan hệ thương mại song phương giữa Việt Nam và Pháp

➤ Thương mại

Năm 2004, kim ngạch thương mại hai chiều của Việt Nam và Brazil mới chỉ đạt 70 triệu USD; trong đó, Việt Nam xuất sang Brazil 32 triệu USD, nhập khẩu từ Brazil 38 triệu USD. Brazil hiện là nền kinh tế lớn nhất và là đối tác quan trọng nhất của Việt Nam tại khu vực Nam Mỹ. Tính riêng trong năm 2017, trao đổi thương mại song phương đã đạt 3,87 tỷ USD, tăng gần 12 lần trong một thập kỷ qua. Năm 2018, xuất sang Brazil 2.321 triệu USD (tăng 72 lần so với năm 2004), nhập khẩu từ Brazil 1.932 triệu USD (tăng 50 lần so với năm 2004).

Theo số liệu thống kê sơ bộ từ TCHQ, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Brazil tháng 8/2019 đạt 216,69 triệu USD, tăng 19,79% so với tháng 7/2019 và tăng 13,11% so với tháng 8/2018.

Nâng kim ngạch xuất khẩu sang Brazil 8 tháng năm 2019 lên 1,4 tỷ USD, tăng 3,88 so với cùng kỳ năm 2018.

Việt Nam xuất khẩu sang Brazil chủ yếu mặt hàng điện thoại và linh kiện, chiếm 38,687% tỷ trọng đạt 554,91 triệu USD, tăng 3,19% so với cùng kỳ 2018, riêng tháng 8/2019 kim ngạch đạt 99,57 triệu USD, tăng 45,76% so với tháng 7/2019 và tăng 25,38% so với tháng 8/2018.

Đứng thứ hai về kim ngạch là máy móc thiết bị đạt 137,97 triệu USD, tăng 14,94% so với 8 tháng năm 2018, riêng tháng 8/2019 đạt 15,09 triệu USD, tăng 26,94% so với tháng 7/2019 nhưng giảm 20,81% so với tháng 8/2018.

Kế đến là máy vi tính sản phẩm điện tử, giày dép, xơ sợi dệt, phương tiện vận tải phụ tùng....

Nhìn chung, tính từ đầu năm đến hết tháng 8/2019 kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam

sang thị trường Brazil hầu hết các mặt hàng đều tăng trưởng, số này chiếm 57,89% theo đó nhóm hàng sắt thép tăng vượt trội, cụ thể 8 tháng 2019 Việt Nam đã xuất sang Brazil 5,6 nghìn tấn, trị giá 5,1 triệu USD, tăng gấp 2,8 lần (tương ứng 176,92%) về lượng và gấp 2,7 lần (tương ứng 165,2%) trị giá so với cùng kỳ, giá xuất bình quân 907,49 USD/tấn, giảm 4,23%. Riêng tháng 8/2019 Việt Nam cũng đã xuất 55 tấn sắt thép sang Brazil, với kim ngạch 50,7 nghìn USD, giá xuất bình quân 1104,8 USD/tấn, tăng 27,91% về lượng và tăng 22,31% trị giá, nhưng giá bình quân giảm 4,38% so với tháng 7/2019.

Ngoài ra, kim loại thường và sản phẩm từ cao su xuất khẩu sang thị trường Brazil thời gian này cũng tăng mạnh, tăng lần lượt 39,05% và 37,76% tương ứng với 20,78 triệu USD; 10,99 triệu USD.

Ở chiều ngược lại, Brazil giảm mạnh nhập khẩu nguyên phụ liệu, dệt may, da giày từ Việt Nam với kim ngạch 7,21 triệu USD, giảm 30,83% so với cùng kỳ năm 2018, riêng tháng 8/2019 kim ngạch tăng 59,62% so với tháng 7/2019 nhưng giảm 23,36% so với tháng 8/2018 đạt 900,02 nghìn USD.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Brazil 8 tháng năm 2019

Mặt hàng	8T/2019		+/- so với cùng kỳ 2018 (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (USD)	Lượng (Tấn)	Trị giá (%)
Tổng		1.434.397.025		3,88
Điện thoại các loại và linh kiện		554.915.073		3,19

Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác		137.974.084		14,94
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện		121.122.317		-24,74
Giày dép các loại		112.434.888		-2,47
Xơ, sợi dệt các loại	35.791	73.043.921	45,64	24,75
Phương tiện vận tải và phụ tùng		55.654.055		-2,47
Hàng dệt, may		39.505.246		9,82
Hàng thủy sản		37.772.647		-23,23
Kim loại thường khác và sản phẩm		20.780.749		39,05
Sản phẩm từ cao su		10.991.835		37,76
Sản phẩm từ sắt thép		10.930.650		-26
Cao su	9.300	10.290.006	27,99	12,33
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận		8.518.135		9,71
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù		8.470.664		21,41

Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày		7.212.144		-30,83
Vải màn, vải kỹ thuật khác		6.442.878		14,44
Sắt thép các loại	5.627	5.106.452	176,92	165,2
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm		745.655		-12,56
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ		163.490		-2,52
Hàng hóa khác		212.322.135		

Nguồn: Theo số liệu sơ bộ của Tổng Cục Hải quan

Cán cân thương mại giữa Việt Nam và Brazil giai đoạn 2014 - 2018

Đơn vị: USD

	2014	2015	2016	2017	2018
Việt Nam xuất khẩu sang Brazil	1.580.452	1.788.792	1.600.736	2.186.065	2.320.798
Việt Nam nhập khẩu từ Brazil	1.592.852	2.124.310	1.398.746	1.732.642	1.931.686

Cán cân thương mại	12.400	335.518	-201.990	-453.423	-389.112
--------------------	--------	---------	----------	----------	----------

Nguồn: Trademap

Xuất khẩu của Việt Nam sang Brazil năm 2018

➤ Kim ngạch xuất khẩu

Năm 2018, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ các nước của Brazil đạt hơn 181,2 tỉ USD, tăng 20% so với năm 2017. Trung Quốc là nhà cung ứng hàng hóa lớn nhất của Brazil, chiếm 19,2 thị phần trong tổng nhập khẩu của Brazil từ thế giới. Xếp vị trí thứ 6 trong số các nhà cung ứng cho Brazil là Việt Nam, với thị phần khá khiêm tốn, chỉ 1,3%. Giá trị xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Brazil trong năm 2018 đạt hơn 2,3 tỉ USD, tăng 6% so với năm 2017. Nhìn chung giai đoạn năm 2014 – 2018, bình quân tăng trưởng xuất khẩu từ Việt Nam sang Brazil tăng 10%. Các nhóm hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang thị trường Brazil trong năm 2018 gồm:

- (HS 85) Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên
- (HS 64) Giày, dép, ghệt và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên
- (HS 84) Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng
- (HS 03) Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác
- (HS 40) Cao su và các sản phẩm bằng cao su
- (HS 55) Xơ sợi staple nhân tạo

- (HS 62) Quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc
- (HS 54) Sợi filament nhân tạo; sợi dạng dải và các dạng tương tự từ nguyên liệu dệt nhân tạo
- (HS 61) Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc
- (HS 87) Xe cộ trừ phương tiện chạy trên đường xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng

Bảng: Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Brazil năm 2018

Đơn vị tính: nghìn USD

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Kim ngạch xuất khẩu		% tăng /giảm năm 2017 - 2018	% tăng /giảm năm 2014 - 2018
		Năm 2017	Năm 2018		
Tổng cộng		2.186.065	2.320.798		
'85	Máy điện và thiết bị điện...	1.398.233	1.460.995	4	27
'64	Giày, dép, ghệt	192.975	202.092	5	-12
'84	Lò phản ứng hạt nhân	115.427	150.086	30	-6
'03	Cá và động vật giáp xác	101.618	85.086	-16	-6
'40	Cao su và các sản	71.628	69.619	-3	7

	phẩm bằng cao su				
'55	Xơ sợi staple nhân tạo	35.331	45.831	30	-7
'62	Quần áo... không dệt kim hoặc móc	36.951	40.810	10	-7
'54	Sợi filament nhân tạo...	36.470	35.024	-4	72
'61	Quần áo... dệt kim hoặc móc	26.496	31.481	19	-8
'87	Xe cộ...	24.472	30.395	24	22

Nguồn: Trade map 2018

➤ **Các mặt hàng xuất khẩu chính**

1. Thiết bị điện, điện tử... (HS 85)

Đơn vị tính: nghìn USD

	2014	2015	2016	2017	2018
Nhập khẩu từ Việt Nam	564.397	833.691	931.831	1.398.233	1.460.995
Nhập khẩu từ thế giới	27.013.712	20.383.480	16.942.609	20.725.532	21.757.779

Nguồn: Trademap.org

Trung Quốc là nhà xuất khẩu hàng đầu nhóm hàng thiết bị điện, điện tử... (HS 85) sang Brazil. Năm 2018, Trung Quốc xuất khẩu nhóm hàng này sang Brazil đạt 9,5 tỉ USD, tăng 7% so với năm 2017 và chiếm 43,7% trong tổng nhập khẩu nhóm hàng này của Brazil.

Nhà cung cấp lớn thứ hai của Brazil là Hàn Quốc, với tổng giá trị nhập khẩu (HS 85) hơn 2,4 tỉ USD, chiếm thị phần 11,1%.

Việt Nam là nhà cung cấp đứng thứ 3 nhóm hàng (HS 85) của Brazil. Trong năm 2018, Việt Nam chiếm 6,7% trong tổng thị phần nhập khẩu nhóm hàng này của Brazil với tổng giá trị xuất khẩu đạt khoảng 1,5 tỉ USD, tăng 27% trong giai đoạn 2014 – 2018. Tuy nhiên, nhóm hàng (HS 85) xuất khẩu sang Brazil năm 2018 chỉ tăng 4% so với năm 2017. Sản phẩm chính trong nhóm hàng (HS 85) mà Việt Nam xuất khẩu sang Brazil trong năm 2018 là:

- (HS 8517) Bộ điện thoại, kể cả điện thoại di động hoặc điện thoại dùng cho mạng không dây khác; thiết bị khác để truyền và nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác kể cả các thiết bị viễn thông nội mạng hữu tuyến hoặc không dây (trừ loại thiết bị truyền và thu của nhóm 8443, 8525, 8527 hoặc 8528).
- (HS 8542) Mạch điện tử tích hợp.
- (HS 8529) Bộ phận chuyên dùng hoặc chủ yếu dùng với các thiết bị thuộc các nhóm từ 85.25 đến 85.28.
- (HS 8507) Ấc qui điện, kể cả tấm vách ngăn của nó, hình chữ nhật hoặc hình khác (kể cả hình vuông).

Giá trị xuất khẩu sản phẩm (HS 8517) từ Việt Nam sang Brazil tăng dần qua các năm từ năm 2014 đến năm 2018. Tuy giá trị xuất khẩu trong giai đoạn này tăng, nhưng mức tăng trưởng xuất khẩu sản phẩm này không đều nhau, cụ thể năm 2015 là năm có mức tăng

trường cao nhất, tăng 61% so với năm 2014; năm 2017 là năm có mức tăng trưởng xuất khẩu cao thứ hai trong giai đoạn này, với mức tăng trưởng tương ứng 44%; năm 2016 là năm có mức tăng trưởng thấp nhất, chỉ tăng 1%, kể đến là năm 2018, tăng 4%. Nhìn chung trong giai đoạn 2014 – 2018, bình quân mỗi năm xuất khẩu tăng trưởng 24% về giá trị và tăng 22% về khối lượng. Năm 2018, xuất khẩu sản phẩm (HS 8517) của Việt Nam vào thị trường Brazil đạt hơn 947 triệu USD, chiếm 22,3% thị phần trong tổng nhập khẩu sản phẩm này của Brazil từ các nơi trên thế giới. Việt Nam là nhà cung cấp lớn thứ 2 cho Brazil sau Trung Quốc (thị phần 55,8%). Mức thuế trung bình Brazil áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 10%.

Năm 2018, Brazil áp thuế 2% cho sản phẩm (HS 8542) của Việt Nam. Xuất khẩu sản phẩm này của Việt Nam sang Brazil đạt khoảng 208 triệu USD, giảm 11% so với năm 2017. Nhìn chung trong giai đoạn 2014 – 2018, xuất khẩu (HS 8542) từ Việt Nam sang Brazil tăng trưởng trung bình 48%/năm. Việt Nam là nhà cung ứng thứ 5 sản phẩm này cho Brazil. Các nhà cung ứng hàng đầu của Brazil là Hàn Quốc (1,7 tỉ USD, 36,8% thị phần), kể đến là Trung Quốc (hơn 858 triệu USD, 18,6%), Đài Loan (gần 687 triệu USD, 14,9%), Malaysia (549,3 triệu USD, 11,9%) và Việt Nam (4,5%).

Năm 2018, Việt Nam xuất khẩu đạt 108,1 triệu USD sản phẩm (HS 8529) sang thị trường Brazil. Xuất khẩu sản phẩm này của Việt Nam tăng trưởng không đồng đều trong giai đoạn 2014 – 2018. Trong giai đoạn này, tăng trưởng xuất khẩu giảm mạnh vào năm 2015, giảm 56% so với năm 2014. Sang năm 2016, xuất khẩu tăng trưởng trở lại với mức tăng khá cao là 90%. Sau đó, xuất khẩu tăng vọt lên mức cao kỷ lục vào năm 2017 với mức tăng 2.038%, đây cũng là năm xuất khẩu đạt mức tăng trưởng cao nhất trong toàn giai đoạn. Sang năm 2018, xuất khẩu tiếp tục tăng nhẹ ở mức 4% so với năm 2017. Tính chung trong toàn giai đoạn 2014 – 2018, bình quân xuất khẩu mỗi năm tăng trưởng 160% về giá trị và tăng 126% về khối lượng. Trung Quốc là nhà cung cấp hàng đầu (HS 8529) của Brazil, với tổng kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 1,1 tỉ USD, chiếm thị phần áp đảo (56,5%) so với tất cả các nhà cung cấp khác cho Brazil. Xếp vị trí thứ hai trong bảng xếp

hạng là Đài Loan, chiếm 8,8% thị phần, xuất khẩu đạt hơn 178,4 triệu USD; kế đến là Hàn Quốc (178,4 triệu USD, 8,8%) và Việt Nam xếp thứ 4, chiếm thị phần 5,4%. Brazil áp thuế 8,7% cho sản phẩm (HS 8529) của Việt Nam.

Trong số các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu sản phẩm (HS 8507) sang thị trường Brazil thì Việt Nam xếp thứ 2 sau Trung Quốc, với thị phần lần lượt tương ứng là 18,8% và 53,2%. Brazil áp thuế 17,9% cho sản phẩm này của Việt Nam. Giai đoạn 2014 – 2018, xuất khẩu (HS 8507) của Việt Nam sang Brazil trung bình mỗi năm tăng trưởng 18% về giá trị, nhưng giảm 4% về khối lượng, riêng năm 2018 xuất khẩu tăng trưởng 99% so với năm 2017, đạt giá trị xuất khẩu 82,2 triệu USD.

Trong số các sản phẩm thuộc nhóm hàng (HS 85) Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Brazil trong giai đoạn 2014 – 2018, ngoài sản phẩm (HS 8529) vừa có giá trị xuất khẩu cao trong năm 2018, vừa có mức tăng trưởng xuất khẩu bình quân mỗi năm ở mức cao thì vẫn còn một số sản phẩm thuộc nhóm (HS 85) đạt mức tăng trưởng cao trong giai đoạn 2014 – 2018 là thiết bị phát tín hiệu âm thanh hoặc hình ảnh... (HS 8531) tăng 309%; Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời... (HS 8516) tăng 91%; Bảng, panen, giá đỡ, bàn tủ và các loại hộp khác... (HS 8537) tăng 86% và thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu bằng điện... (HS 8512) tăng 76%.

Ngày 12/9/2019, Cục đặc trách ngoại thương và vấn đề quốc tế thuộc Bộ Kinh tế Brazil đã ban hành Hướng dẫn chi tiết số 2.023 và 2.024 (đăng trên Công báo ngày 16/9/2019 và sẽ có hiệu lực bắt đầu từ ngày 19/09/2019) cho phép giảm thuế nhập khẩu về 0% cho đến hết năm 2021 (một số loại cho đến hết năm 2020) đối với nhiều loại thiết bị, linh kiện điện tử viễn thông và công nghệ thông tin. Các thiết bị - linh kiện này chủ yếu nằm trong các chương 84, 85 và 90 là các thiết bị phục vụ cho ngành lắp ráp các sản phẩm máy tính và phụ kiện, công nghệ thông tin, viễn thông. Trước đây, các mặt hàng này phải chịu mức thuế xuất nhập khẩu khá cao từ dao động từ 14%-20%. Tính đến thời điểm hiện tại Brazil đã giảm thuế nhập khẩu cho trên 1.000 dòng sản phẩm.

2. Nhóm hàng giày, dép, ghệt và các sản phẩm tương tự (HS 64)

Đơn vị tính: nghìn USD

	2013	2014	2015	2016	2017
Nhập khẩu từ Việt Nam	335.664	264.727	205.203	192.975	202.092
Nhập khẩu từ thế giới	635.974	538.545	384.787	380.973	395.353

Nguồn: Trademap.org

Việt Nam là nhà cung cấp hàng đầu nhóm hàng (HS 64) sang Brazil, chiếm thị phần áp đảo, 51,1%, so với các nhà cung cấp khác. Trong năm 2018, xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam sang Brazil đạt khoảng 202,1 triệu USD, tăng 5% so với năm 2017. Trong giai đoạn 2014 – 2018 tăng trưởng xuất khẩu nhóm hàng giày dép, ghệt và các sản phẩm tương tự sang Brazil giảm 12%. Các nhà cung cấp lớn khác gồm Indonesia (16,7%), Trung Quốc (16,1%), Ý (6%). Các sản phẩm chính trong nhóm hàng (HS 64) Việt Nam xuất khẩu sang Brazil năm 2018 là:

- Giày, dép có đế ngoài bằng cao su, plastic, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng nguyên liệu dệt (HS 6404)
- Các loại giày, dép khác có đế ngoài và mũ bằng cao su hoặc plastic (HS 6402)

Năm 2018, Brazil nhập khẩu khoảng 147 triệu USD sản phẩm (HS 6404) từ thị trường Việt Nam. So với tất cả các nhà cung ứng, Việt Nam chiếm phần lớn thị phần trong tổng nhập khẩu của Brazil đối với sản phẩm này, 64,9%. Việt Nam là nhà cung ứng lớn nhất của Brazil, kể đến là Indonesia (18,5%) và Trung Quốc (10,7%). Giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2018, tăng trưởng xuất khẩu sản phẩm (HS 6404) từ Việt Nam sang

Brazil trung bình mỗi năm giảm 11% về khối lượng và giảm 12% về giá trị, riêng năm 2018 giá trị xuất khẩu tăng 8% so với năm 2017. Mức thuế trung bình Brazil áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 35%.

Sản phẩm xuất khẩu chủ lực thứ hai thuộc nhóm hàng (HS 64) từ Việt Nam sang Brazil là (HS 6402), với giá trị xuất khẩu trong năm 2018 đạt gần 28 triệu USD, không tăng so với năm 2017. Tính chung trong giai đoạn 2014 – 2017, tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân mỗi năm giảm 16%. Với thị phần 50,9% trong tổng nhập khẩu của Brazil, Việt Nam là nhà cung ứng hàng đầu trong số các quốc gia và vùng lãnh thổ cung ứng (HS 6402) sang thị trường Brazil. Các nhà cung ứng lớn khác gồm Indonesia (23%) và Trung Quốc (9,4%). Trung bình mức thuế Brazil áp cho sản phẩm này của Việt Nam ở mức 34,9%.

Năm 2019, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng giày dép từ Việt Nam đạt 148 triệu USD, chiếm tỉ trọng 48%, là nước xuất khẩu giày dép lớn nhất vào thị trường Brazil.

Theo báo cáo của Hiệp hội giày dép Brazil (Abicalcados), 9 tháng đầu năm 2019, tổng kim ngạch nhập khẩu giày dép của nước này đạt khoảng 311 triệu USD. Trong đó, riêng kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng giày dép từ Việt Nam đạt 148 triệu USD, chiếm tỉ trọng 48%, qua đó, Việt Nam giữ vững vị thế là nước xuất khẩu giày dép lớn nhất vào thị trường Brazil.

Báo cáo của Abicalcados cho biết, Brazil là nước có ngành công nghiệp giày da rất phát triển nhờ có nguồn cung nguyên liệu dồi dào từ ngành chăn nuôi và ngành thuộc da đã phát triển nhiều năm. Hàng năm, trị giá xuất khẩu ngành giày da của Brazil đạt trên 1,0 tỉ USD, nhưng chủ yếu là các sản phẩm từ da tự nhiên.

Trong khi đó, do tập quán tiêu dùng (các hoạt động giải trí, thể thao, vui chơi) nên phân khúc các mặt hàng thể thao, giày dép từ vật liệu tổng hợp chiếm ưu thế chủ đạo. Theo số liệu của Abicalcados, giày thể thao chiếm 53,2% giá trị và 75,4% về số lượng

trong tổng số các sản phẩm giày dép được nhập khẩu, kể đến là các sản phẩm giày dép khác (làm từ vật liệu nhựa và cao su).

Trước đây Trung Quốc thường được biết đến là nước xuất khẩu giày dép hàng đầu vào thị trường Brazil, nhưng do hiện tại, giày dép Trung Quốc đang bị đánh thuế chống bán phá giá theo trị giá tuyệt đối lên tới hàng chục USD/đôi nên sức cạnh tranh bị suy giảm, tạo cơ hội cho hàng hóa sản xuất từ các nước khác, trong đó có Việt Nam.



Đáng chú ý là Thương vụ Việt Nam tại Brazil cũng thường xuyên thông tin về tình hình sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại của nước sở tại. Theo đó, Brazil là nước thường xuyên và sử dụng các biện pháp bảo hộ sản xuất trong nước, một số mặt hàng xuất khẩu Việt Nam đã bị nước này áp dụng các biện pháp phòng vệ như chống bán phá giá, hàng rào kỹ thuật...

Riêng đối với mặt hàng giày dép, Brazil cũng đã có động thái cảnh báo nhất định, các doanh nghiệp cần thường xuyên liên hệ, hợp tác với các ban hàng, các hiệp hội đại diện cho nhà nhập khẩu nhằm kịp thời giải trình, điều chỉnh hoặc có những vận động chính sách phù hợp nhằm tránh việc bị áp dụng các biện pháp phòng vệ, giữ vững thị

trường và thị phần.

Hiện tại, Việt Nam đang dẫn đầu kim ngạch xuất khẩu giày dép vào Brazil, nhưng thuế nhập khẩu vẫn còn ở mức rất cao (35%) điều này cho thấy sức cạnh tranh tốt của giày dép Việt Nam. Tuy nhiên, về lâu dài, các nước trong khu vực, đặc biệt là các thành viên Mercosur sẽ chiếm ưu thế, trong khi thị trường giày dép của Brazil vẫn còn tiềm năng phát triển rất mạnh.

3. Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí... (HS 84)

Đơn vị tính: nghìn USD

	2014	2015	2016	2017	2018
Nhập khẩu từ Việt Nam	144.821	234.584	98.024	115.427	150.086
Nhập khẩu từ thế giới	31.888.728	24.813.441	21.124.300	17.404.149	19.096.839

Nguồn: Trademap.org

Nhà cung cấp lớn nhất nhóm hàng (HS 84) sang Brazil là Trung Quốc, với tổng giá trị xuất khẩu đạt 4,7 tỉ USD, chiếm 24,5% thị phần trong tổng nhập khẩu nhóm hàng này của Brazil. Các nhà cung cấp lớn khác gồm có Hoa Kỳ với hơn 2,9 tỉ USD (15,3%), Đức hơn 2,4 tỉ (12,8%), Ý 1,3 tỉ (6,7%), Nhật Bản hơn 1,1 tỉ (5,8%)... và Việt Nam chiếm thị phần khá khiêm tốn, chỉ 0,8%, xếp vị trí thứ 22.

Từ năm 2014 đến năm 2018, giá trị xuất khẩu nhóm hàng (HS 84) từ Việt Nam sang Brazil tăng 62% trong năm 2015, sau đó giảm mạnh vào năm 2016 (giảm 58,3%, còn 98,02 triệu USD), và tăng trở lại vào năm 2017 (tăng 18%, đạt 115,4 triệu USD) và tiếp tục tăng vào năm 2018, với mức tăng tương ứng là 30%, đạt gần 150,1 triệu USD.

Nhìn chung trong toàn giai đoạn 2014 – 2018, bình quân tốc độ tăng trưởng xuất khẩu nhóm hàng (HS 84) từ Việt Nam sang Brazil giảm 6% mỗi năm. Mức thuế trung bình Brazil áp cho nhóm hàng (HS 84) của Việt Nam là 11,9%.

Các sản phẩm xuất khẩu chủ lực thuộc nhóm hàng (HS 84) Việt Nam xuất khẩu sang Brazil trong năm 2018 là:

- Máy in sử dụng các bộ phận in như bát chữ, trục lăn và các bộ phận in của nhóm 84.42; máy in khác, máy copy (copying machine) và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau; bộ phận và các linh kiện của chúng (HS 8443)
- Máy khâu, trừ các loại máy khâu sách thuộc nhóm 84.40; bàn, tủ, chân máy và nắp thiết kế chuyên dùng cho các loại máy khâu; kim máy khâu (HS 8452)

Năm 2018, xuất khẩu sản phẩm (HS 8443) từ Việt Nam sang thị trường Brazil thu về 75,5 triệu USD, tăng 35% so với năm 2017. Từ năm 2014 đến năm 2018, tăng trưởng xuất khẩu sản phẩm này liên tục giảm trong năm 2015 và 2016 với mức giảm tương ứng là -10% và -5%. Sau đó xuất khẩu tăng trưởng trở lại vào năm 2017, tăng 18% và tiếp tục tăng vào năm 2018. Tính chung trên toàn giai đoạn này thì bình quân mỗi năm xuất khẩu tăng trưởng 8% về giá trị nhưng giảm 1% về khối lượng. Việt Nam nằm trong top 5 nhà xuất khẩu hàng đầu sản phẩm (HS 8443) sang Brazil. Nhà xuất khẩu lớn nhất là Trung Quốc, với thị phần 37,6%, kế đến là Nhật Bản (10,3%), Malaysia (9,5%), Việt Nam xếp thứ 4 với thị phần 8,5% và Hoa Kỳ (6,6%). Thuế suất trung bình Brazil áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 8,5%.

Sản phẩm xuất khẩu chủ lực thứ hai của Việt Nam sang Brazil thuộc nhóm hàng (HS 84) là (HS 8452). Trong năm 2018, tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này đạt hơn 8,8 triệu USD, chiếm 10,1% thị phần trong tổng nhập khẩu (HS 8452) của Brazil từ các nơi trên thế giới. Trung Quốc là nhà cung ứng lớn nhất của Brazil, với tổng giá trị xuất khẩu đạt hơn 51 triệu USD, chiếm phần lớn thị phần nhập khẩu của Brazil, 58,6%.

Việt Nam xếp thứ hai sau Trung Quốc, với thị phần 10,1%; kế đến là Nhật Bản (6,5%); Ý (5,5%) và Đài Loan (5,2%). Từ năm 2014 đến năm 2018, xuất khẩu tăng trưởng vào năm 2015, 2017 và 2018, với mức tăng lần lượt tương ứng là 23%, 71% và 52%. Trong giai đoạn này, xuất khẩu đạt mức tăng trưởng cao nhất vào năm 2017 và tăng trưởng xuất khẩu giảm mạnh nhất vào năm 2016, giảm 64%. Tính chung trên toàn giai đoạn này, bình quân mỗi năm tăng trưởng xuất khẩu giảm 2% về giá trị và tăng 4% về khối lượng. Thuế suất trung bình Brazil áp cho sản phẩm (HS 8452) xuất xứ từ Việt Nam là 7,9%.

4. Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác (HS 03)

Đơn vị tính: nghìn USD

	2014	2015	2016	2017	2018
Nhập khẩu từ Việt Nam	135.614	77.350	64.936	101.618	85.619
Nhập khẩu từ thế giới	1.435.804	1.109.578	1.099.359	1.317.607	1.265.251

Nguồn: Trademap.org

Trong năm 2018, Chile là nhà cung ứng hàng đầu nhóm hàng (HS 03) vào thị trường Brazil, chiếm gần ½ thị phần nhập khẩu (HS 03) của Brazil, 46,2%, với tổng kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 584,5 triệu USD. Nhà cung ứng lớn thứ hai sau Chile là Trung Quốc (10,9%), kế đến là Na Uy (9,3%), Argentina (7,1%) và Việt Nam xếp thứ 5 với thị phần 6,8%.

Năm 2018, Việt Nam xuất khẩu nhóm hàng (HS 03) sang thị trường Brazil thu về được

85,62 triệu USD. Tuy là nhà cung ứng lớn thứ 5 của Brazil nhưng xét về tăng trưởng thì xuất khẩu có mức tăng trưởng âm trong giai đoạn 2014 – 2018, với mức tăng trưởng là -6%, riêng giai đoạn 2017 – 2018, tăng trưởng xuất khẩu giảm 16%.

Sản phẩm chính trong nhóm hàng (HS 03) mà Việt Nam xuất khẩu sang Brazil trong năm 2018 là Filê cá và các loại thịt cá khác, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (HS 0304). Mức thuế trung bình 10% được Brazil áp cho sản phẩm này của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này trong năm 2018 của Việt Nam đạt 85,5 triệu USD, chiếm 27,9% thị phần trong tổng nhập khẩu (HS 0304) của Brazil. Trong số các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu sản phẩm này sang Brazil, Việt Nam là quốc gia xuất khẩu hàng đầu, kế đến là Argentina (25,6%), Trung Quốc (19,8%) và Chile (17%). Những năm từ 2014 đến 2018, xuất khẩu sản phẩm (HS 0304) của Việt Nam sang Brazil chỉ tăng trưởng vào năm 2017, với mức tăng trưởng là 58%. Năm 2015, 2016, 2018, tăng trưởng xuất khẩu giảm, giảm mạnh nhất là vào năm 2015 (giảm 43%), và giảm 16% vào năm 2016 và 2018. Bình quân mỗi năm tăng trưởng xuất khẩu giảm 6% về giá trị và giảm 15% về khối lượng trong cùng giai đoạn này.

Theo Hiệp hội chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP) cho biết, tính tới nửa đầu tháng 9/2019, tổng giá trị xuất khẩu cá tra sang thị trường Brazil đạt 38,9 triệu USD, giảm 23,5% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, 8 tháng đầu năm nay có tới 7 tháng liên tiếp giá trị xuất khẩu cá tra sang thị trường này giảm so với cùng kỳ năm 2018.

Theo số liệu cập nhật của ITC, 8 tháng đầu năm 2019, tổng giá trị nhập khẩu cá thịt trắng của Brazil vẫn tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá trị nhập khẩu từ nhiều nguồn cung lớn và truyền thống của Brazil là Argentina, Trung Quốc hay Bồ Đào Nha đều tăng nhưng giá trị nhập khẩu từ Việt Nam lại giảm.

Hiện nay, sản phẩm cá hake phile đông lạnh (HS 030474) chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nhập khẩu cá thịt trắng của Brazil, dao động từ 45,5 - 60% tổng giá trị nhập khẩu cá thịt trắng. Đứng thứ 2 là sản phẩm cá tra phile đông lạnh (HS 030462), chiếm tỷ

trọng từ 19 - 33% tổng nhập khẩu cá thịt trắng. Trong 8 tháng đầu năm nay, Brazil đa dạng sản phẩm cá thịt trắng như: cá hake, cá cod, cá Alaska pollock từ nhiều nguồn cung khác nhau như: Argentina, Trung Quốc, Ecuador, Chile...

Cho đến cuối tháng 9/2019, có hơn 10 doanh nghiệp cá tra đang duy trì xuất khẩu sang thị trường Brazil, trong đó, giá trị xuất khẩu lớn hơn sang thị trường này đi từ các doanh nghiệp cá tra Cần Thơ và Bến Tre. 100% sản phẩm cá tra xuất khẩu sang thị trường Brazil ở dạng phile đông lạnh (HS 030462) với giá xuất khẩu trung bình từ 1,75 - 3,85 USD/kg.

Hiện, Brazil vẫn được các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra Việt Nam đánh giá là thị trường xuất khẩu tiềm năng tại khu vực Nam Mỹ. Tuy nhiên, trong 2 năm trở lại đây, xuất khẩu cá tra sang thị trường này liên tục giảm sút. Một số doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường này vẫn cho rằng, đây là thị trường giá cao, có nhu cầu nhập khẩu sản phẩm cá tra chất lượng cao đi kèm với yêu cầu nhập khẩu khắt khe.

Có thể thấy, trong 8 tháng đầu năm nay, nhu cầu nhập khẩu sản phẩm cá thịt trắng từ các nguồn cung nội khối Nam Mỹ của thị trường Brazil vẫn đang gia tăng. Ngoài ra, thị trường Trung Quốc cũng đang tiếp tục cung cấp sản phẩm cá hake phile đông lạnh - sản phẩm cá thịt trắng được chọn lựa nhiều hơn tại thị trường này.

Dự báo, xuất khẩu cá tra hai tháng cuối năm tiếp tục giảm, tuy nhiên không vượt quá 10% so với cùng kỳ năm trước. Do ảnh hưởng của tình hình xuất khẩu nên giá cá tra nguyên liệu trong thời gian khó có thể tăng cao.

5. Cao su và các sản phẩm bằng cao su (HS 40)

Đơn vị tính: nghìn USD

	2014	2015	2016	2017	2018

Nhập khẩu từ Việt Nam	57.157	54.099	47.328	71.628	69.753
Nhập khẩu từ thế giới	4.091.342	2.975.235	2.475.581	3.060.465	3.062.561

Nguồn: Trademap.org

Việt Nam là nhà cung ứng thứ 14 nhóm hàng (HS 40) sang thị trường Brazil. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này đạt khoảng 70 triệu USD, giảm 3% so với năm 2017, tính chung trên toàn giai đoạn 2014 – 2018, xuất khẩu tăng trưởng 7%/năm.

Các nhà cung ứng hàng đầu của Brazil là Trung Quốc, với thị phần 15,6%; kế đến là Hoa Kỳ (14,1%); Thái Lan (6,9%), Indonesia (6,5%), Malaysia (6,1), Argentina (5,6%) và Đức (5%).

Các sản phẩm chính thuộc nhóm hàng (HS 40) xuất khẩu từ Việt Nam sang thị trường Brazil trong năm 2018 là:

- (HS 4011) Lớp loại bơm hơi bằng cao su, chưa qua sử dụng.
- (HS 4001) Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cúc cao su, nhựa cây họ sacolasea và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải.

Năm 2018, Việt Nam là nhà xuất khẩu sản phẩm (HS 4011) xếp vị trí thứ 7 của Brazil, tổng giá trị xuất khẩu đạt được hơn 43 triệu USD, chiếm 4,5% thị phần trong tổng nhập khẩu sản phẩm này của Brazil. Giai đoạn năm 2014 – 2018, trung bình mỗi năm xuất khẩu tăng trưởng 27% về khối lượng và tăng 17% về giá trị, riêng giai đoạn 201 – 2018 giá trị xuất khẩu tăng 11%. Các nhà xuất khẩu hàng đầu sản phẩm này sang thị trường Brazil là Trung Quốc (28,7%), Argentina (11,4%), Hoa Kỳ (8,7%), Nhật Bản

(8,1%), Mexico (6,9%) và Ấn Độ (5,4%). Trung bình Brazil áp thuế 14,5% cho sản phẩm này của Việt Nam.

Sản phẩm thứ hai trong nhóm hàng (HS 40) được Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Brazil là (HS 4001). Tổng kim ngạch xuất khẩu (HS 4001) đạt hơn 15,6 triệu USD, giảm 29% so với năm 2017. Tính chung trong toàn giai đoạn 2014 – 2018, bình quân tăng trưởng xuất khẩu mỗi năm tăng 1% về giá trị và 7% về khối lượng. 9,2% là mức thuế trung bình Brazil áp cho sản phẩm này của Việt Nam. Với thị phần 44,3%, Indonesia trở thành nhà cung ứng lớn nhất sản phẩm (HS 4001) sang thị trường Brazil, kế đến là Thái Lan (33,4%), Côte d'Ivoire (8,1%), Malaysia (5,2%) và Việt Nam xếp thứ 5 với thị phần 4,6%.

Xuất khẩu cao su sang Brazil tháng 8/2019 giảm 1,3% về lượng và giảm 8,2% về kim ngạch so với tháng 8/2018, đạt 1,8 nghìn tấn, trị giá gần 1,8 triệu USD. Tính chung 8 tháng đầu năm 2019 đạt 9,3 nghìn tấn, trị giá 10,3 triệu USD, tăng 28% về lượng và tăng 12,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018.

6. Xơ sợi staple nhân tạo (HS 55)

Đơn vị tính: nghìn USD

	2014	2015	2016	2017	2018
Nhập khẩu từ Việt Nam	59.689	42.341	39.813	35.331	45.831
Nhập khẩu từ thế giới	885.338	792.000	728.842	827.685	932.624

Nguồn: Trademap.org

Năm 2018, Trung Quốc là nhà cung ứng lớn nhất của thị trường Brazil đối với nhóm

hàng (HS 55), với tổng giá trị xuất khẩu đạt 373,1 triệu USD, chiếm 40% thị phần. Xếp vị trí thứ hai là Indonesia (20,4%), kế đến là Ấn Độ (7,8%). Việt Nam xếp thứ 5 với thị phần 4,9%. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng (HS 55) của Việt Nam sang Brazil đạt 45,8 triệu USD, tăng 30% so với năm 2017, nhưng nhìn chung trong toàn giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2018, trung bình tăng trưởng xuất khẩu mỗi năm giảm 7%.

Các sản phẩm đạt giá trị xuất khẩu cao thuộc nhóm hàng (HS 55) được Việt Nam xuất sang thị trường Brazil trong năm 2018 gồm:

- Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple tổng hợp, chưa đóng gói để bán lẻ (HS 5509)
- Xơ staple tổng hợp, chưa chải thô, chưa chải kỹ hoặc chưa gia công cách khác để kéo sợi (HS 5503)
- Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple tái tạo, chưa đóng gói để bán lẻ (HS 5510)

Sản phẩm xuất khẩu đạt giá trị cao nhất của nhóm hàng (HS 55) là (HS 5509), với tổng kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 18,7 triệu USD, tăng 11% so với năm 2017. Nhìn chung giai đoạn 2014 – 2018, xuất khẩu tăng trưởng trung bình mỗi năm 3% về giá trị và 7% về khối lượng. Việt Nam là nhà xuất khẩu sản phẩm (HS 5509) lớn thứ 4 sang thị trường Brazil, chiếm thị phần 8,1% trong tổng nhập khẩu sản phẩm này của Brazil. Nhà xuất khẩu hàng đầu (HS 5509) của Brazil là Indonesia (48,6%), kế đến là Ấn Độ (20,1%) và Trung Quốc (15,7%). Trung bình Brazil áp 17,8% thuế cho (HS 5509) của Việt Nam.

Sản phẩm thứ hai thuộc nhóm hàng (HS 55) được Việt Nam xuất khẩu sang Brazil là (HS 5503), với giá trị xuất khẩu đạt hơn 14,8 triệu USD, xếp vị trí thứ 4 trong số các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu (HS 5503) sang Brazil. Nhà xuất khẩu chiếm thị phần lớn nhất là Trung Quốc (36,4%), tiếp theo là Hàn Quốc (12,7%), Thái Lan (9,7%) và Việt Nam (7%). Thuế suất trung bình Brazil áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 9,4%. Xét về tăng trưởng xuất khẩu trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2018, xuất

khẩu (HS 5503) từ Việt Nam sang Brazil tăng 39%, đạt hơn 3 triệu USD vào năm 2015 và chỉ giảm vào năm 2016 (giảm 10%, đạt 2,7 triệu USD), sau đó xuất khẩu tăng trưởng trở lại vào năm 2017, với giá trị xuất khẩu đạt hơn 4 triệu USD, tăng 48%; sang năm 2018, xuất khẩu tăng vọt lên mức cao (tăng 269%) và đây cũng là năm xuất khẩu đạt mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2014 – 2018. Tính chung trên toàn giai đoạn này, bình quân mỗi năm xuất khẩu tăng trưởng 60% về khối lượng và tăng 51% về giá trị.

Sản phẩm (HS 5510) xuất khẩu từ Việt Nam sang Brazil trong năm 2018 đạt 12,2 triệu USD giảm 16% so với năm 2017, bình quân mỗi năm xuất khẩu giảm 25% về giá trị và giảm 26% về khối lượng trong giai đoạn 2014 – 2018. Việt Nam xếp vị trí thứ 4 trong số các nhà xuất khẩu (HS 5510) sang thị trường Brazil, với thị phần 6,6%. Các nhà xuất khẩu hàng đầu của Brazil là Trung Quốc (43,7%), Indonesia (36,5%), Thổ Nhĩ Kỳ (7,4%). Trung bình Brazil áp thuế 18% cho sản phẩm này của Việt Nam.

9 tháng đầu năm 2019, lượng xơ sợi xuất khẩu sang các thị trường đều tăng trưởng chiếm 60%, trong đó xuất sang thị trường Brazil tăng vượt trội, tăng 57,17% về lượng và 31,88% trị giá, tuy chỉ đạt 41,7 nghìn tấn, trị giá 82,78 triệu USD, giá bình quân 1984,54 USD/tấn, giảm 16,09% so với cùng kỳ. Riêng tháng 9/2019 xuất khẩu sang thị trường Brazil đều sụt giảm cả lượng và trị giá, giảm lần lượt 4,19% và 7,71%, giá bình quân cũng giảm 3,68% so với tháng 8/2019 với 5,9 nghìn tấn, trị giá 9,7 triệu USD và giá bình quân 1644,27 USD/tấn; tuy nhiên so với tháng 9/2018 thì tăng mạnh, gấp 3 lần về lượng (tức tăng 201,27%) và gấp 2,3 lần về trị giá (tức tăng 130,81) nhưng giá bình quân giảm 23,39%.

7. Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc (HS 62)

Đơn vị tính: nghìn USD

	2014	2015	2016	2017	2018
Nhập khẩu từ Việt Nam	48.101	52.188	28.355	36.951	40.810
Nhập khẩu từ thế giới	1.425.669	1.326.063	687.712	816.764	912.398

Nguồn: *Trademap.org*

Năm 2018, Trung Quốc là nhà cung cấp hàng đầu nhóm hàng quần áo và hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc (HS 62) của Brazil, giá trị xuất khẩu nhóm hàng này của Trung Quốc sang Brazil đạt gần 539 triệu USD, chiếm tỷ trọng 59,1% trong tổng giá trị nhập khẩu của Brazil.

Các nhà cung cấp lớn khác gồm có: Bangladesh 95,3 triệu USD (10,4%), Ấn Độ 46,6 triệu USD chiếm 5,1%, và Việt Nam 4,5%.

Việt Nam là nhà cung cấp lớn thứ 4 nhóm hàng (HS 62) sang Brazil. Trong năm 2018, xuất khẩu của Việt Nam đạt hơn 40,8 triệu USD, từ năm 2014 – 2018 tăng trưởng xuất khẩu nhóm hàng (HS 62) bình quân giảm 7%. Riêng trong giai đoạn 2017 – 2018 xuất khẩu nhóm hàng quần áo và hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc tăng trưởng 10%. Mức thuế 35% được Brazil áp cho nhóm hàng (HS 62) của Việt Nam.

Các sản phẩm chính trong nhóm hàng (HS 62) của Việt Nam xuất khẩu sang Brazil trong năm 2018 là:

- (HS 6204) Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, váy dài, váy, chân váy, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn, và quần sooc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái

- (HS 6203) Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần sooc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai
- (HS 6201) Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (carcoats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, trừ các loại thuộc nhóm 62.03
- Áo choàng, áo sơ mi và áo choàng sơ mi phồng kiểu nam dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái (HS 6206)

Xuất khẩu sản phẩm (HS 6204) từ Việt Nam sang thị trường Brazil trong năm 2018 đạt hơn 9,3 triệu USD, tăng 39% so với năm 2017, nhưng trung bình mỗi năm giảm 17% tính chung trên toàn giai đoạn 2014 – 2018. Thuế suất 35% được Brazil áp cho sản phẩm này của Việt Nam. Trung Quốc chiếm lĩnh hơn ½ thị trường nhập khẩu của Brazil đối với sản phẩm (HS 6204) và nhà cung ứng lớn nhất của Brazil, với thị phần 58,1%. Kế đến là Ấn Độ (8,2%), Bangladesh (5,8%), Thổ Nhĩ Kỳ (4,7%) và Việt Nam xếp thứ 5 với thị phần 4%.

Sản phẩm được xuất khẩu kế tiếp trong nhóm hàng (HS 62) là (HS 6203), với kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 8 triệu USD. Việt Nam là nhà cung cấp lớn thứ 3 sản phẩm này sang thị trường Brazil, chiếm 5,4% tỷ trọng trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Brazil. Hai nhà cung cấp hàng đầu sang thị trường Brazil là Trung Quốc (42,6%) và Bangladesh (22,4%). Xét về tăng trưởng xuất khẩu những năm 2014 – 2018, xuất khẩu có mức tăng trưởng âm mỗi năm (-21%), riêng năm 2018 giảm 28% so với năm 2017. Brazil áp thuế 35% cho sản phẩm (HS 6203) của Việt Nam.

Năm 2018, tuy Việt Nam là nhà xuất khẩu lớn thứ 2 sản phẩm (HS 6201) sang thị trường Brazil nhưng thị phần của Việt Nam còn khá nhỏ, chỉ 7%, đạt 6,6 triệu USD.

Quốc gia xuất khẩu (HS 6201) chiếm lĩnh thị trường Brazil là Trung Quốc, với thị phần 77,1%. Cùng mức thuế 35% được Brazil áp cho cả thị trường Trung Quốc và Việt Nam. Giá thành sản phẩm của Việt Nam và Trung Quốc chênh lệch khá lớn. Theo số liệu từ ITC, giá thành Trung Quốc xuất khẩu sang thị trường Brazil là 9.375 USD/tấn trong khi giá của Việt Nam là 29.252 USD/tấn. Giai đoạn năm 2014 – 2018, xuất khẩu (HS 6201) của Việt Nam sang Brazil tăng trưởng bình quân 13%/năm, riêng năm 2018 tăng 34% so với năm 2017.

Đối với sản phẩm (HS 6206), Trung Quốc giữ vị trí số 1 trong số các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu sang Brazil, với thị phần 51,7%. Ấn Độ xếp thứ hai (14%), kế đến là Bangladesh (8,7%) và Việt Nam xếp thứ 4 (6,3%). Tổng kim ngạch xuất khẩu (HS 6206) từ Việt Nam sang Brazil đạt 6,4 triệu USD, tăng 31% so với năm 2017 và trung bình tăng 33% trong giai đoạn 2014 – 2018. Brazil áp thuế 35% cho (HS 6206) của Việt Nam.

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Brazil trong tháng 8/2019 tăng 1,14% so với tháng 7/2019 đạt hơn 6,1 triệu USD. Nhìn chung, trong 8 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang Brazil tăng 9,82% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 39,5 triệu USD.

8. Sợi filament nhân tạo... (HS 54)

Đơn vị tính: ngàn USD

	2014	2015	2016	2017	2018
Nhập khẩu từ Việt Nam	4.832	8.485	16.571	36.470	35.024
Nhập khẩu	1.617.790	1.155.121	1.045.512	1.223.993	1.353.616

từ thể giới					
-------------	--	--	--	--	--

Nguồn: Trademap.org

Xuất khẩu nhóm hàng (HS 54) của Việt Nam vào thị trường Brazil trong giai đoạn 2014 – 2018 đạt giá trị cao nhất vào năm 2017 (khoảng 36,5 triệu USD). Xuất khẩu tăng dần qua các năm từ năm 2014 đến năm 2017, với các mức tương ứng là tăng 76% vào năm 2015, tăng 95% vào năm 2016, tăng 120% vào năm 2017. Sang Năm 2018, xuất khẩu giảm nhẹ (giảm 4%) so với năm 2017, đạt hơn 35 triệu USD. Nhìn chung trong toàn giai đoạn 2014 – 2018, trung bình mỗi năm xuất khẩu tăng trưởng 72%. Mức thuế trung bình 20,3% được Brazil áp cho sản phẩm này của Việt Nam.

Với thị phần 2,6% trong tổng nhập khẩu nhóm hàng (HS 54) của Brazil, Việt Nam xếp vị trí thứ 5. Nhà cung cấp hàng đầu cho Brazil là Trung Quốc (50,3%), kế đến là Ấn Độ (22,4%), Đài Loan (5,7%) và Hoa Kỳ (3,2%).

Mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nhóm hàng (HS 54) được Việt Nam xuất khẩu sang Brazil là Sợi filament tổng hợp (trừ chỉ khâu), chưa đóng gói để bán lẻ, kể cả sợi monofilament tổng hợp có độ mảnh dưới 67 decitex (HS 5402). Tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong năm 2018 đạt khoảng 33 triệu USD, giảm so với năm 2017. Tính chung trong toàn giai đoạn 2014 – 2018, xuất khẩu (HS 5402) trung bình mỗi năm tăng trưởng 118% về khối lượng và tăng 94% về giá trị. 16,7% là thuế suất trung bình Brazil áp cho mặt hàng (HS 5402) từ Việt Nam. Xếp vị trí hàng đầu trong số các nhà xuất khẩu (HS 5402) sang thị trường Brazil là Ấn Độ, với thị phần 35,5%, kế đến là Trung Quốc (30,1%), Đài Loan (4,9%), Hoa Kỳ (4,4%) và Việt Nam xếp thứ 5 với thị phần khá nhỏ, 4%.

9. Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc (HS 61)

Đơn vị tính: nghìn USD

	2014	2015	2016	2017	2018
Nhập khẩu từ Việt Nam	37.258	43.423	24.043	26.496	31.481
Nhập khẩu từ thế giới	1.129.688	1.048.631	552.842	712.542	881.646

Nguồn: Trademap.org

Trong năm 2018, Việt Nam là nhà cung cấp lớn thứ 4 nhóm hàng (HS 61) của Brazil, đạt giá trị xuất khẩu 31,5 triệu USD. Giai đoạn 2014 – 2018, xuất khẩu nhóm hàng (HS 61) từ Việt Nam sang Brazil đạt tốc độ tăng trưởng bình quân mỗi năm giảm 8%, riêng năm 2018 tăng 19% so với năm 2017.

Trung Quốc là nhà cung cấp hàng đầu nhóm hàng (HS 61) của Brazil trong năm 2018, đạt giá trị khoảng 495,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 56,2% trong tổng giá trị nhập khẩu nhóm hàng (HS 61) của Brazil.

Các nhà cung cấp lớn khác gồm Bangladesh 98,1 triệu USD (11,1%), Peru 54,3 triệu USD (6,2%), và Việt Nam chiếm thị phần 3,6%.

Mức thuế Brazil áp cho nhóm hàng (HS 61) từ Việt Nam sang Brazil là 35%. Trong đó, các sản phẩm chính thuộc nhóm hàng (HS 61) được Việt Nam xuất khẩu sang Brazil trong năm 2018 là:

- Áo phông, áo may ô và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc (HS 6109)
- Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, áo váy dài, váy, chân váy, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc (HS 6104)

- Bộ com lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chần và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc (HS 6103)

Sản phẩm (HS 6109) của Việt Nam được Brazil áp thuế 35%. Việt Nam nhà nhà cung ứng xếp vị trí thứ 6 của Brazil, với 4,5% thị phần. Nhà cung ứng lớn nhất là Trung Quốc (32,3%), tiếp đến là Peru (15,5%), Bangladesh (13,3%), Bồ Đào Nha (4,9%) và Thái Lan (4,6%). Xuất khẩu (HS 6109) của Việt Nam sang Brazil trong giai đoạn 2014 – 2018, trung bình mỗi năm giảm 11%, riêng năm 2018 tăng 14% so với năm 2017, đạt 6,7 triệu USD.

Năm 2018, Việt Nam xuất khẩu 331 tấn sản phẩm (HS 6104) sang thị trường Brazil, thu về hơn 6,4 triệu USD, tăng 15% so với năm 2017, và trung bình tăng 12%/năm tính chung trong giai đoạn 2014 – 2018. Trung Quốc là nhà cung ứng hàng đầu (HS 6401) sang Brazil, với tổng giá trị xuất khẩu đạt 75,6 triệu USD, chiếm lĩnh phần lớn thị phần thị trường Brazil (72,1%). Việt Nam xếp thứ hai, sau Trung Quốc, với thị phần 6,1%. Brazil áp thuế 35% cho sản phẩm (HS 6104) của Việt Nam.

Một sản phẩm khác thuộc nhóm hàng (HS 61) được Việt Nam xuất khẩu sang Brazil là (HS 6103). Kim ngạch xuất khẩu của sản phẩm này trong năm 2018 đạt 4,3 triệu USD, tăng 23% so với năm 2017 và tăng 8%/năm trong giai đoạn 2014 – 2018. Thị phần của Việt Nam tại thị trường Brazil là 7,9%, xếp sau Trung Quốc (55,2%). Thuế suất trung bình Brazil áp cho (HS 6103) từ Việt Nam là 35%.

10. Xe cộ... (HS 87)

Đơn vị tính: nghìn USD

	2014	2015	2016	2017	2018

Nhập khẩu từ Việt Nam	13.171	17.409	15.903	24.472	30.395
Nhập khẩu từ thế giới	19.469.864	13.569.066	9.955.443	11.235.826	14.026.499

Nguồn: trademap.org

Năm 2018, Việt Nam là nhà cung ứng thứ 26 nhóm hàng (HS 87) sang thị trường Brazil. Tổng giá trị xuất khẩu nhóm hàng này đạt 30,4 triệu USD, tăng 24% so với năm 2017, trung bình mỗi năm tăng 22% trong giai đoạn 2014 – 2018. Mức thuế trung bình Brazil áp cho (HS 87) từ Việt Nam là 27,4%.

Các nhà cung ứng hàng đầu của Brazil là Argentina (34,7%), Mexico (13,9%), Đức (7,8%), Trung Quốc (7,4%), Nhật Bản (7%), Hoa Kỳ (6%),... Việt Nam chiếm thị phần khá khiêm tốn, chỉ 0,2%.

Sản phẩm xuất khẩu chính của nhóm hàng (HS 87) từ Việt Nam sang Brazil trong năm 2018 là:

- (HS 8714) Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13.
- (HS 8708) Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05.

15,7% là mức thuế trung bình Brazil áp cho sản phẩm (HS 8714) của Việt Nam trong năm 2018. Tổng kim ngạch xuất khẩu (HS 8714) từ Việt Nam sang thị trường Brazil đạt hơn 27,1 triệu USD, tăng 26% so với năm 2017. Tính chung trong giai đoạn 2014 – 2018, xuất khẩu mỗi năm tăng trưởng trung bình 23% về giá trị và 46% về khối lượng. Việt Nam xếp vị trí thứ 7 trong số các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu (HS 8714) sang thị trường Brazil, với 4,7% thị phần. Các nhà xuất khẩu lớn của Brazil là Trung

Quốc (43,7%), Nhật Bản (12,4%), Đài Loan (7,9%), Thái Lan (7,1%), Hoa Kỳ (5,7%) và Indonesia (5%).

Xuất khẩu sản phẩm (HS 8708) của Việt Nam sang thị trường Brazil trong năm 2018 đạt 2,9 triệu USD, tăng 10% so với năm 2017, nhìn chung trong giai đoạn 2014 – 2018, xuất khẩu mỗi năm trung bình tăng 16% về giá trị và tăng 29% về khối lượng. Việt Nam xếp thứ 40 trong số các nhà cung ứng của Brazil. Nhà cung ứng lớn nhất cho Brazil là Đức với thị phần 13,1%, kế đến là Nhật Bản (11,3%), Mexico (10,9%), Trung Quốc (10,6%), Hàn Quốc (9,6%), Hoa Kỳ (8,1%) và Argentina (7,9%). Trung bình thuế suất Brazil áp cho sản phẩm này của Việt Nam là 14,8%.

Nhập khẩu của Việt Nam từ Brazil

1. Tình hình nhập khẩu hàng hóa từ Brazil của Việt Nam trong năm 2018

Năm 2018, Việt Nam xếp vị trí thứ 29 trong số các quốc gia và vùng lãnh thổ nhập khẩu hàng hóa từ Brazil, với thị phần rất nhỏ (chỉ 0,8%) trong tổng xuất khẩu của Brazil. Tăng trưởng nhập khẩu hàng hóa từ Brazil của Việt Nam trong năm 2018 tăng 11% so với năm 2017, đạt hơn 1,9 tỉ USD. Nhìn chung trong giai đoạn 2014 – 2018, nhập khẩu từ Brazil của Việt Nam có mức tăng trưởng trung bình 2%/năm.

Các nhà nhập khẩu hàng đầu của Brazil là Trung Quốc với giá trị nhập khẩu là 64,2 tỉ USD, chiếm 26,8% thị phần; kế đến là Hoa Kỳ với 29,1 tỉ USD (12,1%); Argentina (6,2%) và Hàn Lan (5,4%).

Nhóm hàng xuất khẩu chính của Brazil sang Việt Nam trong năm 2018 là:

- (HS 10) Ngũ cốc
- (HS 23) Phế liệu và phế thải từ ngành công nghiệp thực phẩm; thức ăn gia súc đã chế biến

- (HS 52) Bông
- (HS 12) Hạt dầu và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác; cây công nghiệp hoặc cây dược liệu; rom, rạ và cỏ khô
- (HS 72) Sắt và thép
- (HS 41) Da sống (trừ da lông) và da thuộc
- (HS 26) Quặng, xỉ và tro
- (HS 44) Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than từ gỗ
- (HS 24) Thuốc lá và nguyên liệu thay thế thuốc lá đã chế biến
- (HS 02) Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ

Kim ngạch nhập khẩu các nhóm hàng chính của Việt Nam từ Brazil năm 2018

Đơn vị tính: nghìn USD

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Kim ngạch nhập khẩu		% tăng /giảm năm 2017 - 2018	% tăng /giảm năm 2014 - 2018
		Năm 2017	Năm 2018		
Tổng cộng		1.732.642	1.931.686		
'10	Ngũ cốc	437.182	523.859	20	-10
'23	Phế liệu và phế thải từ ngành công nghiệp thực phẩm...	143.598	434.119	202	15
'52	Bông	268.678	232.649	-13	13

'12	Hạt dầu...	240.877	134.383	-44	-10
'72	Sắt và thép	187.909	81.857	-56	35
'41	Da sống...	120.299	72.435	-40	-18
'26	Quặng, xỉ và tro	211	69.018	32.610	N/A
'44	Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ...	43.436	59.555	37	21
'24	Thuốc lá và nguyên liệu...	53.384	51.982	-3	6
'02	Thịt và phụ phẩm...	39.074	47.483	22	4

Nguồn: Trade map 2018

2. Tình hình nhập khẩu hàng hóa từ Brazil của Việt Nam trong thời gian gần đây

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, hàng hóa xuất xứ từ thị trường Brazil nhập khẩu vào Việt Nam 8 tháng đầu năm 2019 tăng mạnh 26,9% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 1,69 tỷ USD; trong đó riêng tháng 8/2019 đạt 187,03 tỷ USD, tăng 3,5% so với tháng liền kề trước đó và tăng rất mạnh 38% so với cùng tháng năm 2018.

Hàng hóa nhập khẩu từ Brazil có 5 nhóm đạt kim ngạch từ 100 triệu USD trở lên gồm: Ngô, quặng và khoáng sản, đậu tương, bông, thức ăn gia súc và nguyên liệu.

Ngô đứng đầu về kim ngạch trong số các nhóm hàng nhập khẩu từ Brazil và cũng nổi bật về mức tăng rất mạnh 348,5% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 457,86 triệu USD, chiếm 27,1% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa các loại từ thị trường này; riêng tháng 8/2019 nhập khẩu ngô cũng tăng mạnh 175,9% so với tháng 7/2019 và tăng

910,8% so với tháng 8/2018, đạt 78,2 triệu USD.

Nhóm hàng quặng và khoáng sản đứng thứ 2 về kim ngạch, đạt 296,26 triệu USD, chiếm 17,5%, tăng 61,6% so với cùng kỳ năm trước; tuy nhiên trong tháng 8/2019 nhập khẩu nhóm hàng này lại sụt giảm mạnh 49,9% so với tháng 7/2019 và giảm 43,4% so với tháng 8/2018, đạt 24,18 triệu USD.

Nhóm hàng đậu tương đứng thứ 3 về kim ngạch, chiếm 11,9%, đạt 201,62 triệu USD, tăng mạnh 40%; tiếp đến mặt hàng bông chiếm 10,1%, đạt 170,41 triệu USD, giảm 2,8%; thức ăn gia súc và nguyên liệu chiếm 9,2%, đạt 155,82 triệu USD, giảm 52,2%.

Trong 8 tháng đầu năm 2019 đa số các nhóm hàng nhập khẩu từ thị trường Brazil vào Việt Nam tăng kim ngạch so với cùng kỳ năm trước; trong đó ngoài mặt hàng ngô và quặng khoáng sản như nêu trên, còn có một số nhóm hàng cũng tăng mạnh như: Phế liệu sắt thép tăng 86,5%, đạt 0,17 triệu USD; linh kiện, phụ tùng ô tô tăng 48%, đạt 5,75 triệu USD; chế phẩm thực phẩm tăng 45,9%, đạt 0,8 triệu USD; nguyên liệu nhựa tăng 41,5%, đạt 5,57 triệu USD.

Ngược lại, các nhóm hàng nhập khẩu sụt giảm mạnh gồm có: Kim loại thường giảm 74%, đạt 1,77 triệu USD; nguyên phụ liệu thuốc lá giảm 31,6%, đạt 32,05 triệu USD; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng giảm 31,1%, đạt 9,69 triệu USD.

Nhập khẩu hàng hóa từ Brazil 8 tháng đầu năm 2019

<i>Nhóm hàng</i>	T8/2019	+/- so với T7/2019 (%)	9T/2019	+/- so với cùng kỳ 2018 (%)
<i>Tổng kim ngạch nhập khẩu</i>	187.033.058	3,51	1.689.426.154	26,93

Ngô	78.199.417	175,86	457.856.161	348,46
Quặng và khoáng sản khác	24.177.114	-49,92	296.259.692	61,62
Đậu tương	24.600.643		201.616.007	39,98
Bông các loại	5.017.101	-79,21	170.408.377	-2,83
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	13.856.032	0,76	155.816.948	-52,24
Hàng hóa khác	13.650.742	-12,63	117.358.668	
Sắt thép các loại	711.297	-96,87	87.480.046	19,22
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	5.856.679	-19,55	58.627.829	-9,48
Gỗ và sản phẩm gỗ	6.953.784	-1,32	48.594.954	20,13
Nguyên phụ liệu thuộc lá	5.274.449	3,08	32.047.177	-31,61
Lúa mì			23295728	
Hóa chất	2.515.872	-40,23	13.183.513	-20,85
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	1.968.339	69,57	9.685.199	-31,05

Linh kiện, phụ tùng ô tô	854.751	-35,66	5.752.187	47,97
Chất dẻo nguyên liệu	1.980.410	145,79	5.569.060	41,5
Hàng rau quả	980.323	746,52	3.124.099	-17,74
Kim loại thường khác	263.953	-52,99	1.771.830	-74,01
Chế phẩm thực phẩm khác	85.897	-27,16	804.624	45,88
Phế liệu sắt thép	86.255	-1,76	174.057	86,51

Nguồn: Tổng Cục Hải quan

Tiềm năng thị trường

1. Cơ hội

Brazil là quốc gia có dân số trẻ và là xã hội hướng đến tiêu dùng với thị trường đông dân, sức mua lớn,.

Brazil có chính sách bảo hộ sản xuất trong nước, được đánh giá là quốc gia rất tích cực sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, đặc biệt là nhằm vào các nước xuất khẩu có trị giá kim ngạch lớn với Brazil. Việc đánh thuế phòng vệ cao đối với nhiều mặt hàng của một số nước làm cho các nhà nhập khẩu Brazil có xu hướng tìm kiếm các nhà cung cấp mới ở các thị trường mới trong đó có Việt Nam.

Sản xuất trong nước gặp nhiều khó khăn do chính sách thuế và lao động, làm cho nhu

cầu nhập khẩu, đặc biệt là các mặt hàng tiêu dùng sẽ tăng trưởng ổn định.

Brazil tuy ưu tiên phát triển nông nghiệp nông thôn, nhưng lại chú trọng các sản phẩm chăn nuôi và ngũ cốc, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng và thị hiếu ưa thích thủy sản của người dân. Đây có thể là một lợi thế trong xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào thị trường này.

2. Thách thức, khó khăn

Một số hàng hóa công nghiệp và tiêu dùng của Việt Nam tiếp tục phải đối diện hoặc nguy cơ đối diện với các biện pháp phòng vệ thương mại của Brazil.

Thủy sản tiếp tục là đối tượng áp dụng các hàng rào kỹ thuật về kiểm dịch, kiểm hóa và quy cách bao bì đóng gói của cơ quan chức năng nước sở tại.

Thuế nhập khẩu cao, quan hệ lao động phức tạp tiếp tục là rào cản đối với các doanh nghiệp xuất khẩu muốn mở văn phòng, chi nhánh thúc đẩy xuất khẩu sang Brazil.

3. Các lĩnh vực tiềm năng của thị trường đối với doanh nghiệp Việt Nam

Lĩnh vực công nghiệp: (ngoài điện thoại) các mặt hàng như máy tính, sản phẩm sắt thép, sản phẩm cao su, sơ xợi dệt, nguyên phụ liệu dệt may, giày da

Mặt hàng tiêu dùng: giày dép, túi xách, va li, dù..

Nông sản: fillet cá tra, tôm

Nhập khẩu các mặt hàng tiêu dùng sẽ tăng trưởng ổn định. Nhu cầu hưởng thụ của người bản xứ rất cao nên đây là sẽ lợi thế đối với các mặt hàng thời trang nhập khẩu với giá thành tốt như hàng giày dép, dệt may.

Brazil là một trong những nhà sản xuất nông sản lớn của thế giới nhưng đa phần là xuất khẩu sản phẩm thô và nguyên liệu chế biến. Chính phủ đang định hướng đẩy

mạnh xuất khẩu các sản phẩm chủ lực là các sản phẩm chăn nuôi và ngũ cốc. Trong khi, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng và thị hiếu ưa thích thủy sản của người dân vì một phần đang tập trung phát triển ngành chăn nuôi và chế biến thịt (thịt bò, gà, heo và cừu) nên giá cả các sản phẩm thủy sản tươi sống ở Brazil cao hơn nhiều so với thịt. Đây có thể là một lợi thế trong xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào thị trường này. Mức tiêu thụ cá của người Brazil hiện chỉ bằng 50% so với khuyến cáo của WTO. Bộ nông nghiệp Brazil cho biết 60% hàng thủy sản đều nhập khẩu từ các quốc gia khác. Tuy nhiên, Brazil đang tăng cường kiểm tra, kiểm soát các loại thủy sản nhập khẩu vào nước này, đặc biệt là tiêu chuẩn an toàn thực phẩm các mặt hàng thủy sản bị giám sát chặt chẽ, một số doanh nghiệp Việt Nam đã bị cảnh báo đưa vào diện kiểm tra 100% dư lượng kháng sinh, hóa chất trong sản phẩm.

Mặt hàng tôm đông lạnh chưa được nhập khẩu vào Brazil từ Việt Nam, trong khi nhu cầu tiêu thụ tôm của người dân tăng gấp 4 lần so với năng lực sản xuất trong nước. Theo đánh giá thì ngành tôm Brazil giảm 40% sản lượng do ảnh hưởng của bệnh đốm trắng nên chỉ có Ecuador xuất khẩu tôm sang Braxin.

Đầu tư

Tính đến tháng 4/2019, Brazil hiện đứng thứ 84 trên tổng số 131 quốc gia và vùng lãnh thổ có FDI tại Việt Nam với 3 dự án có tổng số vốn đầu tư là 2.8 triệu USD trong lĩnh vực chế biến cao su ; Việt Nam có một dự án sản xuất mỳ ăn liền trị giá 0.8 triệu USD ở Brazil.

Chương 5: Các tiêu chuẩn quy định và hải quan

Rào cản thương mại

Brazil xếp hạng 109 trên 190 quốc gia trong Báo cáo Kinh doanh Dễ dàng của Ngân hàng Thế giới năm 2019. Brazil có thể là một thị trường kinh doanh đầy thách thức, một phần do môi trường pháp lý phức tạp. Brazil đứng thứ 137 trong số 138 nền kinh tế vì gánh nặng quản lý, chỉ trước Venezuela. Các công ty nước ngoài thường đề cập đến các quy định trùng lặp, tùy tiện hoặc đôi khi phân biệt đối xử là rào cản thương mại cho các sản phẩm nước ngoài ở Brazil.

Thuế cao, hệ thống hải quan không ổn định, gánh nặng thuế cao và không thể đoán trước, và một hệ thống pháp lý quá tải là những trở ngại lớn cho việc kinh doanh ở Brazil. Các công ty nước ngoài sẽ tăng cơ hội thành công bằng cách hợp tác với các đối tác chiến lược của Brazil và thể hiện cam kết với thị trường Brazil.

Ngày 16/3/2018, Casa Civil (Cơ quan hành pháp Brazil) đã ban hành Hướng dẫn phân tích tác động theo quy định (RIA) và Hướng dẫn chi tiết cho các cơ quan quản lý Brazil để cải thiện việc thực hiện các quy định tại Brazil. Hướng dẫn này phù hợp với tiêu chuẩn của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và tài liệu được cung cấp từ tất cả các cơ quan quản lý liên bang của Brazil, bao gồm Bộ Tài chính Brazil, Bộ Kế hoạch và [INMETRO](#) - Cơ quan đo lường và tiêu chuẩn hóa của Brazil .

Thuế nhập khẩu

Ở Brazil, nhập khẩu phải chịu một số loại thuế và phí, thường được thanh toán trong quá trình thông quan. Có 03 loại thuế chiếm phần lớn chi phí nhập khẩu: Thuế nhập khẩu (II), thuế sản phẩm công nghiệp hóa (IPI) và thuế thương mại và dịch vụ (ICMS). Ngoài các loại thuế này, còn có một số loại thuế và phí nhỏ hơn áp dụng cho hàng nhập khẩu. Lưu ý rằng hầu hết các loại thuế được tính trên cơ sở lũy kế.

➤ Thuế nhập khẩu (II)

Brazil và các đối tác của thị trường chung phía Nam (Mercosul), Argentina, Paraguay và Uruguay, đã triển khai Biểu thuế đối ngoại chung (CET) Mercosul vào ngày 01/01/1995. Mỗi quốc gia duy trì một danh sách ngoại lệ riêng cho các mặt hàng về thuế quan. Năm 1995, Brazil đã thực hiện Danh mục chung Mercosul, được gọi là Nomenclatura Comum do Mercosul (NCM), phù hợp với Hệ thống hài hòa (HS) để phân loại thuế quan.

Thuế nhập khẩu là một loại thuế bắt buộc quy định trên phạm vi toàn liên bang. Thuế nhập khẩu (II) là thuế cụ thể theo sản phẩm được liên bang đánh thuế dựa trên giá CIF (Chi phí, Bảo hiểm và Vận chuyển). Trong hầu hết các trường hợp, mức thuế nhập khẩu của Brazil dao động từ 10% - 35%. Bộ Kinh tế Brazil công bố danh sách đầy đủ các sản phẩm [NCM](#) và thuế suất trên trang web của Bộ.

➤ Thuế các sản phẩm công nghiệp hoá (IPI)

IPI là một loại thuế liên bang đánh vào hầu hết các sản phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu. Thuế này được tính tại nơi bán của nhà sản xuất, hoặc xưởng gia công trong trường hợp hàng hóa sản xuất trong nước, và tại điểm thông quan trong trường hợp nhập khẩu. Là một phần của chính phủ liên bang nỗ lực hỗ trợ các nhà sản xuất địa phương, tỷ lệ IPI giữa hàng hóa nhập khẩu và sản xuất trong nước cho cùng một loại sản phẩm có thể khác nhau. Thuế IPI không phải là một khoản chi phí của nhà nhập khẩu, bởi vì giá trị phải trả sẽ được ghi có cho nhà nhập khẩu

GOB đánh thuế IPI bằng cách xác định mức độ thiết yếu của sản phẩm đối với người tiêu dùng Brazil. Nói chung, thuế suất IPI dao động từ 0% - 15%. Trong trường hợp nhập khẩu, thuế được tính trên giá trị CIF của sản phẩm cộng với thuế nhập khẩu. Tỷ lệ IPI của một sản phẩm tỷ lệ thuận với thuế suất nhập khẩu. Cũng như thuế giá trị gia tăng ở châu Âu, thuế IPI đối với các sản phẩm trải qua nhiều giai đoạn xử lý được giảm để bù cho thuế IPI được bồi hoàn thuế ở mỗi giai đoạn. Xuất khẩu của Brazil được miễn thuế IPI.

Hải quan Brazil công bố [danh sách đầy đủ](#) các sản phẩm NCM và thuế quan IPI trên trang web.

➤ **Thuế thương mại và dịch vụ (ICMS)**

ICMS là thuế giá trị gia tăng của chính phủ tiểu bang áp dụng cho cả hàng nhập khẩu và sản phẩm nội địa. Thuế ICMS đối với hàng nhập khẩu được tính theo giá hàng, theo trị giá CIF, cộng thuế nhập khẩu, cộng IPI. Mặc dù nhà nhập khẩu phải trả ICMS để thông quan hàng nhập khẩu tại các cơ quan thuế quan, nhưng đây không phải là một khoản chi phí của nhà nhập khẩu, bởi vì giá trị phải trả sẽ được ghi có cho nhà nhập khẩu. Khi sản phẩm được bán cho người tiêu dùng cuối cùng người nhập khẩu sẽ ghi nợ thuế ICMS, được tính vào giá cuối cùng của hàng hoá và do người tiêu dùng cuối cùng trả.

Thực tế, thuế này chỉ phải trả trên giá trị gia tăng, vì chi phí thuế này thông thường được chuyển cho người mua theo giá mà thương nhân phải trả. Thuế ICMS do chính phủ đánh vào các công ty dựa trên các thuế thu theo doanh thu của công ty, trừ các loại thuế phải trả trong khi mua nguyên vật liệu và các hàng hoá trung gian. Thuế ICMS quy định đối với cả các giao dịch trong phạm vi một bang và liên bang, và được tính cho bất kỳ giao dịch thương mại nào. Thuế suất giữa các bang tương đối khác nhau, ở Bang Sao Paulo, thuế suất dao động từ 7-18%. Đối với các giao dịch liên bang, thuế suất sẽ được xác định theo thuế suất của bang hàng hoá được vận chuyển đến. (Một vài lĩnh vực kinh tế, như dịch vụ xây dựng, khai thác mỏ, năng lượng điện, năng lượng lỏng và ga được miễn thuế ICMS. Hầu hết các mặt hàng xuất khẩu Brazil được miễn thuế này.)

➤ **Thuế và các chi phí khác được tính thêm**

Thuế lưu kho: 0,65% giá CIF đối với thời hạn 15 ngày

Chi phí bốc xếp hàng tại cảng Santos: 100 USD/container

Thuế hàng hải thương mại: 25% chi phí chuyên chở đường biển (không áp dụng cho hàng

chuyên chở đường hàng không)

Đóng góp bắt buộc cho liên minh những người môi giới hải quan: 2,2% giá CIF với mức đóng góp tối thiểu là 71 USD và giá trần là 160 USD

Phí sử dụng SISCOMEX: 30 USD

Phí chuyên chở hàng hoá thông thường: 35 USD

Chứng từ và các quy định nhập khẩu

Các nhà xuất khẩu nước ngoài và các nhà nhập khẩu Brazil phải đăng ký với Ban Thư ký Ngoại thương (SECEX), một chi nhánh của MDIC trước đây - hiện là một chi nhánh của [Bộ Kinh tế](#). Tùy thuộc vào sản phẩm, chính quyền Brazil có thể yêu cầu thêm chứng từ.

Việc nhập một số sản phẩm nhập khẩu vào Brazil phải được sự cho phép của các cơ quan chức năng của Brazil có thẩm quyền về quản lý nhập khẩu và thương mại hóa các mặt hàng này. Hàng hóa yêu cầu phải có giấy phép nhập khẩu được sự chấp thuận của một hoặc hơn 16 cơ quan chức năng, bao gồm chủ yếu là các bộ hoặc cơ quan quản lý. Thông thường, các giấy phép này được yêu cầu bởi chi nhánh của Bộ Kinh tế trước khi giao hàng, nhưng trong một số trường hợp nhất định, các giấy phép này có thể được lấy sau khi vận chuyển hàng hóa, nhưng trước khi thông quan.

➤ Giấy phép nhập khẩu

• Cấp phép tự động

Theo quy định chung, các mặt hàng nhập khẩu của Brazil phải tuân theo quy trình "cấp phép hàng nhập khẩu tự động". Thủ tục này yêu cầu nhà nhập khẩu Brazil phải nộp các thông tin liên quan đến từng mặt hàng nhập khẩu, bao gồm mô tả hàng hoá cũng như mã số thuế quan của hàng hoá, số lượng, giá trị từng chuyến hàng, chi phí vận chuyển, ...

Thông tin này sẽ được sử dụng với mục đích chuẩn bị làm Tờ khai nhập khẩu (ở đây gọi là DI). Sau đó, tất cả các thông tin sẽ được nhập vào hệ thống máy tính của các cơ quan thuế quan Brazil được gọi là SISCOMEX. Bộ Ngoại thương Brazil (SECEX) là cơ quan chính phủ có trách nhiệm cấp phép nhập khẩu. Những mặt hàng nhất định và quy trình nhập khẩu sẽ phải tuân theo các yêu cầu đặc biệt, được hoàn thành trước khi thông quan. Dưới đây là một danh sách các yêu cầu đặc biệt:

- + Giấy chứng nhận của Bộ nông nghiệp Brazil đối với các mặt hàng nhập khẩu như thịt và các loại thực phẩm, hải sản, sữa và chất dẫn xuất sữa, trứng và mật ong, hoa quả và một vài sản phẩm từ động thực vật khác.
- + Cơ quan bảo vệ môi trường Brazil có thể đưa ra các quyết định liên quan đến việc nhập khẩu các mặt hàng cao su tự nhiên, tổng hợp và nhân tạo
- + Việc đăng ký công ty và/ hoặc sản phẩm có thể bắt buộc đối với việc nhập khẩu chất amiăng liều lượng lớn, hoá chất nông nghiệp, dược phẩm, nước hoa và mỹ phẩm và các sản phẩm có liên quan đến y tế.

- **Cấp phép phi tự động (LI)**

Bất cứ khi nào hàng hóa nhập khẩu phải tuân theo chế độ cấp phép phi tự động (LI), nhà nhập khẩu phải cung cấp thông tin liên quan đến từng chuyến hàng cho các cơ quan thuế quan của Brazil hoặc là trước khi vận chuyển hàng hóa hoặc trước khi thông quan. Những thông tin bắt buộc bao gồm mô tả hàng hóa cũng như mã số thuế quan của hàng hóa, số lượng, giá trị chuyến hàng, chi phí vận chuyển ...

- + **Trước khi thông quan**

Hàng hóa nhập khẩu theo chế độ được khấu trừ thuế, cũng như hàng nhập khẩu tới các khu thương mại tự do và Ủy ban nhà nước về khoa học và phát triển công nghệ.

+ Trước khi vận chuyển hàng hoá

Những mặt hàng tuân theo chế độ kiểm soát đặc biệt từ SECEX hoặc những mặt hàng cần có giấy chứng nhận của các cơ quan nhà nước Brazil khác. Những mặt hàng này bao gồm: hàng hoá đã qua sử dụng nói chung, những mặt hàng muốn được hưởng giảm thuế nhập khẩu, những mặt hàng nhập khẩu không có quy trình thanh toán từ nhà nhập khẩu cho nhà xuất khẩu - ví dụ hàng mẫu, hàng biếu tặng, nhập khẩu tạm thời, dược phẩm chữa bệnh tâm lý, các sản phẩm dùng cho con người hoặc cho mục đích nghiên cứu y tế sinh; vũ khí và các sản phẩm có liên quan, sản phẩm phóng xạ và các thành phần kim loại hiếm trên trái đất, dầu thô, chiết xuất dầu thô hoặc các chiết xuất dầu khí khác, huyết thanh chống hemophilic, các dược phẩm có huyết thanh, các sản phẩm có hại cho môi trường 0- ví dụ CFC, máy thư tín, máy bán tem, máy bay ...

Ngay sau khi đã nhập thông tin vào hệ thống máy tính của SISCOMEX liên quan đến một chuyến hàng cụ thể, hệ thống SISCOMEX sẽ chỉ ra hàng hoá thuộc danh mục theo quy trình cấp phép tự động hay phi tự động.

Các quy định về nhãn mác/ ký hiệu

Luật bảo vệ người tiêu dùng của Brazil, có hiệu lực từ 12/09/1990, quy định nhãn mác sản phẩm phải cung cấp cho người tiêu dùng các thông tin chính xác, rõ ràng, dễ đọc về chất lượng, số lượng, thành phần, giá cả, bảo hành, thời hạn sử dụng, xuất xứ và các rủi ro của sản phẩm đối với sức khoẻ và sự an toàn của con người. Các sản phẩm nhập khẩu sẽ phải dịch sang tiếng Anh tất cả các thông tin này. Vì đơn vị mét là hệ thống đo lường chính thức, các sản phẩm sẽ phải dán nhãn mác theo đơn vị met hoặc chỉ rõ mét tương đương. Các quy định về nhãn mác đối với các sản phẩm biến đổi gen (GMO) cũng phải theo các quy trình thủ tục tương tự đã nói ở trên, mặc dù hiện nay việc sử dụng các sản phẩm GMO vẫn còn được tranh cãi ở nước này.

Chuẩn bị xuất khẩu

➤ Thủ tục xuất nhập khẩu (Kiểm tra y tế, dược phẩm và trước khi chuyên chở)

Bất kỳ sản phẩm nào phục vụ cho con người cũng bị kiểm soát bởi Bộ y tế, bao gồm dược phẩm, vitamin, mỹ phẩm và các thiết bị/ dụng cụ y tế. Những sản phẩm đó chỉ được phép nhập khẩu và bán tại Brazil nếu:

- Công ty nước ngoài có đơn vị sản xuất tại Brazil hoặc văn phòng trong nước; hoặc
- Công ty nước ngoài chỉ định một nhà phân phối Brazil được các cơ quan Brazil uỷ quyền nhập khẩu và phân phối các sản phẩm y tế. Tuy nhiên, các sản phẩm đó phải đăng ký với Bộ Y tế Brazil.

➤ Đăng ký sản phẩm

Đăng ký sản phẩm ở Brazil là một công việc khó khăn. Chỉ các công ty có hoạt động trong nước mới được phép xin đăng ký các sản phẩm y tế. Phụ thuộc vào từng loại sản phẩm, đăng ký sẽ có thời hạn từ hai đến năm năm và có thể gia hạn với thời gian tương tự.

Các nhà sản xuất phải báo cáo với các cơ quan trong nước thông qua đại lý của họ các thông tin kỹ thuật của sản phẩm, ví dụ, thành phần và bộ phận của các thiết bị y tế. Đối với dược phẩm và mỹ phẩm, nhà sản xuất sẽ phải thông báo các thành phần hoạt động và không hoạt động. Các chỉ dẫn, hướng dẫn, các điểm lưu ý, ký mã hiệu, hướng dẫn sử dụng và các thông tin thích hợp về sản phẩm phải được dịch ra tiếng Bồ Đào Nha.

Quá trình đăng ký sản phẩm mất khoảng hơn một năm. Nếu quá trình này diễn ra lâu hơn ba tháng, nhà nhập khẩu và nhà sản xuất được phép sử dụng một mã số do các cơ quan có thẩm quyền của Brazil cung cấp và phân phối sản phẩm của họ ở Brazil. Tuy nhiên, nếu làm vậy họ sẽ chịu những rủi ro đối với cáo buộc về trách nhiệm đối với sản phẩm nếu

sản phẩm của họ bị các cơ quan có thẩm quyền của Brazil phát hiện không an toàn.

Tạm nhập

Năm 2017, Brazil trở thành quốc gia thứ ba ở Mỹ Latinh chính thức chấp nhận ATA Carnet. Carnet là một chứng từ hải quan quốc tế và chứng từ xuất nhập khẩu tạm thời, cho phép chủ sở hữu tránh thuế nhập khẩu đối với hàng hóa sẽ được tái xuất trong vòng một năm.

Từ năm 2000, GOB đã cho phép nhập khẩu tạm thời các sản phẩm được sử dụng trong khoảng thời gian được xác định trước và sau đó tái xuất. Brazil đã phê chuẩn Công ước quốc tế về việc nhập khẩu hàng hóa tạm thời.

Theo chương trình nhập khẩu tạm thời của Brazil, Thuế nhập khẩu (II) và IPI được sử dụng để xác định thuế nhập khẩu tạm thời. Các sản phẩm phải được sử dụng trong sản xuất hàng hóa khác và liên quan đến việc thanh toán thuế ngắn hạn hoặc chi phí thuế dài hạn từ nhà nhập khẩu địa phương đến nhà xuất khẩu quốc tế.

Có những quy định rất nghiêm ngặt liên quan đến việc nhập hàng hóa đã qua sử dụng vào Brazil. Ngày 20/12/1999, Tổng cục thuế quan Brazil ra quy định 150 (Instrução Normativa 150) đưa ra các thủ tục mới đối với hàng hoá nhập khẩu theo hình thức nhập khẩu tạm thời. Chương trình này cho phép nhập khẩu hàng hoá trong một khung thời gian định trước và hướng dẫn thông quan. Theo chương trình này, thuế nhập khẩu và thuế liên bang (IPI) chỉ được thu đối với các sản phẩm sẽ được sử dụng trong sản xuất các mặt hàng khác và liên quan đến việc thanh toán thuế mua từ nhà nhập khẩu trong nước cho nhà xuất khẩu nước ngoài. Những sản phẩm này bao gồm thuốc nhuộm, các chất làm nền và các công cụ công nghiệp. Hạn nộp thuế tỷ lệ với khung thời gian hàng nhập khẩu nhập vào Brazil.

Cấm và hạn chế nhập khẩu

Chính phủ Brazil đã xoá bỏ hầu hết các lệnh cấm nhập khẩu với một số ngoại lệ nhất định. Nói chung, nhập khẩu bất kỳ hàng tiêu dùng đã qua sử dụng đều bị cấm. Tư liệu sản xuất đã qua sử dụng chỉ được phép khi một mặt hàng tương tự, được sản xuất tại địa phương không có sẵn - chẳng hạn như các bộ phận hàng không đã qua sử dụng. Hàng tái sản xuất vẫn được coi là hàng đã qua sử dụng.

Các lệnh cấm nhập khẩu được xoá bỏ được thay bằng các quy định kiểm soát đặc biệt đối với một số mặt hàng nhập khẩu nhất định và cấm nhập khẩu một số mặt hàng khác, ví dụ tàu thuyền du lịch trị giá vượt quá 3.500 USD. Việc nhập khẩu một số máy móc, ô tô, vải vóc và nhiều mặt hàng tiêu dùng đã qua sử dụng khác bị cấm tuyệt đối. Tuy nhiên, việc nhập khẩu một số máy móc đã qua sử dụng được uỷ quyền theo các trường hợp ngoại trừ đặc biệt. Việc nhập khẩu các máy móc thiết bị đã qua sử dụng vào Khu thương mại tự do Manaus được ưu đãi hơn.

Hải quan, quy định và tiêu chuẩn

Điều cần thiết phải có là tất cả các chứng từ hải quan được điền chính xác và theo thứ tự đầy đủ. Bạn cũng phải có một nhà môi giới hải quan có năng lực và đã được xác minh trên thị trường Brazil. Kết quả có thể và thường bị trì hoãn vì nhiều lý do, bao gồm các lỗi nhỏ hoặc thiếu sót trong giấy tờ. Hàng hóa bị giữ tại Hải quan Brazil có thể bị đóng mức phí cao và [Hải quan Brazil](#) thường xuyên thu giữ các lô hàng có chứng từ không chính xác. Hải quan có quyền đưa ra mức tiền phạt và áp dụng hình phạt theo quyết định của mình. Để biết thông tin cụ thể về các quy định hải quan ở Brazil, vui lòng liên hệ với chuyên gia địa phương và xem thêm thông tin trên website của Hải quan Brazil.

GOB đã thiết lập một hệ thống thông tin trên máy vi tính để giám sát nhập khẩu và để tạo thuận lợi cho thủ tục hải quan được gọi là Hệ thống tích hợp ngoại thương ([SISCOMEX](#)), mang lại sự thuận tiện và giảm số lượng giấy tờ cần thiết trước đây để nhập khẩu vào Brazil. Các nhà nhập khẩu Brazil phải đăng ký với Bộ Ngoại thương Brazil (SECEX) là

cơ quan chính phủ có trách nhiệm cấp phép nhập khẩu và nhận mật khẩu do Hải quan cung cấp để thao tác trên SISCOMEX. Đăng ký trực tuyến trên SISCOMEX tạo tài liệu nhập khẩu điện tử và truyền thông tin đến một máy tính trung tâm.

SISCOMEX đã được cải thiện bởi chương trình Ngoại Thương Một Cửa (SW), tái cấu trúc quy trình và hệ thống đăng ký hoạt động thương mại. Một công cụ mới cho nhà nhập khẩu Brazil đã được triển khai vào tháng 7/2018. Mục tiêu cuối cùng của chương trình là giảm thời gian nhập khẩu từ 17 ngày xuống còn 10 ngày. Chính phủ Brazil tin rằng điều này sẽ có lợi cho hơn 40.000 nhà nhập khẩu.

Tiêu chuẩn thương mại

Brazil có một hệ thống quản lý chặt chẽ, các quy tắc nghiêm ngặt về tiêu chuẩn và một nhóm các tổ chức tiêu chuẩn đang linh hoạt. [INMETRO](#) là một cơ quan chính phủ và quản lý hệ thống tiêu chuẩn của Brazil, do [CONMETRO](#) lãnh đạo. [Hội đồng](#) được thành lập bởi một nhóm gồm 8 bộ và 5 cơ quan chính phủ. Hội đồng là cơ quan quản lý của [SINMETRO](#). Thông tin thêm về Hội đồng có thể được tìm thấy tại trang web <http://www.inmetro.gov.br/inmetro/conmetro.asp>

1. Tiêu chuẩn

INMETRO là cơ quan chính về kiểm định của quốc gia và chịu trách nhiệm thực thi các chính sách quốc gia về chất lượng và đo lường được thành lập và hoạt động dưới sự giám sát của CONMETRO. INMETRO chịu trách nhiệm chứng nhận sản phẩm, dịch vụ, cấp phép và phòng thử nghiệm.

Được thành lập vào năm 1940, Hiệp hội Tiêu chuẩn Kỹ thuật Brazil ([ABNT](#)) là tổ chức tiêu chuẩn được công nhận, và quản lý các nhãn hiệu phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng trong các chương trình chứng nhận sản phẩm tự nguyện hoặc bắt buộc. ABNT là một cơ quan đăng ký được công nhận để chứng nhận hệ thống chất lượng, hệ thống quản lý môi

trường và một số sản phẩm.

2. Kiểm tra, Thanh tra và Chứng nhận

Đánh giá sự phù hợp bao gồm tất cả các hoạt động cần thiết để chứng minh việc tuân thủ các yêu cầu cụ thể liên quan đến quy định kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn tự nguyện. Ở Brazil, hệ thống đánh giá sự phù hợp tuân theo các hướng dẫn của ISO. Đánh giá sự phù hợp bao gồm các phòng thí nghiệm kiểm tra và chuẩn hóa, các cơ quan chứng nhận sản phẩm, cơ quan cấp phép, các đơn vị kiểm tra và xác minh, đăng ký hệ thống chất lượng và những cơ quan khác.

Đánh giá sự phù hợp có thể là tự nguyện hoặc bắt buộc (được thực hiện thông qua một công cụ pháp lý để bảo vệ người tiêu dùng về các vấn đề liên quan đến cuộc sống, sức khỏe và môi trường). Đối với các sản phẩm được quy định, cơ quan chính phủ có liên quan thường yêu cầu các đơn vị tham gia thử nghiệm sản phẩm và chứng nhận bắt buộc phải được INMETRO công nhận và việc thử nghiệm phải được thực hiện ở Brazil.

Tất cả các tiêu chuẩn tự nguyện, bất kỳ chứng nhận nào có thể được yêu cầu trong các lĩnh vực không được quy định được xem là một vấn đề trong hợp đồng được quyết định giữa người mua và người bán. Đôi khi các tác nhân và thị hiếu thị trường thích yêu cầu phải có chứng nhận cụ thể.

Brazil có [công cụ](#) tìm kiếm các sản phẩm được chứng nhận (cả bắt buộc và tự nguyện) cũng như thông tin về các [quy định cấp phép](#) và các cơ quan được chính thức công nhận hiện nay. Cơ quan phối hợp chung về cấp phép (CGCRE) của INMETRO chịu trách nhiệm công nhận các tổ chức chứng nhận, đăng ký hệ thống chất lượng, cơ quan kiểm tra, cơ quan kiểm nghiệm sản phẩm, cũng như các phòng thử nghiệm và chuẩn hóa.

3. Công bố các quy định kỹ thuật

Các quy định về tham vấn công chúng có trên trang web của INMETRO. INMETRO và

CONMETRO sử dụng trang web của họ để thông báo cho công chúng những cập nhật về các quy định kỹ thuật.

Hội đồng Ngoại thương Brazil (CAMEX) đã công bố Nghị quyết 90 vào ngày 07/12/2018, đưa ra những phương pháp tốt cho việc chuẩn bị và đánh giá các biện pháp pháp lý có ảnh hưởng đến ngoại thương. Nghị quyết khuyến khích các cơ quan quản lý có thẩm quyền của Brazil xây dựng chương trình nghị sự, tiến hành phân tích tác động theo quy định, đánh giá các lựa chọn thay thế, sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế, thực hiện tham vấn công khai minh bạch với thời gian tối thiểu là 60 ngày cho tất cả các quy định có hiệu lực thương mại quốc tế, đảm bảo mọi quy định tuân thủ với các cam kết thương mại quốc tế của Brazil, thông báo các quy định cho WTO thông qua điểm điều tra, sử dụng việc ra quyết định dựa trên bằng chứng, phối hợp với các cơ quan quản lý khác có liên quan để đảm bảo sự gắn kết và tương thích với các quy định khác.

Ngày 30/10/2018, Tổng chưởng lý Brazil (AGU) đã công bố Sắc lệnh 328, thành lập một nhóm làm việc với một loạt các hoạt động thực hiện trong phạm vi của AGU và các cơ quan liên quan góp phần gắn kết pháp lý của các cơ quan liên bang và các đơn vị từ các cơ quan hành pháp. Sắc lệnh 328 quy định rằng nhóm làm việc sẽ chuẩn bị một bảng hướng dẫn chỉ ra các phương pháp quốc tế và nội bộ tốt. Phần cụ thể về Phương pháp Quản lý Tốt (GRP) phản ánh việc đào tạo và hướng dẫn cho các bộ phận pháp lý và kết nối công việc chung giữa tất cả các bộ và các cơ quan Brazil. Ngày 30/11/2018, AGU đã tổ chức một buổi điều trần công khai về GRP như một biện pháp để nhận phản hồi từ các cơ quan Brazil và tạo môi trường kinh doanh ổn định và dễ dự đoán hơn cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Các thành viên của WTO được yêu cầu tuân theo Hiệp định về các rào cản kỹ thuật đối với thương mại (Hiệp định TBT) thông báo cho WTO về các quy định kỹ thuật được đề xuất và các thủ tục đánh giá sự phù hợp có thể ảnh hưởng đến thương mại.

Hiệp định thương mại

Brazil là một thành viên của thương mại Mercosur, có tổ chức tiêu chuẩn khu vực riêng ban hành và làm hài hòa các tiêu chuẩn. Các ủy ban kỹ thuật viết và đề xuất các tiêu chuẩn trong các lĩnh vực được lựa chọn. Mỗi quốc gia phải phê chuẩn tiêu chuẩn trước khi các tiêu chuẩn này được thông qua tại quốc gia đó. Một số tiêu chuẩn đã được áp dụng làm tiêu chuẩn Mercosul. Các tiêu chuẩn Mercosur được thông qua và đề xuất được liệt kê trên trang web của Mercosur. Ban thư ký điều hành của Tổ chức Tiêu chuẩn Mercosur được đặt tại São Paulo, Brazil.

Yêu cầu cấp phép cho các dịch vụ chuyên nghiệp

Nhiều ngành nghề ở Brazil được quy định hoặc kiểm tra bởi các hội đồng. Hội đồng là cơ quan công quyền quy định, giám sát, chỉ đạo và trừng phạt trong một số hạn mục nhất định. Một số công nhân có nghĩa vụ phải đăng ký tại các hội đồng tương ứng để làm công việc chuyên môn của họ. Bất cứ ai làm việc mà không đăng ký đều phải chịu hình phạt theo luật Brazil.

Yêu cầu cơ bản để được hội đồng chuyên môn cấp phép là phải sở hữu một giấy chứng nhận tốt nghiệp hợp lệ trong khu vực được chọn. Vì có nhiều hội đồng chuyên môn khác nhau nên yêu cầu đăng ký có thể khác nhau. Thủ tục phổ biến nhất là đến trực tiếp hội đồng khu vực hoặc gửi các hồ sơ cần thiết. Việc đăng ký này có ngày hết hạn và cần được gia hạn định kỳ, theo quy định của hội đồng.

Việc đăng ký của người nước ngoài trong một hội đồng chuyên môn ở Brazil thay đổi tùy theo từng nghề nghiệp. Một số hội đồng như Hội đồng Tâm lý học và Hội đồng Hành chính, cho phép người nước ngoài được đăng ký. Các điều kiện chính để đăng ký là xác nhận lại bằng tốt nghiệp nước ngoài và kiểm tra trình độ bằng tiếng Bồ Đào Nha. Các hội đồng khác có các quy tắc chặt chẽ hơn, cho phép người nước ngoài chỉ đăng ký trong các trường hợp đặc biệt, như thiếu chuyên gia đã đăng ký hoặc chỉ cấp giấy phép tạm thời để



thực hiện một dự án cụ thể ở Brazil. Đây là trường hợp trong Hội đồng Kỹ thuật và Nông học.

Chương 6: Môi trường đầu tư

Tóm tắt

Brazil là nền kinh tế lớn thứ 2 ở Tây bán cầu sau Hoa Kỳ và là nền kinh tế lớn thứ 8 trên thế giới. Theo Diễn đàn Thương mại và Phát triển Liên Hiệp quốc (UNCTAD), Brazil là điểm đến lớn thứ 4 hàng đầu với dòng vốn FDI năm 2017. Trong những năm gần đây, Brazil đã nhận được hơn 1/2 tổng số FDI đến Nam Mỹ. Chính phủ Brazil (GoB) ưu tiên thu hút đầu tư tư nhân vào cơ sở hạ tầng trong năm 2017 và 2018.

Sự phục hồi kinh tế hiện nay, bắt đầu vào quý 1 năm 2017, đã kết thúc cuộc suy thoái sâu nhất và dài nhất trong lịch sử hiện đại của Brazil. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Brazil tăng 1,1% trong năm 2018, dưới mức dự đoán tăng trưởng 3% ban đầu của các nhà phân tích thị trường trong năm 2018. Các nhà phân tích dự báo tỷ lệ tăng trưởng 2% cho năm 2019. Tỷ lệ thất nghiệp đạt 11,6% vào cuối năm 2018. Theo UNCTAD, Brazil là điểm đến lớn thứ 4 trên thế giới về đầu tư vào năm 2017, với dòng vốn 62,7 tỷ USD. Thâm hụt ngân sách danh nghĩa ở mức 7,1% GDP (32,5 tỷ USD) trong năm 2018 và dự kiến kết thúc năm 2019 ở mức khoảng 6,5% GDP (148,5 tỷ USD). Tỷ lệ nợ trên GDP của Brazil đạt 76,7% trong năm 2018 với dự đoán sẽ đạt 83% vào cuối năm 2019. BCB đã duy trì mục tiêu cho lãi suất Selic chuẩn ở mức 6,5% kể từ tháng 3 năm 2018 (từ mức cao 13,75% tại cuối năm 2016).

Tổng thống Bolsonaro nhậm chức vào ngày 01/01/2019, sau nhiệm kỳ tổng thống tạm thời của Tổng thống Michel Temer. Chính quyền của Temer đã theo đuổi các chính sách kinh tế vĩ mô khắc phục nhằm ổn định nền kinh tế, như một cột mốc Giới hạn chi tiêu liên bang vào tháng 12/2016 và gói cải cách thị trường lao động vào năm 2017. Nhóm kinh tế của Tổng thống Bolsonaro cam kết tiếp tục thúc đẩy cải cách cần thiết để giúp kiểm soát chi phí của hệ thống hưu trí của Brazil, và đặt vấn đề đó lên ưu tiên kinh tế hàng đầu. Những cải cách tiếp theo cũng được lên kế hoạch để đơn giản hóa hệ thống thuế phức tạp của

Brazil.

Chiến lược xúc tiến đầu tư chính thức của Brazil ưu tiên sản xuất ô tô, năng lượng tái tạo, khoa học đời sống, dầu khí và cơ sở hạ tầng. Các nhà đầu tư nước ngoài ở Brazil được đối xử theo luật như các nhà đầu tư địa phương trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế; tuy nhiên, có những hạn chế trong y tế, phương tiện thông tin đại chúng, viễn thông, hàng không vũ trụ, tài sản nông thôn, hàng hải và vận tải hàng không. Quốc hội Brazil đang xem xét luật pháp để tự do hóa các hạn chế đối về quyền sở hữu nước ngoài đối với tài sản ở vùng nông thôn và hàng không.

Các nhà phân tích cho rằng chi phí vận chuyển và lao động cao, năng suất trong nước thấp và những bất ổn chính trị đang diễn ra gây cản trở đầu tư ở Brazil. Các nhà đầu tư nước ngoài cũng e ngại về cơ sở hạ tầng hiện tại nghèo nàn, luật lao động tương đối cứng nhắc và thuế phức tạp, các yêu cầu pháp lý; tất cả các chi phí phụ của việc kinh doanh ở Brazil.

Brazil đã thu hút 22,8 tỷ USD đầu tư mới trong nước trong 12 tháng tính đến tháng 6/2019, đánh dấu mức tăng 83,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến tháng 6 năm 2019, nền kinh tế lớn nhất của Mỹ Latinh đã mang lại 308 dự án mới, tăng so với con số 228 dự án trong cùng kỳ năm trước.

Bảng xếp hạng

Thước đo	Năm	Chỉ số/ Xếp hạng	Website
Chỉ số nhận thức tham nhũng TI	2018	105/180	http://www.transparency.org/research/cpi/overview

Báo cáo kinh doanh của Ngân hàng thế giới	2019	109/190	http://www.doingbusiness.org/en/rankings
Chỉ số Sáng tạo Toàn cầu	2018	64/126	https://www.globalinnovationindex.org/analysis-indicator
GNI/người của Ngân hàng Thế giới	2017	8.600 USD	http://data.worldbank.org/indicator/NY.GNP.PCAP.CD

Khu ngoại thương / Cảng tự do

Chính phủ liên bang cấp các lợi ích về thuế cho các khu vực thương mại tự do nhất định. Hầu hết các khu vực thương mại tự do này để thu hút đầu tư vào Brazil, tuy nhiên khu vực Bắc và Đông Bắc tương đối kém phát triển. Nổi bật nhất trong số này là Khu thương mại tự do Manaus, ở bang Amazonas, thu hút đầu tư nước ngoài khá nhiều. Sửa đổi hiến pháp 83/2014 có hiệu lực vào tháng 8/2014 và có hiệu lực đến năm 2073.

Thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài và danh mục đầu tư nước ngoài

Bảng 3: Nguồn và đích của FDI

Đầu tư trực tiếp
Top 5 quốc gia đầu tư vào Brazil/ Top 5 quốc gia Brazil đầu tư vào (ĐVT: Tỷ USD)

Đầu tư trực tiếp vào Brazil			Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài		
Tổng	635.12	100%	Tổng	254.23	100%
Hà Lan	158.42	24,9%	Cayman Islands	72.58	28,5%
Hoa Kỳ	109.61	17,3%	British Virgin Islands	46.73	18,4%
Luxembourg	60.12	6,5%	Bahamas	37.21	14,6%
Tây Ban Nha	57.98	9,1%	Áo	32.14	12,6%
Pháp	33.30	5,2%	Hoa Kỳ	14.92	5,9%

Danh mục đầu tư

Danh mục đầu tư tài sản								
Top 5 đối tác (ĐVT: Tỉ USD)								
Tổng			Chứng khoán vốn			Tổng chứng khoán nợ		
Tất cả các nước	40.13	100%	Tất cả các nước	31.11	100%	Tất cả các nước	9.02	100%
Hoa Kỳ	13.84	34,5%	Hoa Kỳ	10.37	33,3%	Hoa Kỳ	3.47	38,5%
Bahamas	6.80	16,9%	Bahamas	6.76	21,7%	Tây Ban Nha	2.64	29,3%

Cayman Islands	4.25	10,6%	Cayman Islands	3.93	12,6%	Hàn Quốc	0.50	5,5%
Tây Ban Nha	3.72	9,3%	Thụy Sĩ	2.01	6,5%	Thụy Sĩ	0.41	4,5%
Thụy Sĩ	2.42	6,0%	Luxembourg	1.69	5,4%	Đan Mạch	0.38	4,2%

Số liệu đầu tư trực tiếp từ nước ngoài

Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Brazil đã bùng nổ trong giai đoạn 2009-2011, nhưng sau đó chậm. Theo Báo cáo đầu tư thế giới năm 2018 do UNCTAD công bố, dòng vốn FDI đầu tư vào Brazil tăng 2% từ năm 2016 đến 2017 và đạt 62,7 tỷ USD. Trong thời gian đó, FDI giảm 22%, với khoản đầu tư đạt 25,5 tỷ USD. Trong quý đầu tiên của năm 2017, vốn FDI đạt 32,4 tỷ USD. Brazil là nước nhận đầu tư FDI lớn thứ 4 trên thế giới và lớn nhất ở Mỹ Latinh, thu hút hơn 40% tổng lưu lượng của khu vực. Tuy nhiên, FDI trong nước đã giảm trong quý đầu tiên của năm 2018. Năm 2018, các quốc gia đầu tư chính ở Brazil là Hà Lan, Hoa Kỳ, Đức, Tây Ban Nha, Bahamas, Luxembourg, Vương quốc Anh, Canada, Pháp và Chile. Đầu tư chủ yếu hướng vào khai thác dầu khí, công nghiệp ô tô, dịch vụ tài chính, thương mại, điện, sản xuất giấy, ITC, lưu trữ và vận chuyển, công nghiệp thực phẩm và khai thác mỏ.

Brazil xếp thứ 109 trong số 190 quốc gia trong [báo cáo Kinh doanh năm 2019](#) của Ngân hàng Thế giới, một bước tiến so với năm trước, khi nước này xếp thứ 125. Brazil là một thị trường hấp dẫn đối với các nhà đầu tư quốc tế do một số yếu tố: thị trường nội địa gần 210 triệu dân, nguồn nguyên liệu thô dễ khai thác, nền kinh tế đa dạng, ít bị tổn thương trước các cuộc khủng hoảng quốc tế và vị trí địa lý chiến lược cho phép dễ dàng tiếp cận các nước Nam Mỹ khác. Tuy nhiên, đầu tư vào Brazil vẫn có rủi ro vì một số yếu tố tiêu cực bao gồm thuế rườm rà và phức tạp, sự chậm trễ quan liêu và luật lao động cứng nhắc.

Brazil đã đưa ra chứng nhận xuất xứ điện tử giúp giảm thời gian cần thiết để phù hợp với chứng từ nhập khẩu, tạo điều kiện và đơn giản hóa toàn bộ quy trình. Vào năm 2017, Brazil đã trao quyền bơm dầu từ khu vực ngoài khơi Shell (nơi có ba khối, trong số sáu khối đang được bán đấu giá), BP (có 2 khối) và ExxonMobil (một khối). Chính phủ dự kiến các khối dầu sẽ mang về 30,2 tỷ USD đầu tư từ các công ty và 39,3 tỷ USD tiền bản quyền và các khoản thu khác. Thu hút vốn FDI là mục tiêu cốt lõi của nền kinh tế chính trị quốc tế Brazil. Kể từ năm 2016, chính phủ Brazil đã cam kết cải thiện, củng cố và thực hiện các quy trình pháp lý và cung cấp cho các nhà đầu tư một môi trường kinh doanh thuận lợi.

FDI	2016	2017	2018
Dòng vốn đầu tư vào nước ngoài (triệu USD)	52.751	67.583	61.223
FDI tích lũy (triệu USD)	563.539	622.990	684.213
Số dự án đầu tư mới	200	197	332
FDI đi vào (% GFCF)	19,6	n/a	n/a
FDI tích lũy (% GDP)	34,8	n/a	n/a

Nguồn: UNCTAD

Vốn đầu tư nước ngoài theo quốc gia và ngành công nghiệp

Các quốc gia đầu tư chính	2018 (%)
Hà Lan	19,9

Hoa Kỳ	16,0
Đức	8,2
Tây Ban Nha	7,3
The Bahamas	5,6
Luxembourg	5,2
Vương quốc Anh (bao gồm British Virgin Islands)	5,0
Canada	2,8
Pháp	2,8
Chile	2,2

Các lĩnh vực được đầu tư chính	2018 (%)
Khai thác dầu khí	11,3
Xe cơ giới, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và các bộ phận liên quan	9,7
Dịch vụ tài chính và phụ trợ	7,5
Thương mại, trừ xe cộ	6,7

Điện và gas	5,3
Sản phẩm hóa chất	5,1
Bột giấy, giấy và các sản phẩm từ giấy	4,3
Dịch vụ Công nghệ thông tin	4,1
Hoạt động lưu trữ và vận chuyển phụ trợ	3,5
Thực phẩm	3,5
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ	3,2
Khai thác khoáng sản kim loại	2,6

Nguồn: [Brazil's Central Bank](#)

Những gì cần xem xét nếu bạn đầu tư vào Brazil

1. Điểm mạnh

Lợi thế cho FDI ở Brazil:

- Tài nguyên thiên nhiên phong phú
- Tầng lớp trung lưu và thị trường nội địa rộng lớn (dân số lớn thứ 5 trên thế giới)
- Vị trí địa lý chiến lược
- Nền kinh tế đa dạng, được đảm bảo tốt trong các sàn giao dịch quốc tế (dòng vốn FDI và dự trữ ngoại hối rất quan trọng, nợ nước ngoài thấp)

- Các ngành xuất khẩu, đặc biệt là trong ngành công nghiệp có nhiều cơ hội đầu tư tỉ giá hối đoái thực tế không ổn định
- Sau các vụ bê bối tham nhũng gần đây, cuộc chiến chống tham nhũng đang ngày càng gia tăng, điều này có thể mang lại lợi ích đầu tư trong dài hạn.

2. Điểm yếu

Mặc dù mở cửa cho thương mại thế giới nhưng một số rào cản về hành chính gây tổn thất đến các giao dịch quốc tế:

- Luật lao động rắc rối, dẫn đến chi phí cao cho các công ty nước ngoài và một phần luật ưu ái cho doanh nghiệp địa phương trong lĩnh vực phi chính thức
- Hệ thống tài chính rườm rà và thuế quan cao
- Chi phí sản xuất và lạm phát cao
- Cơ sở hạ tầng chưa phát triển
- Đầu tư nước ngoài bị hạn chế trong một số lĩnh vực
- Một số nhà đầu tư nước ngoài đã gặp phải trở ngại liên quan đến các cơ quan quản lý (mức độ rủi ro pháp lý cao)
- Brazil thay đổi nhiều về giá cả hàng hóa trên thị trường quốc tế
- Căng thẳng chính trị, xã hội và tham nhũng
- Thiếu lực lượng lao động có trình độ cao
- Hệ thống giáo dục công lập yếu

Các biện pháp của chính phủ nhằm thúc đẩy hoặc hạn chế FDI

Chính phủ Brazil khuyến khích và thúc đẩy đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. Ngân hàng Đầu tư Quốc gia (BNDES), một trong những ngân hàng phát triển lớn nhất thế giới, khuyến khích đầu tư nước ngoài. Hầu hết các rào cản đối với các nhà đầu tư nước ngoài đã được gỡ bỏ, đặc biệt là trên thị trường chứng khoán. Một số lượng lớn các công ty đại chúng đã được tư nhân hóa và nhiều lĩnh vực đã được bãi bỏ quy định trong 15 năm qua.

Chính phủ Brazil đang cố gắng điều tiết mối quan hệ giữa các tập đoàn lớn và quyền lực chính trị. Chính phủ Brazil cũng đang theo đuổi chiến lược cải cách kinh tế vĩ mô, nhằm hợp lý hóa hệ thống thuế của Brazil. Những nỗ lực này của chính quyền Temer cho phép cải thiện dòng vốn FDI trong năm 2016 và 2017.

Bảo vệ đầu tư nước ngoài

Brazil đã ký các hiệp định song phương để bảo vệ việc đầu tư nước ngoài với 14 quốc gia, nhưng 07 trong số các hiệp định song phương chưa được Quốc hội phê chuẩn.

Chương 7: Trade & Project Financing

Các phương thức thanh toán

Nhập khẩu ở Brazil chủ yếu được thanh toán bằng thư tín dụng truyền thống (L/C) hoặc nhờ thu hộ thông qua các ngân hàng được thành lập với các thỏa thuận ngân hàng đại lý ở nước ngoài. Ở mức độ thấp hơn, các nhà xuất khẩu có thể chọn thanh toán qua việc mở tài khoản hoặc thanh toán tiền mặt trước khi thiết lập được mối quan hệ đáng tin cậy với người mua ở Brazil. Một lưu ý khác là với lãi suất và chênh lệch trung gian cao, người mua Brazil có khả năng đẩy mạnh việc mở tài khoản hoặc thanh toán trước bằng tiền mặt.

Kiểm soát ngoại hối

Đồng Real của Brazil có thể đổi tại các ngân hàng hoặc được chấp thuận tại các sàn giao dịch nước ngoài. Tỷ giá hối đoái giữa USD và Real (R) thay đổi hàng ngày.

Ngân hàng Trung ương Brazil (BCB) là cơ quan liên bang được ủy thác thực hiện các chính sách của Hội đồng tiền tệ quốc gia (Conselho Monetario Nacional) để cải thiện và ổn định hệ thống tài chính quốc gia. Chức năng của BCB bao gồm việc kiểm soát dòng vốn nước ngoài.

Mặc dù không có giới hạn đối với số lượng tiền khách nước ngoài có thể mang vào Brazil, nhưng trong các trường hợp số tiền trên 10.000 R thì phải khai báo.

Ở Brazil, chỉ có thể để tiền Real trong tài khoản. Một nhà nhập khẩu Brazil muốn chuyển tiền cho người bán thì phải mua các khoản tiền nước ngoài tương ứng bằng hợp đồng hối đoái tại bất kỳ ngân hàng nào được BCB ủy quyền. Tỷ giá hối đoái và các khoản phí liên quan được đàm phán trực tiếp giữa người mua ngoại tệ (nhà nhập khẩu) và ngân hàng.

Ngân hàng đại lý địa phương

Theo BCB, trong số 15 ngân hàng hàng đầu ở Brazil được xếp hạng vào tháng 12/2017 (số liệu mới nhất có sẵn) bằng vốn ròng thì có 02 ngân hàng thuộc sở hữu nhà nước (Banco do Brasil và Caixa Economica Federal); 05 ngân hàng của người Brazil (Itaú-Unibanco, Bradesco, Safra, BTG Pactual và Votorantim); và 03 ngân hàng của nước ngoài (Banco Santander từ Tây Ban Nha, Citibank và J.P. Morgan từ Hoa Kỳ).

Citibank đã bán các hoạt động bán lẻ tại Brazil cho Banco Itaú và được Ngân hàng Trung ương phê duyệt vào tháng 8/2017, có hiệu lực kể từ tháng 5/2018.

Ngoài ra, vào ngày 07/5/2019, ngân hàng tư nhân lớn thứ hai của Brazil, BRADedom, đã thông báo việc mua lại ngân hàng quốc tế đầu tiên - Ngân hàng BAC Florida có trụ sở tại Florida, với mức giá khoảng 500 triệu USD.

Chương 8: Đi lại

Văn hóa kinh doanh tại Brazil

Khách Việt Nam đến Brazil nên làm quen với điều kiện làm việc đặc biệt ở Brazil. Tốc độ thương lượng công việc khá chậm và phụ thuộc nhiều vào các quan hệ cá nhân. Các cuộc thương lượng công việc quan trọng không được giải quyết qua điện thoại hoặc thư từ. Nhiều nhà kinh doanh Brazil không có phản ứng tốt trước các cuộc viếng thăm nhanh chóng và không thường xuyên của các đại diện bán hàng nước ngoài. Họ thích các mối quan hệ công việc lâu dài. Người mua hàng Brazil cũng quan tâm nhiều đến các dịch vụ sau bán hàng của nhà xuất khẩu. Tốc độ chậm rãi của các cuộc thương lượng không có nghĩa là người Brazil ít hiểu biết về công nghệ hoặc các thực tiễn kinh doanh hiện đại. Trên thực tế, họ có thể rất hiểu biết về kỹ thuật khi gọi điện thay mặt một công ty Sao Paulo hoặc một công ty Chicago. Thêm vào đó, các doanh nhân nước ngoài nên học hỏi nhiều về nền kinh tế và môi trường thương mại Brazil trước khi tham gia kinh doanh. Uống cà phê trong các cuộc họp bàn công việc là một phong tục ở Brazil.

- **Ngôn ngữ**

Ngôn ngữ của Brazil là tiếng Bồ Đào Nha. Mặc dù nhiều người Brazil có thể nói được tiếng Anh, nhưng họ vẫn muốn bàn công việc bằng tiếng Bồ Đào Nha. Người Brazil rất trân trọng những người nước ngoài nói được tiếng của đất nước mình.

Những nhà kinh doanh nước ngoài không nói được tiếng Bồ Đào Nha nên thuê một phiên dịch. Tài liệu và các ấn phẩm giới thiệu sản phẩm nên in bằng tiếng Bồ Đào Nha và tiếng Anh được ưa thích hơn tiếng Tây Ban Nha. Các chỉ dẫn và các số liệu kỹ thuật khác nên dùng hệ thống mét.

- **Giờ làm việc**

Người Brazil rất coi trọng việc đúng giờ.

Các văn phòng thường làm việc từ 9h sáng đến 6h chiều, từ thứ 2 đến thứ 6.

Các siêu thị, cửa hàng bách hoá và các trung tâm mua bán thường mở cửa từ 10h sáng đến 10h tối, từ thứ 2 đến thứ 7 và từ 10h sáng đến 6h tối chủ nhật.

Các ngân hàng làm việc từ 10h sáng đến 4h chiều, từ thứ 2 đến thứ 6.

Các doanh nhân đến Sao Paulo nên lên kế hoạch rõ sẽ đi đâu để biết chính xác sẽ cần bao nhiêu thời gian. Nếu có thể, hãy tránh các giờ cao điểm (8h sáng đến 10h sáng và 5h30 đến 7h30 chiều). Trong mùa mưa (từ tháng 1 đến tháng 3) giao thông luôn luôn bị tắc nghẽn .

Người chủ chốt thường làm việc muộn hơn vào buổi sáng và ở lại muộn hơn vào buổi tối. Thời gian tốt nhất để gặp gỡ cho những nhà kinh doanh Brazil là từ 10h sáng đến trưa và từ 3h đến 5h chiều, mặc dù ở Sao Paulo các cuộc họp thường diễn ra cả ngày. Bữa ăn trưa thường diễn ra trong 02 tiếng đồng hồ.

- **Trang phục**

Đối với trang phục trong kinh doanh thì người Brazil ít khi có phán xét tiêu cực khi bạn quá ăn diện và trang trọng, nhưng nếu trang phục của bạn quá bình thường thì có thể bị xem là thiếu tôn trọng. Bạn chỉ nên dùng quần jean cho những ngày cuối tuần và đôi giày thể thao trong phòng tập thể dục, và không nên sử dụng chúng trong văn phòng.

Các bộ comple ba mảnh đặc trưng cho những nhân viên cấp cao, ngược lại những bộ comple hai mảnh dành cho những nhân viên văn phòng bình thường. Màu sắc trên cờ của Brazil là màu vàng và màu xanh. Tránh mặc những trang phục kết hợp giữa hai màu này.

- **Xung hô**

Ở Brazil người ta thường gọi nhau bằng tên, và rất hiếm khi gọi nhau bằng họ. Khác với các nơi khác là thường có tiêu đề được đặt trước tên. Ví dụ: Dr. João hoặc Seu João dùng cho đàn ông, và Dra. Glória hoặc Dona Glória dùng cho phụ nữ. Và đây là một bí mật: tiêu đề "Dr" được sử dụng ở đây không phải để chỉ học hàm tiến sĩ (PhD) mà ở Brazil "Dr" được sử dụng để thể hiện sự tôn trọng đối với vị trí cấp bậc, đẳng cấp trong xã hội. Làm việc ở đây bạn nên học tiếng Bồ Đào Nha – đây là một loại ngôn ngữ rất thông dụng, với các đại từ như là "o Senhor" để chỉ đàn ông và "a Senhora" để chỉ đàn bà.

- **Thăm hỏi**

Với khía cạnh này, khi gọi điện thoại cho đối tác, trước tiên bạn cần nhớ là phải hỏi thăm sức khỏe, gia đình sau đó mới đề cập đến công việc. Hành động này cho thấy rằng bạn quan tâm đến đối tác với tình cảm giữa con người với con người, chứ không phải là xem họ như một phương tiện để làm ăn.

- **Kết hợp công việc kinh doanh và công việc cá nhân**

Người Brazil đánh giá cao mối quan hệ cá nhân và tốt hơn hết là nên tạo dựng các mối quan hệ này trước khi tiến hành đàm phán kinh doanh. Hãy chắc chắn rằng bạn đã tạo dựng được các mối liên kết cá nhân trước khi đi thẳng vào các cuộc đàm phán. Một trong những cách tuyệt vời để tạo kết nối là bạn cần tìm hiểu về các món ăn truyền thống của địa phương, nơi có đối tác kinh doanh của bạn, và tổ chức một bữa ăn ngon cùng với đối tác trước khi tiến hành các cuộc đàm phán. Các bữa ăn dạng này thường kéo dài nhưng sẽ đem lại cơ hội tuyệt vời cho cả hai bên.

Với đối tác người Brazil, việc mời nhau đi ăn là bình thường, và thường có sự tham dự của chồng hoặc vợ đối tác. Chủ và khách thường ngồi đối diện nhau, có lời chúc rượu ban đầu. Người Brazil thích những lời chúc rượu ngắn, mạch lạc và dí dỏm. Rượu mạnh chỉ nên dùng chút ít.

- **Bày tỏ cảm xúc**

Hãy bày tỏ cảm xúc, chẳng hạn như sự hài lòng hay thất vọng hoặc có thể chỉ là những cái ôm.

Người Brazil rất thích người nước ngoài khen ngợi đất nước của họ, vẻ đẹp của phụ nữ Brazil cũng như truyền thống văn hóa của đất nước Brazil.

Người Brazil hiếm khi nói không. Bạn rất ít khi nghe được từ "não - không" thốt lên từ người Brazil. Người Brazil có xu hướng ngoại giao hơn là đối đầu. Khi nghe họ nói "có thể" ("talvez"), hoặc "có khả năng" ("potencialmente") thì có nghĩa là "không".

Người Brazil rất nhiệt tình, thân thiện và ngoại giao. Họ thông minh, nhanh nhẹn và lịch thiệp. Họ luôn đàm phán hết mình và tận dụng nó một cách tối đa. Bạn nên nghiên cứu con người, lịch sử của họ, và tìm hiểu văn hóa của đất nước này trước khi bước vào cuộc đàm phán.

Đó là lý do tại sao các bài học tiếng Bồ Đào Nha đường phố của Brazil (Street Smart Brazil's Portuguese lessons) luôn luôn có thêm các chỉ dẫn về văn hóa để giúp người kinh doanh nắm được không chỉ ngôn ngữ, mà còn hiểu biết văn hóa.

- **Giao tiếp**

Người Brazil rất thích giao tiếp. Chú ý lắng nghe trong giao tiếp là yếu tố rất được người Brazil chú ý và họ cũng thể hiện rất rõ điều này. Khi nói chuyện họ thường nhìn thẳng vào mắt đối phương.

Người Brazil thường đứng gần nhau để nói chuyện, tuy nhiên nếu họ biết phong tục ở đất nước bạn kiêng kỵ hay không thích như vậy, họ sẽ giữ khoảng cách khi nói chuyện với bạn. Mặc dù thế thì bạn cũng nên làm theo phong tục của họ để thể hiện mối quan hệ thân thiện.

Khi gặp nhau làm quen, ngoài cái bắt tay chặt còn có thể có cả chạm vai, vỗ vai hay ôm nhau.

Việc chạm tay, khuỷu tay và lưng được coi là bình thường. Dùng tay thể hiện sự đồng ý bị coi là một cử chỉ bất lịch sự ở Brazil. Để biểu lộ sự cảm kích, người Brazil có thể lấy ngón tay trỏ và ngón tay cái vôn vê dái tai. Để được gặp may mắn, ấn mạnh ngón tay cái vào ngón trỏ khi nắm tay. Điều này cũng được hiểu là sự quyết tâm. Nhịp các ngón tay trỏ dưới cằm, gãi cằm thể hiện bạn không rõ câu trả lời. Việc dùng ngón tay trỏ và ngón tay cái tạo thành một vòng tròn (với ý “OL”) được coi là một điều thô tục.

Người Brazil thường chào hỏi nhau với những cái bắt tay khá lâu để thể hiện quan hệ thân thiện và có một đặc điểm là nói khá nhanh,

Người Brazil rất thích trao đổi danh thiếp. Trước khi vào cần phải gõ cửa. Đây là phép lịch sự tối thiểu trong văn hoá kinh doanh của Brazil.

Những chủ đề hay được quan tâm: bóng đá, gia đình và trẻ em

Những chủ đề nên tránh: Argentina, chính trị, nghèo đói, tôn giáo và Rừng mưa nhiệt đới.

Không nên nói những câu như "Có phải người Brazil hoặc rất giàu hoặc rất nghèo không?"

- **Gặp gỡ, đàm phán**

Người Brazil rất coi trọng những mối quan hệ làm ăn lâu dài và đúng đắn. Vì vậy khi giao dịch với đối tác Brazil, tốt hơn hết là bạn cần phải có một người trung gian không chỉ giúp cho việc tạo lập mối quan hệ, mà còn giúp bạn giải quyết các tình huống xảy ra, từ đó tạo được lòng tin đối với đối tác của mình. Bạn cũng cần hết sức chú ý xây dựng những mối quan hệ cá nhân trước khi tiến hành công việc.

Phải hẹn trước khi gặp ít nhất hai tuần. Đừng bao giờ liên lạc công việc qua điện thoại

trong công việc kinh doanh hoặc tới các văn phòng chính phủ.

Chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực dài hạn (cả thời gian và tiền bạc) để thiết lập các mối quan hệ tốt ở Brazil. Đây là chìa khoá thành công trong kinh doanh.

Một số vùng không có ý thức nhiều về thời gian và công việc. Tuy nhiên San Paulo không thuộc các vùng này, và ở Rio sự thiếu trách nhiệm thường có đối với các cá nhân và trong các sự kiện xã hội, không xảy ra trong kinh doanh. ở hai thành phố này, các cuộc họp bàn công việc thường diễn ra đúng giờ.

Không được trực tiếp đi thẳng vào vấn đề trước người chủ toạ. Các cuộc họp bàn công việc thường bắt đầu bằng việc thảo luận ngoài lề.

Khi thương lượng với các doanh nhân Brazil, bạn nên biết rằng họ thường tính toán bằng USD.

- **Tặng quà**

Trong lần gặp đầu tiên không nên tặng quà cho đối tác, thay vào đó hãy mời đối tác đi ăn trưa hoặc ăn tối.. Nên tặng quà cho đối tác từ lần gặp thứ 2 trở đi.

Những loại hoa màu tía được sử dụng rộng rãi ở các đám tang. Vì vậy hãy thận trọng khi tặng ai hoa màu tía. Có thể tặng hoa màu tím.

Cảnh báo cần lưu ý khi đến Brazil

1. An toàn là trên hết

Một trong số những câu hỏi mà hành khách đặt ra khi đi đến Brazil là độ an toàn và bảo đảm. Trên thực tế, Brazil, bao gồm những thành phố chính như Rio, Salvador, Sao-Paulo, không còn nguy hiểm như một số nơi ở châu Âu, Bắc Mỹ, tình trạng hành hung khách du lịch nước ngoài hiếm khi xảy ra. Brazil có nền chính trị ổn định, không có nhiều thiên tai

hay các vụ khủng bố. Khôn khéo và nhạy cảm là chìa khoá để không bị vướng vào các rắc rối và tận hưởng thời gian ở Brazil. Tuy nhiên cũng như Luân Đôn, Pari, New York hay bất cứ thành phố quốc tế và trung tâm du lịch nào khác, những vụ trộm nhỏ lẻ, lật vặt là những thực tế không hay ở Brazil. Du khách rất dễ trở thành nạn nhân của các vụ cướp, là mục tiêu của các vụ móc túi. Nếu bạn không để ý đến đồ đạc của mình thì bạn sẽ trở thành mục tiêu của các vụ móc túi. Giải pháp đơn giản để du khách không bị móc túi là không mang theo đồ quý giá để bị ăn trộm. Cát vé du lịch, hộ chiếu, vé máy bay và những thứ tương tự trong hộp an toàn ở khách sạn. Tuy nhiên du khách cũng nên luôn mang theo bên mình chứng minh thư nhân dân, ảnh hộ chiếu.

2. Những điều nên và không nên làm

- **Không nên:**

Đề túi xách mà không có người trông coi

Đề ví trong balô phía sau hoặc túi ngang bên cạnh

Đi lại ở khu vực ít người khi trời tối

Không đeo trang sức khi đi ngoài đường kể cả là đồ trang sức giả

Mang quá nhiều đồ không cần dùng ra bãi biển

Mang theo ma tuý hoặc có liên quan tới người mang ma tuý

Nghĩ bạn là người bơi giỏi hơn người Brazil

Nghĩ điều đó không thể xảy ra với mình

- **Hãy làm:**

Đề tiền, hộ chiếu và vé vào trong hộp an toàn tại khách sạn

Chủ yếu đi lại bằng xe taxi nhiều hơn là đi xe buýt

Hỏi cảnh sát giúp đỡ nếu bạn cần

Hỏi thông tin ở khách sạn. Người Brazil biết hầu hết các câu trả lời

Gọi lãnh sự quán giúp đỡ nếu bạn gặp phải vấn đề nghiêm trọng

Tránh xa đám đông và các khu vực nhạy cảm

Các quy định về thị thực

Bộ phận Lãnh sự của Đại Sứ quán Brazil tại Hà Nội nhận các yêu cầu về [thị thực](#) và hợp pháp hoá các tài liệu cho người Việt Nam và người nước ngoài cư trú tại Việt Nam. Nói chung, Bộ phận Lãnh sự giải quyết các trường hợp xin thị thực và hợp pháp hoá Lãnh sự trong 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ các giấy tờ liên quan (vào buổi sáng).

Theo từng trường hợp cụ thể, Bộ phận Lãnh sự sẽ yêu cầu thanh toán các khoản phí Lãnh sự, được quy định theo Bảng Phí Lãnh sự, do Chính phủ Brazil thành lập. Có thể tham khảo mức phí tại Bộ phận Lãnh sự (yêu cầu nhân viên của Bộ phận Lãnh sự).

Các khoản phí Lãnh sự chỉ được chấp nhận trả tại Ngân hàng ANZ, bằng cách trình diện một yêu cầu thanh toán chính thức của Bộ phận Lãnh sự (sẽ cấp cho những người có liên quan khi được đồng ý cấp thị thực hoặc sau khi nhận được các giấy tờ hợp pháp hoá). Bộ phận Lãnh sự không được phép nhận bất cứ các khoản phí Lãnh sự nào khác.

Người mang hộ chiếu Việt Nam cần phải có visa để vào Bra-xin. Hộ chiếu phải có thời hạn trong vòng ít nhất 6 tháng, vé khứ hồi, hoặc chứng minh tài chính nếu bộ phận Lãnh sự yêu cầu khi giải quyết các vấn đề về visa. Visa du lịch thường chỉ cho phép ở đến 90 ngày và có thể được ra hạn theo yêu cầu của Cảnh sát Liên Bang. Du khách không được phép làm việc. Đối với visa thương mại hoặc bất cứ loại visa nào khác, để biết thêm

thông tin, hãy liên hệ:

Đại Sứ quán Brazil tại Hà Nội

Liên hệ: nhân viên Dương Việt Cường (José) và Luu Ly (Célia)

Địa chỉ: D6/7, số 14 Thụy Khuê, Hà Nội, Việt Nam

Tel: 024 3843 2544

Email: consular.hanoi@itamaraty.gov.br

1. Thời gian tiếp nhận

Thời gian tiếp khách tại phòng Lãnh sự chỉ từ 09:00 đến 12:00.

Lưu ý: Công dân Brazil có thể đặt lịch hẹn qua điện thoại.

2. Các quy định chung về việc cấp thị thực

Việc cấp thị thực thuộc thẩm quyền quyết định của Nhà nước tối cao, có thể cấp, từ chối, gia hạn hay thay đổi, luôn luôn vì lợi ích quốc gia.

Khi nhập cảnh vào Brazil, người nước ngoài phải có giấy thông hành mà Chính phủ Brazil đã được biết, giấy Chứng nhận Tiêm chủng Quốc tế, khi được yêu cầu, và thị thực nhập cảnh được cấp bởi các Cơ quan Đại diện Ngoại giao và Cơ quan Lãnh sự.

Các yêu cầu xin cấp thị thực nhập cảnh vào Brazil bắt buộc phải xin và cấp ở ngoài lãnh thổ Brazil.

Để nhận được thị thực nhập cảnh, giấy thông hành phải có giá trị ít nhất 06 tháng

Việc nhập cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Brazil xét thấy ảnh hưởng tới lợi ích quốc gia, do Bộ Tư pháp quyết định, sẽ được Cục Cảnh sát Thủy quân, Không quân và

Biên giới thực thi.

Việc sở hữu hay có tài sản tại Brazil không quyết định quyền được cấp thị thực ở bất cứ hoàn cảnh nào hay được phép cư trú trên lãnh thổ.

Thị thực nhập cảnh cấp riêng cho từng cá nhân. Nếu như có hơn một người trong cùng một giấy thông hành thì số lượng thị thực sẽ được cấp bằng số người ghi trong giấy thông hành.

Không cấp thị thực cho các trường hợp sau:

- Trẻ em dưới mười tám tuổi, không đi cùng người chịu trách nhiệm hợp pháp hoặc không có giấy phép thông hành của người chịu trách nhiệm;
- Người bị coi là gây hại đối với quy định công cộng và lợi ích quốc gia;
- Người trước đây bị trục xuất ra khỏi nước, trừ trường hợp lệnh trục xuất đó được thu hồi;
- Người bị xét xử ở nước khác vì tội danh lừa đảo, có thể được dẫn độ theo luật Brazil.
- Người không đủ điều kiện sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế

3. Các loại thị thực

Thị thực nhập cảnh được chia theo các loại như sau:

- Thị thực ngoại giao – VIDIP
- Thị thực công vụ - VISOF
- Thị thực ưu đãi - VICOR
- Thị thực du lịch – VITUR

- Thị thực quá cảnh – VITRA
- Thị thực ngắn hạn – VITEM
- Thị thực dài hạn – VIPER

➤ **Thị thực ngoại giao và công vụ**

Theo hiệu lực của các Hiệp định giữa Brazil và Việt Nam, không cần thị thực cho những người mang hộ chiếu ngoại giao và công vụ.

➤ **Thị thực du lịch (VITUR)**

Thị thực du lịch sẽ được cấp cho người nước ngoài nhập cảnh vào Brazil trong trường hợp nghỉ ngơi hoặc du lịch, chính vì vậy phải xem xét các trường hợp này là không có ý định di cư bất hợp pháp cũng như không tham gia vào các hoạt động được trả tiền.

Thị thực VITUR cũng có thể cấp cho những trường hợp tham dự các cuộc thi nghệ thuật hoặc các trận thi đấu thể thao phi lợi nhuận hay phía Brazil không phải trả tiền, kể cả khi giải thưởng là bằng tiền, thị thực này cũng áp dụng cho đối tượng là những người tham gia các cuộc họp, hội nghị, hội thảo không được trả tiền.

Toàn bộ thời gian lưu trú của người được cấp thị thực du lịch không được vượt quá 180 ngày mỗi năm, kể từ ngày đầu tiên nhập cảnh.

➤ **Thị thực quá cảnh (VITRA)**

Thị thực VITRA được cấp cho người nước ngoài để đến được nước cần đến, phải quá cảnh trên lãnh thổ của Brazil. Loại thị thực này không cần phải xin trong trường hợp người đi du lịch, trong hành trình nối tiếp, phải đổi chặng hoặc nối chuyến trên lãnh thổ của Brazil, mà không ra khỏi khu vực quá cảnh của cảng hoặc sân bay trong thời gian đổi chặng hoặc nối chuyến, không phụ thuộc vào thời gian ở tại khu quá cảnh.

Thị thực VITRA chỉ có giá trị nhập cảnh một lần, với thời gian lưu trú tối đa là 10 ngày, không được gia hạn.

Để cấp thị thực VITRA, người xin phải trình tất cả các giấy tờ quy định ở phần VITUR và trình hộ chiếu hay giấy tờ tương tự và vé máy bay của nước sẽ đến. Trong giấy thông hành phải có thị thực của nước sẽ đến do Cơ quan Lãnh sự cấp.

➤ **Thị thực cư trú ngắn hạn**

Chỉ cấp thị thực VITEM I, IV, V và VII cho các trường hợp đã cư trú tại Việt Nam ít nhất là một năm, kể từ ngày xin thị thực.

Việc cấp VITEM III, VITEM V và VI bắt buộc phải có sự cho phép của các nhà chức trách có thẩm quyền của Bra-xi Brazil n. Trong các trường hợp cấp VITEM III và V, trừ trường hợp người xin là tình nguyện viên hoặc cơ quan tôn giáo, quá trình cấp phép do Tổng Cục Nhập cư, Bộ Lao động và Việc làm quyết định.

Các giấy tờ nước ngoài dùng để xin thị thực ngắn hạn VITEM, trừ loại VITEM II (thương mại), trước đó phải được Cơ quan Lãnh sự hợp pháp hoá và thanh toán các lệ phí tương ứng. Các giấy tờ của Brazil chấp nhận bản phô tô có công chứng và phải trình diện bản gốc khi nộp giấy tờ.

• **VITEM I**

Có thể cấp thị thực VITEM I cho những người đến Braxin làm công tác văn hoá hoặc nghiên cứu.

Đối với các trường hợp tham gia giao lưu văn hoá, ngoài các giấy tờ cần thiết, phải trình thêm bản giao lưu, số đăng ký với bộ phận quản lý hành chính công cộng có liên quan, địa chỉ đầy đủ của nơi sẽ ở, cũng như thông tin về người chịu trách nhiệm.

Cấp thị thực VITEM I cho những người thực hiện các nghiên cứu khoa học (thu thập các

thông số về vật liệu, sinh học, khoáng chất, các di vật văn hoá tự nhiên và phổ thông, của hiện tại hay quá khứ, do nghiên cứu có được) và hoạt động tại các khu vực tự nhiên phụ thuộc vào sự cho phép của Hội đồng Quốc gia về Phát triển Khoa học và Công nghệ - CNPq hoặc của Quỹ Tài trợ Quốc gia của Ấn độ; đối với các trường hợp này, người xin thị thực phải đích thân đến xin tại Cơ quan Lãnh sự.

Cấp thị thực VITEM I cho những người trong đoàn hỗ trợ cộng đồng Brazil, loại “Flying Hospital” hoặc “Operation smile”, phụ thuộc vào giấy phép trước đó của Hội đồng Liên bang hoặc Khu vực nơi sẽ đến (nha sĩ, bác sĩ, v.v).

Thị thực VITEM có giá trị hai năm. Đối với các trường hợp thực tập và sinh viên trong khuôn khổ chương trình trao đổi giáo dục, thời hạn dài nhất cho thị thực là một năm, không được gia hạn.

Thị thực VITEM I cho các vận động viên nước ngoài thực tập trong các lĩnh vực thể thao, dưới 21 tuổi, được cấp với giá trị lâu nhất là một năm, không được gia hạn, và chỉ được cấp một lần duy nhất cho một vận động viên.

Thị thực VITEM I cấp cho những người tham gia các khoá đào tạo về hoạt động và bảo dưỡng máy móc và thiết bị được sản xuất tại Brazil, có thời hạn lâu nhất là 60 ngày, và được gia hạn một lần duy nhất tại Braxin.

Xin ra hạn thị thực VITEM I tại Cục Cảnh sát Thủy quân, Không quân và Biên giới - DPMAF, xin 30 ngày trước khi thị thực hết hạn.

• VITEM II

Thị thực VITEM II cấp cho những người đến Brazil, không được trả phí tổn trên lãnh thổ quốc gia, như: các thương gia, nhà báo, nhà quay phim hoặc nhà kỹ thuật về thông tin người nước ngoài để thực hiện quay phim phóng sự, tài liệu; các đoàn thủy thủ hoặc đoàn bay khi không có thể bay quốc tế; và người nước ngoài đến Brazil nhận con nuôi.

Thị thực VITEM II có giá trị cư trú 90 ngày, nhiều lần vào, được phép ra hạn bằng với thời gian đã lưu tại Brazil, do DPMAF cấp. Tổng số ngày mà người nước ngoài có thị thực loại này được ở tại Brazil không được vượt qua 180 ngày trong 1 năm, tính từ ngày đầu tiên vào Brazil.

- **VITEM III**

Thị thực VITEM III được Cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp tại Brazil.

Thị thực VITEM III có giá trị lâu nhất là 90 ngày, có thể gia hạn tại Brazil bởi DPMAF, với thời hạn bằng với thời hạn đã được cấp.

- **VITEM IV**

Thị thực VITEM IV được cấp cho những người nước ngoài đến Brazil với cương vị là sinh viên, gồm cả các sinh viên tôn giáo, tham dự các chương trình có tên là “sanduíche”, có hoặc không có học bổng (Nghị quyết 16/98/CNIg).

Thị thực VITEM IV có thể cấp cho các sinh viên tham dự các khoá học tốt nghiệp, ở bất cứ mức độ nào, sau đại học và kỹ sư, do Bộ Giáo dục thành lập; các trường hợp này phải trình các giấy tờ chứng minh được việc tham dự các khoá học đó (tham khảo Bộ phận Lãnh sự).

Thị thực VITEM IV có giá trị lâu nhất là một năm, người xin có thể yêu cầu gia hạn tại Brazil, DPMAF, xin 30 ngày trước khi thị thực hết hạn.

- **VITEM V**

VITEM V được cấp cho người nước ngoài tới Brazil với cương vị là nhà khoa học, giáo sư, kỹ sư hoặc chuyên trong các ngành nghề khác, theo quy định hợp đồng lao động.

VITEM V có thời hạn tối đa là một năm, không được gia hạn, trong trường hợp đào tạo

ng nghiệp vụ và trong các trường hợp kéo dài hai năm, phải xin ý kiến Cơ quan Lãnh sự.

- **VITEM VI**

Thị thực ngắn hạn loại VI (VITEM VI) được cấp cho người nước ngoài đến Brazil trong trường hợp là phóng viên báo chí, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình hoặc thông tấn xã nước ngoài.

VITEM VI có thời hạn ở tại Brazil tới 4 năm. Việc gia hạn loại thị thực này phải được tiến hành tại DPMAF, 30 ngày trước khi thị thực hết hạn.

- **VITEM VII**

Thị thực ngắn hạn loại VII (VITEM VII) được cấp cho người nước ngoài có dự định tới Brazil trong trường hợp người đó là mục sư hoặc là thành viên của một cơ quan tôn giáo và giáo đoàn hoặc nghi lễ tôn giáo.

VITEM VII được cấp với thời hạn tối đa được lưu lại tại Brazil là 01 năm. Việc gia hạn được xin tại DPMAF, ít nhất 30 ngày trước khi thị thực hết hạn.

➤ **Thị thực dài hạn**

Các yêu cầu xin Thị thực dài hạn (VIPER), tùy thuộc vào việc cấp phép của cơ quan chức năng tại Brazil và được phân loại thành:

- Đoàn tụ gia đình; và
- Chuyển nhượng lương hưu

Trong trường hợp có công hàm cho phép của các cơ quan chức năng từ trước, người xin cấp thị thực vẫn phải trình những giấy tờ cơ bản như được yêu cầu tại Thị thực ngắn hạn.

▫ **Hợp pháp hoá giấy tờ**

Những giấy tờ nước ngoài được sử dụng làm tài liệu cung cấp cho việc xin cấp VIPER đều phải được hợp thức hoá tại Cơ quan Lãnh sự, chi trả khoản phí lãnh sự tương ứng. Tất cả các bản sao những giấy tờ Brazil đã có xác nhận của chính quyền đều được chấp nhận không yêu cầu gì thêm, trong các trường hợp muốn xin thêm bản sao công chứng đều phải trình bản gốc.

▫ **Các khoản thu nhập hưu trí**

Trong trường hợp xin cấp VIPER cho việc chuyển nhượng hưu trí (Nghị quyết 45/00/CINg), người xin cấp thị thực phải chứng minh khả năng có thể gửi, hàng tháng, tới Brazil khoản tiền tương đương hoặc nhiều hơn 2.000 USD, tương đương khoản chi trả cho bản thân người đó và hai người nữa kèm theo. Đối với mỗi người có quan hệ phụ thuộc, bên cạnh khoản 2.000 USD đã kể trên, cần phải kèm thêm khoản 1.000 USD hàng tháng.

▫ **Nhà khoa học, nhà đầu tư, lãnh đạo các doanh nghiệp và các trường hợp khác**

Các trường hợp xin cấp VIPER cho giáo sư, nhà nghiên cứu và nhà khoa học (Nghị quyết 01/97/CINg); giám đốc hoặc quản lý các cơ quan tôn giáo hoặc phúc lợi xã hội (Nghị quyết 47/00/CINg); quản trị viên, quản lý, giám đốc trên lĩnh vực thương mại (Nghị quyết 10/97/CNIg); nhà đầu tư, quản trị hoặc giám đốc doanh nghiệp đặt tại Khu chế xuất (Nghị quyết 18/98/CINg) và đối với nhà đầu tư nước ngoài, nhà vật lý (Nghị quyết 28/98/CINg) và tất cả các trường trên phải được cơ quan bảo lãnh hoặc đích thân người đó đến trình với Tổng Cục Nhập cư của Bộ Lao động và Việc làm, tùy theo từng trường hợp.

▫ **Những người nước ngoài mất quyền lưu lại lâu dài do vắng mặt tại bra-xin trong hơn 02 năm liên tục**

Có thể cấp mới thị thực dài hạn cho người nước ngoài có mong muốn cư trú dài hạn tại

Brazil, và đã vắng mặt liên tục trong khoảng hơn hai năm, trong trường hợp chứng minh đủ các giấy tờ theo Nghị quyết 05/97/CINg.

▫ Các trường hợp ngoại lệ

Ủy ban Quốc gia về Nhập cư, trong quyền hạn pháp lý, xem xét đồng thời những trường hợp ngoại lệ, như các trường hợp đã nêu ở trên có một số phương pháp đặc cách đối với người nước ngoài đã được sinh ra và lớn lên một thời gian dài tại Brazil, hoặc sở hữu một năng lực chuyên môn, hoặc khả năng để đầu tư đối với đất nước. (Nghị quyết 27/98)

4. Đơn xin thị thực

Để xin thị thực nhập cảnh, người nước ngoài phải điền thông tin bằng tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Pháp hoặc tiếng Anh vào đơn xin thị thực.

Mỗi người phải điền một đơn xin thị thực, kể cả các trường hợp trẻ em dưới 18 tuổi đi cùng với giấy thông hành của bố hoặc mẹ.

Đơn xin Thị thực phải được làm thành hai bản đối với các trường hợp xin VIPER và VITEM I, IV và VII, và một bản đối với các trường hợp xin thị thực khác.

Phải điền đầy đủ chính xác các yêu cầu sau của Đơn xin Thị thực:

- Điền đầy đủ các thông tin bằng mực xanh, đen hay đánh máy;
- Ghi rõ thời gian cư trú cụ thể, ngày hoặc năm
- Bắt buộc phải có chữ kí của người xin thị thực.

5. Hồ sơ xin thị thực

Ngoài các giấy tờ quy định đối với mỗi loại thị thực, các đơn xin thị thực phải nộp cùng với giấy thông hành có giá trị ít nhất là sáu tháng và một ảnh cá nhân gần đây nhất cho

mỗi đơn xin thị thực. Ảnh phải chụp đăng trước, phong sáng màu, ảnh đen trắng hoặc ảnh màu, kích thước 3x4 hoặc 5x7cm.

Không chấp nhận các đơn xin thị thực mà giấy tờ chưa hoàn thiện hoặc người xin chưa điền đầy đủ các yêu cầu cho loại thị thực định xin theo như quy định.

Trong trường hợp giấy thông hành vẫn còn thị thực nhập cảnh vào Braxin có giá trị, cơ quan Lãnh sự phải huỷ thị thực đó đi trước khi cấp thị thực mới.

Quan chức Lãnh sự sẽ kiểm tra, bằng mọi biện pháp có thể, về tính xác thực và hợp pháp của tất cả các giấy tờ mà người xin thị thực cung cấp.

Các giấy tờ xin cấp thị thực phải thể hiện bằng tiếng Bồ Đào Nha, cũng chấp nhận bằng tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha.

Khi có nghi ngờ về mục đích nhập cảnh hay xác định danh tính, người xin thị thực có thể được Quan chức Lãnh sự phỏng vấn và có thể được yêu cầu cung cấp thêm giấy tờ chứng minh cho mục đích nhập cảnh. Nếu như có bất cứ nghi ngờ nào trong buổi phỏng vấn, đơn xin thị thực sẽ bị huỷ bỏ.

6. Thời hạn sử dụng thị thực

Tất cả các loại thị thực lãnh sự phải sử dụng trong vòng 90 ngày, kể từ ngày cấp thị thực.

Thị thực chưa sử dụng trong vòng 90 ngày, tính từ ngày cấp, có thể được ra hạn sử dụng, chỉ một lần, cùng giá trị sử dụng, và trả lệ phí tương đương với lệ phí cấp thị thực.

7. Các lưu ý chung

Tài sản cố định và chứng khoán tại Brazil, hoặc việc khai báo các đề nghị việc làm, không phải là những yếu tố đầy đủ để chứng thực trong việc xin cấp thị thực dài hạn.

Bộ phận lãnh sự chỉ xử lý các trường hợp xin cấp VIPER của chính cá nhân đã cư trú tại

Việt nam hơn một năm. Việc xử lý trường hợp xin cấp VIPER cho người thứ ba chỉ được chấp nhận khi có Giấy uỷ quyền của người đó, và phải hỏi xin ý kiến trước của cơ quan có thẩm quyền tại Brazil.

VIPER được cấp tại Đại sứ quán tại Hà Nội. Trong trường hợp các lí do bất buộc, phải được chứng minh việc chuyển sang Đại sứ quán khác hoặc Cơ quan lãnh sự và phải xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền tại Brazil, thông qua đường điện tín, phải chi trả khoản tem lãnh sự tương ứng tại điều 810 trên Bảng phí Lãnh sự.

Yêu cầu đổi nơi cấp thị thực dài hạn phải thông qua Bộ Lao động và Việc làm và sẽ được Tổng Cục Nhập cư của Bộ này chỉ định trực tiếp.

Tiền tệ

Kể từ năm 1994, đơn vị tiền tệ của Brazil là đồng Real, với 06 loại tiền giấy (2R, 5R, 10R, 20R, 50R và 100R, và 06 đồng xu bao gồm một đồng 1R). Mặc dù hầu hết các cửa hàng chỉ chấp nhận tiền Real nhưng một số điểm du lịch, khách sạn và một số cửa hàng có thể chấp nhận các loại tiền khác, chủ yếu là USD hoặc Euro. Trong mọi trường hợp, hầu hết đồng ngoại tệ có thể được đổi hoặc thu vô tại các ngân hàng hoặc cửa hàng ngoại hối được chấp thuận.

Hầu hết các thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ địa phương như Mastercard, Visa, Cirrus và Maestro đều được chấp nhận rộng rãi ở hầu hết các thành phố lớn và các điểm du lịch nhỏ. Thẻ American Express có thể không được chấp nhận rộng rãi như các loại thẻ trên. Tuy nhiên, khách quốc tế vẫn có thể gặp sự cố khi mua hàng, vì vậy tốt nhất nên thông báo cho ngân hàng của bạn biết về chuyến đi sắp tới đến Brazil và mang theo tiền địa phương để dùng trong trường hợp khẩn cấp.

ATM rất phổ biến ở Brazil, ngay cả ở các thành phố nhỏ. Tuy nhiên, có thể khó tìm được máy ATM theo đúng loại thẻ sử dụng. Mạng lưới Cirrus và PLUS có xu hướng dễ tìm

hơn. Hầu hết các cơ quan ngân hàng ở Brazil đều có ATM, một số đặt bên trong và một số đặt bên ngoài ngân hàng. Bạn nên sử dụng các máy ATM bên trong ngân hàng và tránh sử dụng vào buổi tối. Bạn cũng nên theo dõi sao kê ngân hàng và thẻ tín dụng vì mã PIN có thể bị đánh cắp tại máy ATM.

Séc du lịch ít được chấp nhận như một hình thức thanh toán trực tiếp ở Brazil. Séc có thể rút được tiền mặt tại các văn phòng trao đổi, các phòng giao dịch ngân hàng, các đại lý lữ hành và khách sạn, nhưng có thể mất phí cao.

Một cách khác thay thế thẻ tín dụng và séc du lịch, là sử dụng thẻ du lịch trả trước, được chấp nhận làm thẻ ghi nợ và có thể được sử dụng tại ATM để rút tiền. Lưu ý: Một số cửa hàng nhỏ, chợ ở một số thành phố nhỏ có thể không chấp nhận thanh toán thẻ, vì vậy điều quan trọng là phải mang theo một ít tiền mặt.

Viễn thông/ Điện tử

Các khu đô thị có hệ thống viễn thông mạnh và đáng tin cậy. Các nhà cung cấp dịch vụ điện thoại di động lớn ở Brazil là Vivo (Telefónica từ Tây Ban Nha), TIM (Viễn thông Italia từ Ý), Claro (América Móvil từ Mexico) và Oi (Brazil). Sự thâm nhập điện thoại di động ở Brazil vào khoảng 140%. Wifi có thể dễ dàng truy cập ở hầu hết các khách sạn và nhà hàng ở các khu vực đô thị lớn. Internet đang tiếp cận tới người dùng ở mức hơn 61%.

Ở Brazil sử dụng ổ cắm và phích cắm loại N, cùng với phích cắm loại C nhưng không phải là ổ cắm. Hầu hết các bang của Brazil sử dụng điện 110 volt, nhưng một số nơi khác - chủ yếu ở vùng Đông Bắc thì các bang sử dụng điện 220 volt. Tuy nhiên, không có điện áp tiêu chuẩn và có thể khác nhau ở một số bang.

Giao thông vận tải

- **Sân bay**

Phần lớn các chuyến bay quốc tế từ châu Âu và Hoa Kỳ đáp tại sân bay quốc tế của Sao Paulo, Rio de Janeiro, Recife và Salvador, nơi có các chuyến bay thẳng tới các thành phố lớn khác của Brazil. Cả hai thành phố Rio và Sao Paulo đều có những sân bay quốc tế lớn và gần với trung tâm thành phố, chỉ mất 55 phút đi bằng xe của hãng hàng không giữa hai thành phố hoặc có thể đi bằng các phương tiện khác trong vùng. Sân bay quốc tế của Rio là Galeao (GIG) và trong nước là Santos Dumont (SDU); trong khi sân bay quốc tế của Sao Paulo là Guarulhos (GRU) và sân bay nội địa là Congonhas (CGH). Thuế xuất cảnh quốc tế hiện thời là 36 USD.

- **Đường sắt**

Hệ thống đường sắt du lịch ở Brazil thì chỉ có giới hạn, nên cũng không phải là lựa chọn hợp lý để đi tham quan vòng quanh đất nước này. Tuy nhiên cũng có những lộ trình tham quan bằng xe lửa. Brazil có 17.500 dặm đường sắt, so với hơn một triệu dặm đường bộ.

- **Xe buýt ở Brazil**

Giao thông công cộng, chẳng hạn như xe buýt và tàu điện ngầm, cũng có sẵn trong các khu vực tàu điện ngầm nhưng thường có thể không an toàn.

Mặc dù khoảng cách khá xa, nhưng vẫn có thể đi từ Brazil đến nước khác bằng xe buýt. Ví dụ như đi từ Rio de Janeiro tới Buenos Aires là 1.800 dặm (2.900km) sẽ mất khoảng 44 giờ. Cần phải đặt trước với đại lý du lịch hoặc tại các bến xe buýt. Làm thủ tục nhập cảnh tại biên giới. Trên toàn quốc, có dịch vụ xe buýt trong nước rất lớn, nối các thành phố chính của Brazil với nhau. Đây là một cách không đắt để tham quan du lịch, nhưng cũng cần cân nhắc đến chặng đường khá dài này. Ví dụ, Fortaleza, thủ phủ của bang Ceara vùng Bắc Mỹ, cách xa Rio de Janeiro cũng như tới Buenos Aires. Khoảng cách đi bằng đường bộ từ Rio de Janeiro đến các thành phố chính khác của Brazil là: Belém (2.014 dặm/3.240 km); Belo Horizonte (275/442); Brasília (711/140); Curitiba (520/835);

Fortaleza (1.771/2.900); Foz do Iguaco (932/1.500); João Pessoa (1.600/2.575); Manaus (2.741/4.410); Natal (1.709/2.680); Porto Alegre (963/1.555); Recife (1.529/2.460); Salvador (1.051/1.726); Santarem (2.404/3.856); Santos (311/500); Sao Paulo (266/429); Vitoria (319/525). Brazil có chiều dài quốc lộ là hơn một triệu dặm.

- **Taxi**

Brazil là thị trường lớn nhất của Uber ngoài Hoa Kỳ, nhưng cũng có một số ứng dụng di động khác cho việc thuê taxi và tài xế cá nhân để di chuyển trong các khu vực đô thị, phương thức thanh toán là sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm thẻ tín dụng quốc tế), tiền mặt hoặc thanh toán qua PayPal.

Điều quan trọng cần lưu ý là du khách nước ngoài có thể gặp khó khăn khi sử dụng thẻ tín dụng quốc tế để thanh toán dịch vụ taxi và vận chuyển ([Uber](#), [99Taxi](#), [Easy Taxi](#), [Cabify](#)) trên các ứng dụng di động. Du khách nên có tiền mặt thay thế trong trường hợp gặp phải bất kỳ vấn đề nào.

Taxi ở Brazil tương đối rẻ so với ở châu Âu và Bắc Mỹ, nhưng cao hơn ở Việt Nam. Rất dễ bắt taxi ở các thành phố lớn. Vì lý do an toàn, bạn nên gặp một người tại quầy taxi, gọi taxi qua radio hoặc đặt trên ứng dụng thay vì gọi taxi trên đường phố.

- **Thuê xe**

Bên cạnh các công ty ở địa phương thì, phần lớn các công ty cho thuê xe quốc tế nằm tại các thành phố lớn của Brazil. Các đại lý cho thuê tiếp nhận hầu hết các loại thẻ tín dụng quốc tế nhưng lại giới hạn số tuổi tối thiểu được phép lái xe là 25 tuổi. Hầu hết các công ty có thể cung cấp cho người lái xe những loại ô tô cỡ lớn. Khi là một du khách đến thăm Brazil, tất cả những gì cần có là bằng lái xe quốc tế đủ thời hạn. Lí tưởng nhất là mang loại bằng có ảnh.

Phương tiện truyền thông

Không có toà soạn báo viết bằng tiếng Anh tại Bra-xin, nhưng báo nước ngoài và tạp chí xuất bản định kì thì không khó tìm ở Rio và Sao-Paulo. Bản in quốc tế của tờ Miami Herald, USA Today và Herald Tribune được phát hành vào mỗi buổi sáng và được đưa đến hầu hết các khách sạn và các quầy bán báo. Người ta có thể mua tờ Time, Newsweek và The Economist ở hầu hết các quầy bán báo. Phần lớn những khách sạn lớn ở đây đều có vệ tinh truyền hình phát sóng cả tiếng bản ngữ từ chương trình của Mỹ, châu Âu.

Sức khỏe

Hãy chắc chắn rằng chương trình bảo hiểm y tế của bạn cung cấp bảo hiểm ở nước ngoài. Hầu hết các nhà cung cấp chăm sóc ở nước ngoài chỉ chấp nhận thanh toán bằng tiền mặt. Bảo hiểm bổ sung để chi trả cho việc sơ tán y tế được khuyến khích mạnh. Nếu đi du lịch với thuốc theo toa, hãy chắc chắn rằng loại thuốc đó hợp pháp ở Brazil. Thuốc mang theo toa phải còn nguyên trong vỉ hoặc hộp, và kèm theo toa thuốc của bác sĩ.

Du khách nên cân nhắc việc tiêm vắc-xin sốt vàng trước khi đến Brazil, vì nguồn cung cấp vắc-xin địa phương bị hạn chế. Vắc-xin sốt vàng nên được tiêm 10 ngày trước khi đi để có hiệu quả. Mặc dù không bắt buộc phải tiêm vắc-xin sốt vàng để vào Brazil, nhưng một số quốc gia láng giềng yêu cầu khách du lịch đưa ra bằng chứng về việc tiêm vắc-xin sốt vàng nếu nhập cảnh vào Brazil trước khi đến nước của họ. Tất cả khách du lịch đến Brazil nên mang theo chứng từ, chẳng hạn như thẻ tiêm chủng để biết họ đã được tiêm phòng thích hợp cho bệnh sốt vàng.

Giờ địa phương, giờ làm việc và ngày lễ

Quy ước thời gian ở Brazil là 24h, tức là 21h thay vì 9PM.

Brazil có 4 múi giờ tiêu chuẩn: Brasíin (BRT), Amazon (AMT), Fernando de Noronha Archipelago (FNT) và Acre (ACT). Hầu hết các thành phố được khách du lịch nước

ngoài ghé thăm đều sử dụng múi giờ GMT-3.

Giờ làm việc hành chính ở Brazil thường từ 9AM đến 6PM, những người đưa ra các quyết định trong công việc thường bắt đầu làm việc muộn hơn vào buổi sáng và ở lại trễ vào buổi tối. Thời gian tốt nhất cho các cuộc gọi với một giám đốc điều hành Brazil là từ 10AM – 12PM. cũng như từ 3PM – 5PM, ngoại trừ thành phố Sao Paulo. Bữa trưa kinh doanh thường kéo dài từ 01 đến 02 tiếng.

Tháng 1, tháng 2 và tháng 7 là những tháng khó sắp xếp được các cuộc họp kinh doanh với những người ra quyết định cấp cao. Đây là khoảng thời gian học sinh đang trong kỳ nghỉ; do đó nhiều gia đình chọn thời gian này để có kỳ nghỉ dài. Người Brazil có xu hướng quay trở lại làm việc sau lễ hội Carnival, thường diễn ra vào cuối tháng 2 hoặc đầu tháng 3.

Danh sách các ngày lễ ở Brazil năm 2020 và 2021

Lễ	Năm 2020	Năm 2021
New Year's Day	01/01	01/01
Carnival Friday	21/02 – 26/02	12/02 – 17/02
March Equinox	20/3	20/3
Good Friday	10/4	02/4
Easter Sunday	12/4	04/4
Tiradentes Day	21/4	21/4

Labor Day / May Day	01/5	01/5
Mother's Day	10/5	09/5
Corpus Christi	11/6	03/6
Brazilian Valentine's Day	12/6	12/6
June Solstice	20/6	21/6
Father's Day	09/8	08/8
Independence Day	07/9	07/9
September Equinox	22/9	22/9
Our Lady of Aparecida / Children's Day	12/10	12/10
Teacher's Day	15/10	15/10
Public Service Holiday	28/10	28/10
All Souls' Day	02/11	02/11
Republic Proclamation Day	15/11	15/11
Black Consciousness Day	20/11	20/11
December Solstice	21/12	21/12

Christmas Day	24/12 – 25/12	24/12 – 25/12
New Year's Eve (from 2pm)	31/12	31/12

Chương 9: Thông tin liên hệ

Cơ quan Chính phủ

Trang web của Chính phủ Brazil là trang web để tìm thông tin về các hoạt động của Chính phủ, bao gồm các kết nối đến những lĩnh vực khác: www.brazil.gov.br

Trang web của Văn phòng Tổng thống: Trang web này thông tin về các hoạt động của Tổng thống: www.planalto.gov.br

Trang web của Bộ Ngoại giao: Đây là trang web đưa rất nhiều thông tin về chính sách đối ngoại của Brazil: www.itamaraty.gov.br

Ngoài ra trên trang Youtube của Bộ Ngoại giao Brazil cũng cung cấp thông tin về các chính sách đối ngoại: www.youtube.com/MREBRASIL

Cơ quan về Kinh tế

- **Bộ Tài chính**

Website của Bộ Tài chính cung cấp nhiều thông tin về chính sách kinh tế của Chính phủ. Doanh nghiệp có thể tìm thấy thông tin mới nhất về kinh tế Brazil, gồm cả các bài phát biểu của Bộ trưởng: www.fazenda.gov.br

- **Bộ Phát triển, Công nghiệp và Ngoại thương**

Đây là trang web của Bộ Phát triển, Công nghiệp và Ngoại thương, cung cấp rất nhiều thông tin về công nghiệp và ngoại thương, gồm cả lĩnh vực xúc tiến và quốc phòng: www.mdic.gov.br

Ngoài ra, còn có trang web rất hữu ích về thống kê ngoại thương (www.aliceweb.desenvolvimento.gov.br), các thông tin tại trang web này được cập nhật

hàng tháng.

- **Bộ Nông nghiệp, Cung ứng và Phát triển Nông thôn**

Đây là trang web của Bộ Nông nghiệp, cung cấp thông tin và các số liệu thống kê về chính sách nông nghiệp: www.mapa.gov.br

- **Ngân hàng Trung ương Brazil**

Tại trang web này doanh nghiệp sẽ tìm được thông tin mới nhất về chính sách tiền tệ Brazil, cũng như các số liệu về cán cân thanh toán, lạm phát, trao đổi và các bài phát biểu của chủ tịch ngân hàng: www.bacen.gov.br

- **Ngân hàng Phát triển Kinh tế Xã hội (BNDES)**

Ngân hàng Phát triển Kinh tế Xã hội là một trong những công cụ chính của chính sách kinh tế Brazil. Ngân hàng BNDES chịu trách nhiệm tài chính cho các dự án về phát triển và hỗ trợ xuất khẩu: www.bndes.gov

- **IBGE**

Bạn có thể tìm thấy ở trang web này tất cả các thống kê hiện có tại Brazil: www.ibge.gov.br

- **Embrapa**

Đây là trang web của Học viện nghiên cứu nông nghiệp của Chính phủ Brazil: www.embrapa.gov.br

- **Cục Xúc tiến Xuất khẩu của Brazil**

Website: www.apex.gov.br

- **Brasil Global Net**

Trang web này do Bộ Ngoại giao xây dựng nhằm thúc đẩy ngoại thương Brazil. Qua trang web này doanh nghiệp có thể truy cập được một hệ thống thông tin lớn về các cơ hội thương mại, bao gồm cả đầu tư, thông tin của nhiều doanh nghiệp xuất khẩu Brazil. Mục đích của trang web là nhằm tạo thuận lợi cho việc trao đổi buôn bán: www.brasilglobalnet.gov.br

- **Bovespa**

Đây là trang web của Thị trường Chứng khoán chính của Brazil: www.bovespa.com.br

- **BM&F**

Đây là trang web của Thị trường Chứng khoán Tương lai: www.bmf.com.br

Thông tin về lĩnh vực Văn hoá

➤ **Nghệ thuật**

- Funarte – www.funarte.gov.br
- IPHAM – www.ipham.gov.br
- Itaú Cultural – www.itaucultural.org.br

➤ **Điện ảnh**

- ANCINE – www.ancine.gov.br
- Cinemateca – www.cinemateca.gov.br

➤ **Thời trang**

- Hội Công nghiệp Dệt và Pha chế Brazil – www.abit.org.br
- Tuần lễ Thời trang Rio – www.fashionrio.org.br
- Tuần lễ Thời trang São Paulo – www.spfw.org.br
- **Văn học**
 - Thư viện Quốc gia – www.bn.br
 - Tác phẩm Văn học – www.dominiopublico.gov.br
 - CAPES – www.capes.gov.br
- **Âm nhạc:** Đài MEC – www.radiomec.com.br/online

Bộ phận Lãnh sự

➤ **Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Brazil**

Thời gian làm việc: Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00-17:00

Địa chỉ: SHIS QI 09 Conj. 10 Casa 1 – Lago Sul, Brasília/DF CEP:71625-100, BRASIL.

Tel: + 55 61 3364 5876 / 3364 0675

Hotline bảo hộ công dân Việt Nam tại Brazil: 00 844 62 844 844

Fax: + 55 61 3364 5836

Email: embavina@yahoo.com

Danh sách cán bộ ngoại giao

- Đỗ Bá Khoa: Đại sứ Đặc mệnh Toàn quyền

- Lê Việt Hoàng: Tham tán - Người thứ Hai
- Lê Hồng Quang: Tham tán Thương mại
- Nguyễn Thái Dương: Tùy viên Quốc phòng
- Lê Thị Vân Hạnh: Bí thư thứ hai
- Phạm Việt Hoàng: Bí thư thứ ba
- Trương Tuấn Hưng: Trợ lý Tùy viên Quốc phòng

➤ **Đại sứ quán Brazil tại Hà Nội**

Đại sứ quán Bra-xin nằm trên bờ Hồ Tây tại trung tâm thành phố Hà Nội

Địa chỉ: D6/7, số 14 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam

Tel.: 04 3843 2544

Fax: 04 3843 2542

Email: brasemb.hanoi@itamaraty.gov.br

Thông tin liên hệ:

- **Đại sứ:** Fernando Apparício da Silva
- **Thư kí:** Nguyễn Thị Bình

Email: brasemb.hanoi@itamaraty.gov.br

- **Tham tán công sứ Maria Feliciano Ortigão**

Email: economico.hanoi@itamaraty.gov.br

- **Bí thư João Christófolo**

Email: politico.hanoi@itamaraty.gov.br

- **Thư kí Lucas Vinícius Sversut**

Email: secom.hanoi@itamaraty.gov.br

- **Tuỳ viên Quốc phòng và Không quân**

Đại tá Victor Fernando Trotta Nunes

Tel: 0086 10 6532 4339

Fax: 0086 10 6532 4340

Email: adidef@brazil.org.cn

- **Tuỳ viên Hải quân**

Trung tá Comandante Antonio Lopes Caputo

Tel: 0086 10 6532 0551

Fax: 0086 10 6532 4340

Email: adinav@brazil.org.cn

- **Tuỳ viên Lục quân**

Đại tá Sérgio Schwingel

Tel: 0086 10 6532 4338

Fax: 0086 10 6532 4338 / 4340

Email: adiex@brazil.org.cn

- **Phòng Kinh tế**

Tham tán Công sứ Maria Feliciano Ortigão

Email: economico.hanoi@itamaraty.gov.br

- **Phòng Chính trị**

Bí thư João Christófolo

Email: politico.hanoi@itamaraty.gov.br

- **Phòng Lãnh sự**

Nhân viên Dương Việt Cường (José) và Luu Ly (Célia)

Tel: (84 4) 3843 2544 (nhánh 121)

Đường dây nóng: (84) 9 0441 9922 (với cuộc gọi từ nước ngoài)

và 09 0441 9922 (tại Việt Nam)

Email: consular.hanoi@itamaraty.gov.br

- **Phòng Văn hoá**

Nhân viên: Luu Ly (Célia)

Email: cultural.hanoi@itamaraty.gov.br

- **Phòng Xúc tiến Thương mại**

Thư kí Lucas Vinícius Sversut

Nhân viên: Bùi Huyền Anh

Nhân viên: Lê Thu Hằng

Email: secom.hanoi@itamaraty.gov.br

- **Phòng Hành chính và Kế toán**

Nhân viên ngoại giao Marcelo Yoshiaki Hanai Akashi

Nhân viên: Nguyen Thai Hoai Anh (Bella)

Email: administ.hanoi@itamaraty.gov.br

- **Phòng Thông tin**

Nhân viên ngoại giao Luiz Persenoga

Email: brasemb.hanoi@itamaraty.gov.br